

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI    CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **60** /2014/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày **03** tháng **11** năm 2014

**THÔNG TƯ**

**Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải**

|                                  |                                                      |
|----------------------------------|------------------------------------------------------|
| CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ |                                                      |
| <b>ĐẾN</b>                       | Số: <b>C</b> .....<br>Ngày: <b>02</b> / <b>12</b> .. |

*Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 27 tháng 6 năm 2005;*

*Căn cứ Nghị định số 173/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của hoa tiêu hàng hải;*

*Căn cứ Nghị định số 49/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Điều 11 Nghị định số 173/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của hoa tiêu hàng hải;*

*Căn cứ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;*

*Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học - Công nghệ và Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam,*

*Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải.*

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Thông tư này định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải.

**Điều 2.** Thông tư này điều chỉnh các hoạt động dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải, được áp dụng đối với tổ chức hoa tiêu hàng hải (sau đây gọi là Công ty hoa tiêu), người thực hiện nhiệm vụ hoa tiêu hàng hải (sau đây gọi là Hoa tiêu) và cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến tổ chức và hoạt động của hoa tiêu hàng hải tại Việt Nam.

**Điều 3.** Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015. Bãi bỏ Thông tư số 69/2011/TT-BGTVT ngày 30/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải và Thông tư số 42/2013/TT-BGTVT ngày 14/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải bổ sung Phụ lục của định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải ban hành kèm theo Thông tư số 69/2011/TT-BGTVT ngày 30/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

**Điều 4.** Giao Vụ Khoa học-Công nghệ chủ trì, phối hợp với Cục Hàng hải Việt Nam và các đơn vị liên quan tổ chức theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện các quy định của Thông tư này, hàng năm kiểm tra việc đảm bảo chất lượng cung ứng dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải theo quy định.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Tổng Giám đốc Tổng công ty Bảo đảm an toàn Hàng hải miền Bắc, Tổng Giám đốc Tổng công ty Bảo đảm an toàn Hàng hải miền Nam, Giám đốc các công ty Hoa tiêu hàng hải, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Thứ trưởng;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo; Cổng TTĐT Chính phủ;
- Trang Thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Báo GT, Tạp chí GTVT;
- Lưu: VT, KHCN.



**BỘ TRƯỞNG**

**Đinh La Thăng**

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI    CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT**  
**DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HOA TIÊU HÀNG HẢI**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BGTVT ngày 03 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Cơ sở pháp lý xây dựng định mức**

1. Bộ luật Lao động ngày 18 tháng 6 năm 2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
2. Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 27 tháng 6 năm 2005;
3. Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;
5. Nghị định số 173/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của hoa tiêu hàng hải;
6. Nghị định số 49/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Điều 11 Nghị định 173/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của hoa tiêu hàng hải;
7. Các số liệu khảo sát, kiểm tra thực tế và các tài liệu liên quan đến xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải.

**Điều 2. Các nguyên tắc chung**

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải xác định mức tiêu hao nhiên liệu, dầu bôi trơn của phương tiện thủy, xe ô tô, thời gian lao động công nghệ hoa tiêu hàng hải khi Hoa tiêu thực hiện dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải trên các tuyến dẫn tàu được giao.
2. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải được xây dựng trên cơ sở quy trình tác nghiệp dẫn tàu của hoa tiêu hàng hải; quy định về cấp bậc, số lượng Hoa tiêu tối thiểu tương ứng với từng loại tàu và tuyến dẫn

tàu; yêu cầu về loại phương tiện đưa, đón Hoa tiêu phù hợp với điều kiện thực tế của hoạt động hoa tiêu dẫn tàu trong các vùng hoa tiêu bắt buộc.

3. Các mức quy định tại nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật này là mức cao nhất có thể áp dụng theo quy trình đầy đủ. Tuy nhiên, các cơ quan, đơn vị cần phải tiết giảm chi phí, đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng để áp dụng các mức thấp hơn.

4. Trường hợp bổ sung tuyến dẫn tàu được giao thì Công ty hoa tiêu phải có kết quả khảo sát chi tiết, báo cáo Cục Hàng hải Việt Nam thẩm định, trình Bộ Giao thông vận tải chấp thuận làm cơ sở triển khai áp dụng.

### **Điều 3. Nội dung định mức**

Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải bao gồm:

*1. Định mức thời gian lao động công nghệ hoa tiêu hàng hải cho từng tuyến dẫn tàu.*

Thể hiện mức thời gian lao động công nghệ của Hoa tiêu khi hoàn thành một quy trình công nghệ dẫn tàu đối với từng tuyến dẫn tàu, được xác định qua các bước theo Quy trình tác nghiệp dẫn tàu của Hoa tiêu hàng hải.

*2. Định mức tiêu thụ nhiên liệu của phương tiện đưa, đón Hoa tiêu.*

Thể hiện mức tiêu thụ nhiên liệu, dầu bôi trơn trong 01 giờ hoạt động của máy chính và máy phát điện của phương tiện thủy đưa, đón Hoa tiêu, được xác định tại các chế độ khai thác máy;

Thể hiện mức tiêu thụ nhiên liệu, dầu bôi trơn của xe ô tô đưa, đón Hoa tiêu khi chạy 100 km.

### **Điều 4. Kết cấu định mức**

Chương 1: Quy định chung;

Chương 2: Quy trình tác nghiệp dẫn tàu và tiêu chuẩn về đảm bảo chất lượng dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải;

Chương 3: Định mức thời gian lao động công nghệ hoa tiêu;

Chương 4: Định mức tiêu thụ nhiên liệu và dầu bôi trơn của phương tiện thủy, xe ô tô đưa, đón Hoa tiêu;

Phụ lục: Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ công ích hoa tiêu.

### **Điều 5. Quy định áp dụng định mức**

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải áp dụng cho một lượt Hoa tiêu dẫn tàu trên 01 tuyến dẫn tàu được giao. Trong quá trình thực hiện định mức được áp dụng các hệ số điều chỉnh k như sau:

a) Với khoảng cách dẫn tàu xa, yêu cầu Hoa tiêu dẫn tàu phải làm việc liên tục từ trên 08 giờ đến 12 giờ: thời gian hoạt động của Hoa tiêu được áp dụng hệ số  $k_1 \leq 1,7$ .

b) Định mức tiêu thụ nhiên liệu của phương tiện đưa, đón Hoa tiêu được xác định trên cơ sở đưa, đón 01 Hoa tiêu cho 01 lượt dẫn tàu ( $k_2 = 1,0$ ). Nếu công tác đưa, đón Hoa tiêu dẫn tàu được kết hợp cho nhiều tàu thì khi tính lượng tiêu hao nhiên liệu cho phương tiện đưa, đón Hoa tiêu sẽ áp dụng hệ số điều chỉnh  $k_2 \leq 0,7$ .

c) Đối với các tuyến dẫn tàu có bố trí Trạm hoa tiêu, Công ty hoa tiêu bố trí xe ô tô đưa đón Hoa tiêu kết hợp chuyển đổi Hoa tiêu thường trực tại Trạm được tính với hệ số  $k_3 \leq 0,5$ ; Quy trình tác nghiệp dẫn tàu của Hoa tiêu được tính bắt đầu từ Trạm hoa tiêu.

d) Các mức quy định trong định mức này áp dụng trong trường hợp các Công ty hoa tiêu đảm bảo chất lượng dịch vụ theo các tiêu chí được nêu tại định mức này và theo các quy định hiện hành. Trong trường hợp kết quả kiểm tra xác nhận chất lượng dịch vụ thấp hơn (hoặc cao hơn) các tiêu chí về tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ công ích hoa tiêu quy định tại Chương 2 của định mức này, thì sẽ áp dụng hệ số điều chỉnh  $k_4 = 0,9$  (hoặc  $1,1$ ) đối với các nội dung định mức có liên quan. Đối với các chi phí có liên quan đến huấn luyện, nâng cao nghiệp vụ thì có thể áp dụng thêm hệ số huấn luyện, nâng cao nghiệp vụ  $k_5 \leq 0,3$  trên tổng số lượt dẫn tàu.

2. Những công tác khác không quy định trong định mức này thì áp dụng theo các định mức và quy định hiện hành của Nhà nước.

## **Chương II**

### **QUY TRÌNH TÁC NGHIỆP DẪN TÀU VÀ TIÊU CHUẨN VỀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HOA TIÊU HÀNG HẢI**

#### **Điều 6. Quy trình tác nghiệp dẫn tàu vào cầu cảng hoặc đến vị trí yêu cầu**

##### **1. Bước 1: Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty hoa tiêu**

Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty hoa tiêu và tiến hành xem xét, nghiên cứu các yếu tố liên quan (khí tượng, thủy hải văn, vị trí cầu cảng, vị trí giàn khoan, bến neo, phao buộc...), chuẩn bị phương án điều động, tác nghiệp trên hải đồ.

##### **2. Bước 2: Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn**

a) Xe ô tô đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty hoa tiêu đến Trạm hoa tiêu hoặc đến vị trí tập kết phương tiện thủy của Công ty hoa tiêu (sau đây gọi là Bến xuất phát); hoặc có thể sử dụng ca nô để đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty hoa tiêu đến bến xuất phát. Thời gian đi đường (kể cả thời gian trình báo thủ tục) được xác định theo quãng đường đi thực tế với tốc độ trung bình của xe ô tô: 25 km/h trong thành phố, 50km/h ngoài thành phố hoặc khoảng cách di chuyển với tốc độ trung bình của ca nô;

b) Phương tiện thủy làm ma nơ rời bến, đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn, thời gian hành trình được xác định theo khoảng cách di chuyển với tốc độ trung bình của phương tiện thủy;

c) Phương tiện thủy làm ma nơ cập tàu được dẫn, nổ máy chờ Hoa tiêu lên tàu.

##### **3. Bước 3: Phương tiện thủy hành trình quay về**

a) Trường hợp tàu được dẫn cập bến xuất phát: Phương tiện thủy làm ma nơ rời tàu được dẫn về bến xuất phát;

b) Trường hợp tàu được dẫn cập cảng hoặc neo, buộc có vị trí khác với bến xuất phát: Phương tiện thủy làm ma nơ rời tàu được dẫn và hành trình theo tàu được dẫn hoặc về bến xuất phát;

c) Thời gian hành trình của phương tiện thủy được xác định theo khoảng cách di chuyển với tốc độ trung bình.

##### **4. Bước 4: Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu**

a) Hoa tiêu lên tàu được dẫn, trao đổi thống nhất kế hoạch dẫn tàu với Thuyền trưởng;

b) Hoa tiêu điều động tàu được dẫn kéo neo, hoặc cời dây buộc phao và dẫn tàu cập cầu cảng hoặc đến vị trí yêu cầu. Thời gian hành trình được xác định theo khoảng cách di chuyển với tốc độ chạy tàu cho phép đối với từng tuyến dẫn tàu;

c) Hoa tiêu ma nơ tàu được dẫn cập cảng hoặc thả neo, buộc phao;

d) Hoa tiêu bàn giao công việc cho Thuyền trưởng, chờ tàu làm cầu thang (nếu ở cầu cảng) hoặc chờ phương tiện thủy làm ma nơ cập tàu (nếu neo, buộc phao) và rời tàu được dẫn.

#### 5. Bước 5: Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty hoa tiêu

a) Tàu được dẫn cập bến xuất phát: Xe ô tô đón Hoa tiêu từ cầu cảng về Trụ sở Công ty hoa tiêu, thời gian đi đường (kể cả thời gian trình báo thủ tục) được xác định theo quãng đường đi thực tế với tốc độ trung bình của xe ô tô: 25 km/h trong thành phố, 50 km/h ngoài thành phố;

b) Tàu được dẫn cập cảng hoặc neo, buộc phao có vị trí khác bến xuất phát:

Phương tiện thủy làm ma nơ cập tàu được dẫn đón và đưa Hoa tiêu về bến xuất phát, thời gian hành trình được xác định theo khoảng cách di chuyển với tốc độ trung bình của phương tiện thủy;

Xe ô tô đón Hoa tiêu từ bến xuất phát về Trụ sở Công ty hoa tiêu, thời gian đi đường (kể cả thời gian trình báo thủ tục) được xác định theo quãng đường đi thực tế với tốc độ trung bình của xe ô tô: 25 km/h trong thành phố, 50 km/h ngoài thành phố; hoặc

Phương tiện thủy, hoặc xe ô tô, hoặc cả hai loại phương tiện đưa Hoa tiêu từ tàu được dẫn về Trụ sở Công ty hoa tiêu. Thời gian hành trình của phương tiện thủy được xác định theo khoảng cách di chuyển với tốc độ trung bình của phương tiện thủy; thời gian xe ô tô hoạt động được xác định theo quãng đường đi thực tế với tốc độ trung bình: 25 km/h trong thành phố, 50 km/h ngoài thành phố.

c) Tác nghiệp Hoa tiêu dẫn tàu rời cảng, vị trí neo, buộc phao thực hiện theo quy trình ngược lại tương tự.

### **Điều 7. Quy trình tác nghiệp dẫn tàu dầu ra giàn khoan khai thác dầu**

1. Phương án Hoa tiêu đi cùng tàu dầu được dẫn ra giàn khoan khai thác dầu và dẫn tàu dầu quay về

a) Bước 1: Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty hoa tiêu

Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty hoa tiêu và tiến hành xem xét, nghiên cứu các yếu tố liên quan (khí tượng, thủy văn, vị trí cầu cảng, bến neo, phao buộc...), chuẩn bị phương án điều động, tác nghiệp trên hải đồ.

b) Bước 2: Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu dầu

Xe ô tô đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty hoa tiêu đến bến xuất phát, thời gian đi đường (kể cả thời gian trình báo thủ tục) được xác định theo quãng đường đi thực tế với tốc độ trung bình của xe ô tô: 25 km/h trong thành phố, 50 km/h ngoài thành phố;

Phương tiện thủy làm ma nơ rời bến, đưa Hoa tiêu đến tàu dầu được dẫn, thời gian hành trình được xác định theo khoảng cách di chuyển với tốc độ trung bình của phương tiện thủy.

c) Bước 3: Phương tiện thủy hành trình về bến xuất phát

Phương tiện thủy ma nơ cập tàu dầu được dẫn, nổ máy chờ Hoa tiêu lên tàu dầu được dẫn và làm ma nơ rời tàu dầu về bến xuất phát; Thời gian hành trình được xác định theo khoảng cách di chuyển với tốc độ trung bình của phương tiện thủy.

d) Bước 4: Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu dầu được dẫn ra giàn khoan khai thác dầu và quay về

Hoa tiêu lên tàu, trao đổi thống nhất kế hoạch dẫn tàu với thuyền trưởng;

Chuẩn bị và chờ đợi các yếu tố thuận lợi cho hành trình dẫn tàu dầu: Thủy triều, thời tiết, bố trí tàu lai dắt...;

Điều động tàu dầu được dẫn kéo neo và tác nghiệp dẫn tàu dầu từ vùng đón trả Hoa tiêu quy định đến vùng đón trả Hoa tiêu của mỏ, thời gian hành trình được xác định theo khoảng cách di chuyển với tốc độ cho phép đối với từng tuyến dẫn tàu;

Trao đổi với thuyền trưởng và đại diện giàn khoan khai thác dầu để thống nhất phương án cập buộc;

Hướng dẫn tàu lai tác nghiệp và làm ma nơ tàu dầu được dẫn cập kho nổi chứa dầu để làm hàng;

Điều động tàu dầu nối ống bơm dầu với kho nổi chứa dầu;

Trong suốt quá trình bơm dầu từ kho nổi chứa dầu vào tàu dầu, Hoa tiêu liên tục thường trực điều động để tàu dầu ổn định, kiểm tra hầm hàng và làm hàng;

Điều động tàu dầu ổn định để tháo ống bơm dầu và chờ xác định khối lượng hàng hóa;

Trao đổi với thuyền trưởng phương án đưa tàu dầu ra, làm ma nơ tàu dầu rời kho nổi chứa dầu;

Điều động tháo dây tàu lai và điều động tàu dầu được dẫn về vị trí an toàn, chờ làm các thủ tục xác nhận về hàng hóa và thông quan;

Điều động tàu dầu được dẫn tiếp tục về vị trí đón trả hoa tiêu quy định. Thời gian hành trình được xác định theo khoảng cách di chuyển với tốc độ cho phép chạy tàu đối với từng tuyến dẫn tàu;

Hoa tiêu hoàn tất công việc dẫn tàu và bàn giao tàu dầu cho thuyền trưởng.

#### d) Bước 5: Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty hoa tiêu

Phương tiện thủy hành trình từ bến xuất phát ra vùng đón trả hoa tiêu quy định, làm ma nơ cập tàu dầu được dẫn, đón Hoa tiêu về bến xuất phát. Thời gian hành trình được xác định theo khoảng cách di chuyển với tốc độ trung bình của phương tiện thủy;

Phương tiện bộ đón Hoa tiêu từ bến xuất phát về Trụ sở Công ty hoa tiêu, thời gian đi đường (kể cả thời gian trình báo thủ tục) được xác định theo quãng đường đi thực tế với tốc độ trung bình của xe: 25 km/h trong thành phố, 50 km/h ngoài thành phố.

### 2. Phương án Hoa tiêu đi máy bay ra giàn khoan khai thác dầu và dẫn tàu dầu:

#### a) Bước 1: Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty hoa tiêu

Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty hoa tiêu và tiến hành xem xét, nghiên cứu các yếu tố liên quan (khí tượng, thủy hải văn, vị trí giàn khoan, bến neo, phao buộc...), chuẩn bị phương án điều động, tác nghiệp trên hải đồ.

#### b) Bước 2: Hoa tiêu ra giàn khoan khai thác dầu

Xe ô tô đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty hoa tiêu ra sân bay, thời gian đi đường (kể cả thời gian trình báo thủ tục) được xác định theo quãng đường đi thực tế với tốc độ trung bình của xe: 25 km/h trong thành phố, 50 km/h ngoài thành phố;

Hoa tiêu làm thủ tục lên máy bay;

Máy bay đưa Hoa tiêu ra kho nổi chứa dầu, thời gian bay được xác định theo hợp đồng dịch vụ bay với công ty bay dịch vụ.

#### c) Bước 3: Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu dầu thực hiện nhận dầu

Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ kho nổi chứa dầu sang tàu dầu được dẫn;

Hoa tiêu trao đổi thông nhất kế hoạch dẫn tàu với thuyền trưởng và đại diện giàn khoan khai thác dầu phương án cập buộc;

Hướng dẫn tàu lai tác nghiệp và làm ma nơ tàu dầu cập kho nổi chứa dầu để làm hàng;

Điều động tàu dầu được dẫn nối ống bơm dầu với kho nổi chứa dầu;

Trong suốt quá trình bơm dầu từ kho nổi vào tàu dầu, Hoa tiêu liên tục thường trực điều động tàu dầu ổn định để kiểm tra hầm hàng và làm hàng;

Điều động tàu dầu tháo ống bơm dầu và chờ xác định khối lượng hàng hóa;

Trao đổi với Thuyền trưởng phương án đưa tàu dầu ra và làm ma nơ tàu dầu được dẫn rời kho nổi chứa dầu;

Điều động tháo dây tàu lai và điều động tàu dầu được dẫn về vị trí an toàn, chờ làm các thủ tục xác nhận về hàng hóa và thông quan;

Điều động tàu dầu được dẫn tiếp tục đến vùng đón trả hoa tiêu của mỏ;

Hoa tiêu hoàn tất công việc dẫn tàu dầu và bàn giao tàu dầu được dẫn cho thuyền trưởng;

Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ tàu dầu được dẫn về kho nổi chứa dầu, thời gian hành trình được xác định theo khoảng cách di chuyển với tốc độ trung bình của phương tiện thủy;

Hoa tiêu chờ đợi máy bay về đất liền;

Máy bay đưa hoa tiêu từ kho nổi chứa dầu về sân bay.

d) Bước 4: Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty hoa tiêu

Phương tiện bộ đón Hoa tiêu từ sân bay về Trụ sở Công ty hoa tiêu, thời gian đi đường được xác định theo quãng đường đi thực tế với tốc độ trung bình của xe: 25 km/h trong thành phố, 50 km/h ngoài thành phố.

## **Điều 8. Tiêu chuẩn về đảm bảo chất lượng dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải**

1. Tiêu chuẩn về đảm bảo chất lượng dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải là tập hợp những quy định, yêu cầu nhằm đảm bảo chất lượng dịch vụ công ích về hoa tiêu hàng hải mà Công ty hoa tiêu, các tổ chức và cá nhân có liên quan phải tuân thủ trong quá trình cung cấp dịch vụ hoa tiêu hàng hải.

2. Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải được thể hiện qua các tiêu chí:

a) Độ tin cậy của dịch vụ;

- b) Mức độ thỏa mãn nhu cầu của khách hàng (có xác nhận cụ thể);
- c) Mức độ đảm bảo an toàn, an ninh hàng hải và các quy định về phòng ngừa ô nhiễm môi trường;
- d) Phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan.

**Điều 9. Cơ sở đánh giá tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải đối với Công ty hoa tiêu**

**1. Độ tin cậy của dịch vụ**

- a) Có hệ thống quản lý chất lượng và quy trình tổ chức thực hiện hiệu quả, an toàn;
- b) Có đủ Hoa tiêu (bao gồm cả số Hoa tiêu dự phòng là 10%), phương tiện, thiết bị phụ trợ theo yêu cầu để thực hiện dịch vụ hoa tiêu hàng hải theo quy định của pháp luật;
- c) Tổ chức cung cấp hoa tiêu kịp thời; Bảo đảm chất lượng dịch vụ, an toàn, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường theo quy định của pháp luật;
- d) Trong hoạt động cung cấp dịch vụ hoa tiêu hàng hải không được để xảy ra đình công, lãn công dưới bất cứ hình thức nào;
- đ) Thực hiện các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty hoa tiêu theo quy định của pháp luật.

**2. Mức độ thỏa mãn nhu cầu của khách hàng**

- a) Tất cả các nhu cầu trước, trong và sau khi cung cấp dịch vụ hoa tiêu cho khách hàng đều được phục vụ đầy đủ, kịp thời;
- b) Không có trường hợp khách hàng phản ánh về thái độ phục vụ và nghiệp vụ chuyên môn của Hoa tiêu.

**3. Mức độ đảm bảo an toàn, an ninh hàng hải và các quy định về phòng ngừa ô nhiễm môi trường**

- a) Phối hợp với tổ chức bảo đảm an toàn hàng hải; doanh nghiệp cảng, đại lý của chủ tàu và các cơ quan, tổ chức liên quan tại khu vực để tổ chức cung cấp dịch vụ hoa tiêu hàng hải an toàn, hiệu quả;
- b) Lập kế hoạch bố trí Hoa tiêu dẫn tàu hàng ngày, thông báo với Cảng vụ hàng hải, các Công ty hoa tiêu hàng hải trong vùng hoa tiêu để thống nhất thực hiện; trường hợp có thay đổi phải kịp thời thông báo và nêu rõ lý do;
- c) Tổ chức trực ban 24/24h.

**4. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan.**

a) Đối với các bộ phận có liên quan như: Điều khiển phương tiện thủy, bộ đưa đón Hoa tiêu; nhân viên tính phí hoa tiêu,... căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao nghiêm túc thực thi chức trách của mình.

b) Phối hợp về lĩnh vực cung ứng dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải giữa các Công ty hoa tiêu:

Về lĩnh vực đào tạo, huấn luyện và cung cấp dịch vụ hoa tiêu hàng hải;

Về lĩnh vực bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường (Quy chế phối hợp VTS, nội quy cảng biển khu vực, quy định làm việc tại các doanh nghiệp cảng, tổ chức bảo đảm an toàn hàng hải ...);

Về lĩnh vực cứu hộ, tìm kiếm cứu nạn (các Công ty hoa tiêu hàng hải, Trung tâm Phối hợp tìm kiếm cứu nạn hàng hải khu vực, các Cảng vụ hàng hải khu vực...).

#### **Điều 10. Cơ sở đánh giá tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải đối với Hoa tiêu**

##### **1. Độ tin cậy**

a) Hoa tiêu đủ điều kiện hành nghề theo quy định của pháp luật;

b) Mặc trang phục, sử dụng công cụ, bảo hộ lao động theo quy định khi thực thi nhiệm vụ;

c) Không tổ chức, hoặc tham gia đình công, lãn công dưới bất cứ hình thức nào.

##### **2. Mức độ thỏa mãn nhu cầu của khách hàng**

a) Cập nhật các quy định mới, có ý thức rèn luyện nâng cao sức khỏe, tay nghề, kỹ năng điều động và xử lý tình huống;

b) Mẫn cán trong thực hiện nhiệm vụ, không gây khó khăn, sách nhiễu trong khi làm nhiệm vụ;

c) Không để xảy ra các tình trạng mất an toàn, an ninh, tai nạn tàu thuyền do lỗi chủ quan của hoa tiêu.

##### **3. Mức độ đảm bảo an toàn, đảm bảo an ninh hàng hải và việc thực hiện các quy định về phòng ngừa ô nhiễm môi trường**

a) Dẫn tàu đảm bảo an toàn, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường;

b) Dẫn tàu đi đúng tuyến luồng quy định, đúng giờ; lên xuống tàu đúng vị trí, yêu cầu quy định;

c) Tuân thủ nghiêm ngặt quy trình tác nghiệp dẫn tàu, nội quy cảng biển khu vực.

#### 4. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan

a) Hợp tác, tư vấn tốt cho thuyền trưởng, đại lý của chủ tàu về các điều kiện hành hải ở khu vực dẫn tàu; khuyến cáo thuyền trưởng về các hành động không phù hợp với quy định bảo đảm an toàn hàng hải và các quy định khác có liên quan của pháp luật;

b) Phối hợp chặt chẽ với các Cảng vụ hàng hải, Công ty hoa tiêu, tổ chức bảo đảm an toàn hàng hải, Trung tâm phối hợp tìm kiếm cứu nạn khu vực và các cơ quan hữu quan về các vấn đề có liên quan trong công tác dẫn tàu nhằm bảo đảm an toàn tuyệt đối cho con người, tàu, hàng hóa, nhà máy, cảng biển.

#### 5. Báo cáo công tác dẫn tàu

Tại tuyến dẫn tàu được giao có xác nhận của thuyền trưởng hoặc đại lý sau mỗi chuyến dẫn tàu bao gồm: Phiếu hoa tiêu dẫn tàu và phát sinh, tai nạn, tình huống nguy hiểm; thái độ tác nghiệp dẫn tàu, và những vấn đề có liên quan đến công tác dẫn tàu.

### **Chương III**

## **ĐỊNH MỨC THỜI GIAN LAO ĐỘNG CÔNG NGHỆ HOA TIÊU**

### **Điều 11. Quy định chung**

Thời gian lao động công nghệ hoa tiêu trên tuyến dẫn tàu ra, vào cảng biển, vị trí neo, buộc phao trong các vùng hoa tiêu hàng hải bắt buộc xác định căn cứ theo các yếu tố sau:

1. Sơ đồ hành trình trên tuyến dẫn tàu, tốc độ chạy tàu cho phép trên tuyến dẫn tàu, trên biển theo Nội quy cảng biển.
2. Chiều dài của tuyến dẫn tàu được xác định dựa trên cơ sở sau:
  - a) Thông báo công bố vùng nước cảng biển và các tuyến dẫn tàu trong vùng hoa tiêu bắt buộc của Việt Nam;
  - b) Quyết định về việc giao tuyến dẫn tàu cho Công ty hoa tiêu;
  - c) Xác định trên hải đồ các tuyến dẫn tàu từ các vị trí quy định đón, trả hoa tiêu (P/S) đến các cảng thuộc khu vực;
  - d) Số liệu báo cáo thống kê chiều dài tuyến dẫn tàu cụ thể của các Công ty hoa tiêu được tổng hợp trong Bảng 1, Bảng 2, Bảng 3 của Phụ lục kèm theo định mức này. Khi áp dụng để tính định mức cần được kiểm tra điều chỉnh cho phù hợp thực tế. Đối với các tuyến dẫn tàu bổ sung (chưa có trong các Bảng 1, 2, 3 của Phụ lục kèm theo định mức này) thì chiều dài tuyến dẫn tàu được xác định theo kết quả khảo sát thực tế.
3. Trường hợp Hoa tiêu dẫn tàu có dung tích lớn (từ 50.000 DWT trở lên) hoặc dẫn tàu chạy đêm thời tiết xấu, tầm nhìn xa bị hạn chế, mật độ tàu thuyền cao, tàu chở hàng nguy hiểm thì có thể: bố trí 02 Hoa tiêu làm việc trên tàu để đảm bảo an toàn hoặc áp dụng hệ số  $k_6 \leq 2,0$ .
4. Định mức thời gian hoạt động của phương tiện thủy được nêu tại Bảng 6 và định mức hao phí thời gian công nghệ hoa tiêu dẫn tàu được nêu tại Bảng 7 của Phụ lục kèm theo định mức này.

### **Điều 12. Xác định thời gian lao động công nghệ hoa tiêu dẫn tàu vào cầu cảng, hoặc đến vị trí yêu cầu**

#### **1. Thời gian chuẩn bị tác nghiệp**

Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty hoa tiêu, tiến hành xem xét nghiên cứu các yếu tố liên quan (khí tượng, thủy hải văn, vị trí cầu cảng, vị trí giàn khoan, bến neo, phao buộc) chuẩn bị phương án điều động, tác nghiệp trên hải đồ, thời gian công việc này là 20 phút.

#### **2. Thời gian đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn**

a) Thời gian phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty hoa tiêu đến bến xuất phát (kể cả thời gian trình báo thủ tục) được xác định theo quãng đường đi thực tế với tốc độ trung bình của xe: 25 km/h trong thành phố, 50 km/h ngoài thành phố. Trường hợp dùng phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty hoa tiêu đến bến xuất phát, được xác định theo khoảng cách di chuyển với tốc độ trung bình của phương tiện thủy.

b) Thời gian phương tiện thủy làm ma nơ rời bến xuất phát là 10 phút;

c) Thời gian phương tiện thủy đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn: xác định theo khoảng cách di chuyển với tốc độ trung bình của phương tiện thủy;

d) Thời gian phương tiện thủy làm ma nơ cập tàu được dẫn là 10 phút.

### 3. Thời gian Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu

a) Thời gian Hoa tiêu lên tàu được dẫn, trao đổi với thuyền trưởng là 10 phút;

b) Thời gian Hoa tiêu điều động tàu kéo neo, hoặc cời dây buộc phao, làm ma nơ tàu là 30 phút;

c) Thời gian Hoa tiêu dẫn tàu hành trình theo tuyến dẫn tàu quy định từ vị trí đón trả Hoa tiêu vào cảng hoặc vị trí neo, buộc phao theo yêu cầu: xác định theo khoảng cách dẫn tàu với tốc độ cho phép đối với tuyến dẫn tàu;

d) Thời gian Hoa tiêu làm ma nơ tàu được dẫn cập cầu cảng, hoặc vị trí neo đậu theo yêu cầu, thả neo (buộc phao) bình quân là 60 phút;

đ) Thời gian Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng, chờ tàu làm cầu thang (nếu ở cầu cảng) hoặc chờ phương tiện thủy làm ma nơ cập tàu (nếu ở khu neo, buộc phao) và rời tàu là 10 phút.

### 4. Thời gian đón Hoa tiêu từ cầu cảng hoặc vị trí neo, buộc phao của tàu được dẫn về Trụ sở Công ty hoa tiêu

a) Trường hợp tàu được dẫn cập cầu cảng xuất phát của phương tiện thủy, xe ô tô đón Hoa tiêu từ cầu cảng về Trụ sở Công ty hoa tiêu: thời gian đi đường (kể cả thời gian trình báo thủ tục) được xác định theo quãng đường đi thực tế của từng khu vực, với tốc độ xe chạy: 25 km/h trong thành phố, 50 km/h ngoài thành phố.

b) Trường hợp tàu được dẫn cập cảng hoặc neo, buộc phao có vị trí khác bến xuất phát:

Trường hợp phương tiện thủy làm ma nơ cập tàu đón Hoa tiêu và đưa về bến xuất phát. Thời gian xác định theo khoảng cách di chuyển với tốc độ trung bình của phương tiện thủy; Trường hợp phương tiện bộ đón Hoa tiêu từ bến xuất phát về Trụ sở Công ty hoa tiêu, thời gian đi đường (kể cả thời gian trình báo thủ

tục) được xác định theo quãng đường đi thực tế với tốc độ xe chạy: 25 km/h trong thành phố, 50 km/h ngoài thành phố; hoặc trường hợp phương tiện thủy hoặc xe ô tô hoặc cả hai loại phương tiện đưa Hoa tiêu từ tàu được dẫn về Trụ sở Công ty hoa tiêu: Trường hợp này thời gian hành trình của phương tiện thủy được xác định theo khoảng cách di chuyển với tốc độ trung bình của phương tiện thủy, thời gian ô tô được xác định theo quãng đường đi thực tế với tốc độ xe chạy: 25 km/h trong thành phố, 50 km/h ngoài thành phố.

5. Thời gian Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc là 10 phút.

**Điều 13. Thời gian lao động công nghệ hoa tiêu dẫn tàu dầu ra giàn khoan khai thác dầu ngoài biển với phương án Hoa tiêu đi cùng tàu dầu được dẫn ra giàn khoan khai thác dầu và dẫn tàu dầu quay về**

1. Thời gian chuẩn bị tác nghiệp: Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty hoa tiêu, xem xét nghiên cứu các yếu tố liên quan (khí tượng, thủy hải văn, vị trí cầu cảng, bến neo, phao buộc...), chuẩn bị phương án điều động, tác nghiệp trên hải đồ, thời gian cho công việc này là 20 phút.

2. Thời gian đưa Hoa tiêu đến tàu dầu được dẫn:

a) Thời gian xe ô tô đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty hoa tiêu đến bến xuất phát (kể cả thời gian trình báo thủ tục) được xác định theo quãng đường đi thực tế với tốc độ trung bình của ô tô: 25 km/h trong thành phố, 50 km/h ngoài thành phố;

b) Thời gian phương tiện thủy làm ma nơ rời bến xuất phát là 10 phút;

c) Thời gian phương tiện thủy hành trình đưa Hoa tiêu đến tàu dầu được dẫn: xác định theo khoảng cách di chuyển với tốc độ trung bình của phương tiện thủy;

d) Thời gian phương tiện thủy làm ma nơ cập tàu dầu được dẫn là 10 phút.

3. Thời gian Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu dầu:

a) Thời gian Hoa tiêu lên tàu dầu được dẫn, trao đổi với Thuyền trưởng là 20 phút;

b) Thời gian chuẩn bị và chờ đợi các yếu tố thuận lợi cho hành trình tàu chở dầu ra biển (thủy triều, thời tiết ổn định, bố trí tàu lai dắt): Tính trung bình tiến theo số liệu thống kê bình quân 03 năm gần nhất của tuyến dẫn tàu;

c) Thời gian Hoa tiêu điều động tàu dầu kéo neo là 30 phút;

d) Thời gian Hoa tiêu tác nghiệp hành trình dẫn tàu dầu từ giàn khai thác dầu trở về vùng đón trả hoa tiêu: xác định theo cự ly và tốc độ cho phép của từng tuyến dẫn tàu;

d) Thời gian trao đổi với thuyền trưởng và đại diện giàn khai thác dầu để thống nhất phương án cấp buộc là 30 phút;

e). Thời gian Hoa tiêu hướng dẫn tàu lai tác nghiệp và làm ma nơ tàu chờ dầu cập kho nổi chứa dầu của giàn khoan khai thác dầu là 120 phút;

g) Thời gian Hoa tiêu điều động tàu dầu được dẫn ổn định vị trí để nối ống bơm dầu với kho nổi chứa dầu là 120 phút;

h) Thời gian Hoa tiêu thường trực điều động tàu dầu được dẫn ổn định để làm các thủ tục kiểm tra hầm hàng là 60 phút;

i) Thời gian Hoa tiêu thường trực điều động tàu dầu được dẫn ổn định để làm hàng: Tính theo số liệu thống kê thực tế bình quân 03 năm gần nhất;

k) Thời gian Hoa tiêu điều động tàu dầu được dẫn tháo ống bơm dầu là 90 phút;

l) Thời gian Hoa tiêu điều động tàu dầu được dẫn ổn định vị trí để làm các thủ tục xác định khối lượng, chất lượng dầu là 90 phút;

m) Thời gian Hoa tiêu trao đổi với Thuyền trưởng phương án đưa tàu dầu ra là 30 phút;

n) Thời gian Hoa tiêu điều động tháo dây tàu lai và điều động tàu dầu đến vị trí an toàn, chờ làm các thủ tục xác nhận về hàng hóa và thông quan là 120 phút;

o) Thời gian Hoa tiêu tác nghiệp hành trình dẫn tàu dầu từ vị trí an toàn về vùng đón trả hoa tiêu quy định: xác định theo cự ly và tốc độ cho phép của từng tuyến dẫn tàu; thời gian Hoa tiêu hoàn tất công việc dẫn tàu và bàn giao tàu dầu cho Thuyền trưởng là 20 phút.

4. Thời gian đón Hoa tiêu từ vùng đón trả hoa tiêu quy định về Trụ sở Công ty hoa tiêu:

a) Thời gian phương tiện thủy làm ma nơ cập tàu dầu đón Hoa tiêu là 10 phút;

b) Thời gian phương tiện thủy hành trình đưa Hoa tiêu về bến xuất phát: Xác định theo khoảng cách di chuyển với tốc độ trung bình của phương tiện thủy;

c) Thời gian phương tiện bộ đón Hoa tiêu từ bến xuất phát về Trụ sở Công ty hoa tiêu (kể cả thời gian trình báo thủ tục) được xác định theo quãng đường đi thực tế với tốc độ xe chạy: 25 km/h trong thành phố, 50 km/h ngoài thành phố.

d) Thời gian Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc là 10 phút.

**Điều 14. Thời gian lao động công nghệ hoa tiêu dẫn tàu dầu ra giàn khoan khai thác dầu ngoài biển với phương án Hoa tiêu đi máy bay ra giàn khoan khai thác dầu và dẫn tàu dầu**

1. Thời gian chuẩn bị tác nghiệp: Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty hoa tiêu, xem xét nghiên cứu các yếu tố liên quan (khí tượng, thủy hải văn, vị trí cầu cảng, bến neo, phao buộc), chuẩn bị phương án điều động, tác nghiệp trên hải đồ, thời gian cho công việc này là 20 phút.

2. Thời gian đưa Hoa tiêu ra giàn khoan khai thác dầu

a) Thời gian phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty hoa tiêu ra sân bay: xác định theo quãng đường đi thực tế với tốc độ trung bình của xe: 25 km/h trong thành phố, 50 km/h ngoài thành phố;

b) Thời gian Hoa tiêu làm thủ tục lên máy bay là 60 phút;

c) Thời gian máy bay đưa Hoa tiêu ra giàn khoan khai thác dầu ngoài biển: xác định theo hợp đồng dịch vụ bay của Công ty bay dịch vụ.

3. Thời gian Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu dầu

a) Thời gian chuẩn bị và chờ đợi các yếu tố thuận lợi: đối với thủy triều, thời tiết ổn định, bố trí tàu lai dắt... tính trung bình tiên tiến theo số liệu thống kê 03 năm gần nhất.

b) Thời gian Hoa tiêu di chuyển sang tàu lai là 20 phút;

c) Thời gian tàu lai ma nơ rời kho nổi chứa dầu là 15 phút;

d) Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ kho nổi chứa dầu sang tàu dầu được dẫn, thời gian hành trình được xác định theo khoảng cách di chuyển với tốc độ trung bình của phương tiện thủy;

đ) Thời gian tàu lai ma nơ cập tàu dầu được dẫn là 20 phút;

e) Thời gian Hoa tiêu trao đổi với thuyền trưởng tàu dầu được dẫn và đại diện giàn khai thác dầu mở thông nhất phương án cập buộc là 30 phút;

g) Thời gian Hoa tiêu điều động tàu dầu được dẫn kéo neo 30 phút;

h) Thời gian tác nghiệp dẫn tàu dầu từ vùng đón trả hoa tiêu của mỏ đến kho nổi chứa dầu: xác định theo cự ly và tốc độ cho phép của tuyến dẫn tàu;

i) Thời gian Hoa tiêu hướng dẫn tàu lai tác nghiệp và làm ma nơ tàu chờ dầu cập kho nổi chứa dầu của giàn khai thác dầu mở là 120 phút;

k) Thời gian Hoa tiêu điều động tàu được dẫn ổn định vị trí để nối ống bơm dầu với kho nổi chứa dầu là 120 phút; thời gian Hoa tiêu thường trực điều động tàu dầu ổn định để làm các thủ tục kiểm tra hầm hàng là 60 phút;

l) Thời gian Hoa tiêu thường trực điều động tàu dầu ổn định để làm hàng: tính theo số liệu thống kê thực tế bình quân tiên tiến 03 năm gần nhất; thời gian Hoa tiêu điều động tàu tháo ống bơm dầu là 90 phút;

m) Thời gian Hoa tiêu trực chờ đo xác định khối lượng, chất lượng dầu là 90 phút; thời gian Hoa tiêu trao đổi với Thuyền trưởng phương án đưa tàu dầu ra là 30 phút;

n) Thời gian Hoa tiêu ma nơ tàu dầu được dẫn rời kho nổi chứa dầu đến vị trí an toàn là 60 phút; thời gian Hoa tiêu điều động tháo dây tàu lai là 30 phút;

o) Thời gian Hoa tiêu điều động tàu chờ làm các thủ tục xác nhận về hàng hóa và thông quan là 120 phút; thời gian Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu dầu từ vị trí an toàn đến vùng đón trả hoa tiêu của mỏ là 30 phút; thời gian Hoa tiêu hoàn tất công việc dẫn tàu và bàn giao tàu dầu cho thuyền trưởng là 20 phút.

4. Thời gian đón Hoa tiêu từ vùng đón trả hoa tiêu của mỏ về Trụ sở Công ty hoa tiêu

a) Thời gian phương tiện thủy làm ma nơ cập tàu dầu đón hoa tiêu là 10 phút; Hoa tiêu rời tàu dầu được dẫn lên phương tiện thủy 20 phút;

b) Thời gian phương tiện thủy đưa hoa tiêu về kho nổi chứa dầu: xác định theo khoảng cách di chuyển với tốc độ trung bình của phương tiện thủy; thời gian phương tiện thủy làm ma nơ cập kho nổi chứa dầu là 20 phút;

c) Hoa tiêu rời phương tiện thủy lên kho nổi chứa dầu là 10 phút; Hoa tiêu chờ đợi máy bay tại kho nổi chứa dầu: theo số liệu thống kê bình quân 03 năm gần nhất liên kế;

d) Thời gian hoa tiêu bay từ kho nổi chứa dầu về sân bay Vũng Tàu: xác định theo hợp đồng dịch vụ bay của Công ty bay dịch vụ;

đ) Thời gian xe ô tô đón hoa tiêu từ sân bay về Trụ sở Công ty hoa tiêu (kể cả thời gian trình báo thủ tục) được xác định theo quãng đường đi thực tế với tốc độ xe chạy: 25 km/h trong thành phố, 50km/h ngoài thành phố;

Thời gian Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc là: 10 phút.

**Chương IV**  
**ĐỊNH MỨC TIÊU HAO NHIÊN LIỆU, DẦU BÔI TRƠN**  
**CỦA PHƯƠNG TIỆN THỦY, XE Ô TÔ ĐƯA, ĐÓN HOA TIÊU**

**Điều 15. Quy định chung**

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật tiêu hao nhiên liệu, dầu bôi trơn của phương tiện thủy, xe ô tô đưa đón Hoa tiêu xác định mức hao phí cần thiết về nhiên liệu, dầu bôi trơn của phương tiện thủy, ô tô để thực hiện một quy trình dẫn tàu của hoa tiêu hàng hải.
2. Định mức kinh tế - kỹ thuật tiêu hao nhiên liệu, dầu bôi trơn được xây dựng trên cơ sở các phương tiện, thiết bị hiện đang sử dụng tại các Công ty hoa tiêu; các tài liệu kỹ thuật của nhà chế tạo và mức phụ tải thực tế sử dụng của các phương tiện; quy trình tác nghiệp dẫn tàu; tốc độ cho phép của các phương tiện thủy, bộ.
3. Định mức nhiên liệu của phương tiện thủy được tính theo lượng tiêu hao nhiên liệu trong 1 giờ làm việc (kg/h) theo các chế độ và thời gian hoạt động của phương tiện, trên cơ sở suất tiêu hao nhiên liệu ( $g_H$ ) quy định trong tài liệu kỹ thuật của nhà chế tạo.
4. Định mức nhiên liệu của xe ô tô được tính theo suất tiêu hao nhiên liệu của phương tiện mới ( $g_{oto}$ ), quy định trong tài liệu kỹ thuật của nhà chế tạo khi di chuyển 100 km (lít/100km).
5. Đối với các phương tiện thủy: Áp dụng các hệ số điều chỉnh thời gian khai thác phương tiện ( $k_t$ ) như sau:  
Đối với các phương tiện thủy có thời gian hoạt động từ 5 năm đến dưới 10 năm: Tăng thêm 3% ( $k_t = 1,03$ );  
Đối với các phương tiện thủy có thời gian hoạt động từ 10 năm trở lên: Tăng thêm 5% ( $k_t = 1,05$ );
6. Mức tiêu hao nhiên liệu của xe ô tô khi chạy trong thành phố được tính tăng thêm 10% ( $k_{tp} = 1,10$ ).
7. Mức tiêu hao dầu bôi trơn được tính theo tỷ lệ % của lượng tiêu hao nhiên liệu (1% đối với xe ô tô; 2% đối với phương tiện thủy).
8. Thông số kỹ thuật chi tiết của các loại phương tiện thủy, xe ô tô đưa đón hoa tiêu hiện có được tổng hợp trong các Bảng 4 và Bảng 5 của Phụ lục kèm theo định mức này.

### **Điều 16. Định mức kinh tế - kỹ thuật tiêu hao nhiên liệu của xe ô tô**

Lượng tiêu hao nhiên liệu của xe ô tô đưa, đón Hoa tiêu cho mỗi chuyến công tác ( $G_{oto}$ ) được xác định tại Bảng 5 của Phụ lục kèm theo định mức này.

Lượng tiêu hao nhiên liệu của xe ô tô đưa, đón Hoa tiêu cho mỗi chuyến công tác ( $G_{oto}$ ) được xác định như sau:

$$G_{oto} = g_{oto} \frac{L}{100} k_{tp} k_{dh} \quad (\text{lít})$$

Trong đó:

$G_{oto}$  - Lượng nhiên liệu tiêu hao của xe ô tô cho mỗi chuyến công tác (lít).

$g_{oto}$  - Suất tiêu hao nhiên liệu của xe ô tô trên quãng đường 100km, căn cứ trên cơ sở tài liệu kỹ thuật của nhà chế tạo cung cấp, hoặc kết quả thử nghiệm (lít/100km).

$k_{tp} = 1,10$  - Hệ số điều chỉnh khi xe ô tô chạy trong thành phố.

$k_{dh} = 1,05$  - Hệ số điều chỉnh khi xe chạy sử dụng điều hòa nhiệt độ.

$L$  - Quãng đường thực tế xe chạy đưa đón Hoa tiêu trong chuyến công tác (km).

### **Điều 17. Định mức kinh tế - kỹ thuật tiêu hao nhiên liệu của phương tiện thủy**

#### **1. Các chế độ hoạt động của tàu đưa đón Hoa tiêu**

Các chế độ hoạt động của tàu đưa đón Hoa tiêu: manơ rời, cập cầu cảng, hành trình đưa (hoặc đón) Hoa tiêu trên tuyến luồng, manơ cập, rời tàu được dẫn, nổ máy chờ Hoa tiêu, được xác định thông qua hệ số chế độ hoạt động của tàu thủy ( $k_{tt}$ ), cụ thể như sau:

a) Làm manơ rời, cập cầu cảng: Máy chạy ở chế độ tương ứng 30% công suất định mức của máy ( $N_e$ ) quy định trong tài liệu kỹ thuật của nhà chế tạo ( $k_{tt} = 0,30$ );

b) Hành trình đưa (hoặc đón) Hoa tiêu trên tuyến luồng (từ điểm neo ra vùng đón trả hoa tiêu hoặc ngược lại): Chạy máy ở chế độ tương ứng 85% công suất định mức ( $N_e$ ) của máy ( $k_{tt} = 0,85$ );

c) Làm manơ cập, rời tàu được dẫn: Chạy máy ở chế độ trung bình, tương ứng 50% công suất định mức của máy ( $k_{tt} = 0,50$ );

d) Chờ Hoa tiêu: Chạy máy ở chế độ máy tương ứng 40% công suất định mức của máy để chờ lệnh của Hoa tiêu trước khi trở về bến xuất phát ( $k_{tt} = 0,40$ );

#### **2. Các chế độ hoạt động của Ca nô đưa đón Hoa tiêu**

Các chế độ hoạt động của canô đưa đón Hoa tiêu: Manơ ròi, cập cầu cảng, hành trình đưa (hoặc đón) Hoa tiêu trên tuyến luồng, manơ cập, ròi tàu được dẫn, nổ máy chờ Hoa tiêu, được xác định thông qua hệ số chế độ hoạt động của canô ( $k_{cn}$ ), cụ thể như sau:

a) Làm manơ ròi, cập cầu cảng: Chạy máy ở chế độ tương ứng 30% công suất định mức của máy ( $N_e$ ) quy định trong tài liệu kỹ thuật của nhà chế tạo ( $k_{cn} = 0,30$ );

b) Hành trình đưa (hoặc đón) Hoa tiêu từ cầu cảng ra vị trí neo của tàu được dẫn và ngược lại: Canô chạy máy ở chế độ hành trình tương ứng 85% công suất định mức của máy ( $N_e$ ) quy định trong tài liệu kỹ thuật của nhà chế tạo ( $k_{cn} = 0,85$ );

c) Làm manơ cập, ròi tàu được dẫn để đưa, đón Hoa tiêu: Khi canô hành trình đến tàu được dẫn neo tại vùng đón trả hoa tiêu, chạy máy ở chế độ tương ứng 40% công suất định mức của máy ( $N_e$ ), quy định trong tài liệu kỹ thuật của nhà chế tạo ( $k_{cn} = 0,40$ );

3. Xác định lượng tiêu hao nhiên liệu trong 01 giờ hoạt động của phương tiện thủy

Lượng tiêu hao nhiên liệu trong 01 giờ hoạt động của phương tiện thủy được xác định như sau:

$$G_{tt} = \frac{g_{tt} \cdot N_e}{1000} k_{tt} \text{ (hoặc } k_{cn}) \cdot k_t \cdot k_l \text{ (kg/h)}$$

Trong đó:

$G_{tt}$  - Lượng tiêu hao nhiên liệu trong 01 giờ ở các chế độ hoạt động khác nhau của phương tiện thủy (kg/h);  $N_e$  - Công suất định mức của máy, quy định trong tài liệu kỹ thuật của nhà chế tạo, (hp);  $g_{tt}$  - Suất tiêu hao nhiên liệu của động cơ ở chế độ khai thác  $N_e$ , được xác định theo tài liệu kỹ thuật của nhà chế tạo (g/hp.h);  $k_{tt}$  ( $k_{cn}$ ) - Hệ số điều chỉnh mức công suất theo các chế độ hoạt động khác nhau của tàu thủy (hoặc canô) đưa, đón Hoa tiêu;  $k_t$  - Hệ số điều chỉnh thời gian khai thác phương tiện;  $k_l$  - Hệ số điều chỉnh suất tiêu hao nhiên liệu ở các mức công suất khai thác khác nhau được xác định theo Hệ số điều chỉnh theo bảng dưới đây:

| $k_{tt}$ (hoặc $k_{cn}$ ) | $\leq 0,25$ | $0,25 \div \leq 0,50$ | $0,50 \div \leq 0,75$ | $> 0,75$ |
|---------------------------|-------------|-----------------------|-----------------------|----------|
| $k_l$                     | 1,3         | 1,2                   | 1,1                   | 1,0      |

Lượng tiêu hao nhiên liệu của phương tiện thủy được xác định tại Bảng 6 của Phụ lục kèm theo định mức này.

## PHỤ LỤC

**Bảng 1. Mã hiệu và khoảng cách các tuyến dẫn tàu**

| TT  | Từ vị trí đón đến vị trí trả hoa tiêu<br>(và ngược lại) | Mã tuyến<br>luồng dẫn<br>tàu | Khoảng<br>cách dẫn<br>tàu (hải lý) |
|-----|---------------------------------------------------------|------------------------------|------------------------------------|
| 1.  | P/S 3 Vũng Tàu - Sài Gòn                                | T1                           | 52                                 |
| 2.  | P/S 3 Vũng Tàu - Đồng Nai                               | T2                           | 70                                 |
| 3.  | P/S 3 Vũng Tàu - Hiệp Phước                             | T3                           | 42                                 |
| 4.  | P/S 3 Vũng Tàu - Long An                                | T4                           | 55                                 |
| 5.  | P/S 3 Vũng Tàu - Đồng Tháp                              | T5                           | 115                                |
| 6.  | P/S 3 Vũng Tàu - Cát Lở                                 | T6                           | 11                                 |
| 7.  | Sài Gòn - Đồng Nai                                      | T7                           | 24                                 |
| 8.  | Sài Gòn - Đồng Tháp                                     | T8                           | 163                                |
| 9.  | Sài Gòn - Long An                                       | T9                           | 57                                 |
| 10. | P/S 3 Vũng Tàu - Bến Lức (qua Vàm Láng)                 | T10                          | 55                                 |
| 11. | P/S 3 Vũng Tàu - Nhà máy điện Nhơn Trạch                | T11                          | 32                                 |
| 12. | P/S 3 Vũng Tàu - Gò Gia                                 | T12                          | 22                                 |
| 13. | Dời khu vực Sài Gòn - Vũng Tàu                          | T13                          | 5                                  |
| 14. | Sài Gòn - Sa Đéc                                        | T13a                         | 85                                 |
| 15. | P/S 3 Vũng Tàu - Bình Khánh (qua sông Soài Rạp)         | T13b                         | 45                                 |
| 16. | P/S 3 Vũng Tàu - Mỹ Tho                                 | T13c                         | 60                                 |
| 17. | Mỹ Tho - Vĩnh Xương                                     | T13d                         | 95                                 |
| 18. | P/S Bình Thuận - Cảng Vĩnh Tân                          | T13e                         | 7                                  |
| 19. | P/S Bình Thuận - Cảng LPG Hòa Phú                       | T13g                         | 3                                  |
| 20. | Khu chuyển tải biển Hồ Lân                              | T13h                         | 3                                  |

| TT  | Từ vị trí đón đến vị trí trả hoa tiêu<br>(và ngược lại)                   | Mã tuyến<br>luồng dẫn<br>tàu | Khoảng<br>cách dẫn<br>tàu (hải lý) |
|-----|---------------------------------------------------------------------------|------------------------------|------------------------------------|
| 21. | P/S Định An - Cụm Cảng Cần Thơ (các Cảng: Cần Thơ, Cái Cui, Dầu Petro...) | T14                          | 65                                 |
| 22. | P/S Định An - Cảng Mỹ Thới (An Giang)                                     | T15                          | 90                                 |
| 23. | P/S Định An - Cảng Trần Quốc Toàn (Đồng Tháp)                             | T16                          | 140                                |
| 24. | P/S Bò Đề - Cảng Năm Căn (Cà Mau)                                         | T17                          | 25                                 |
| 25. | P/S Bình Trị - Cảng Bình Trị (Hòn Chông)                                  | T18                          | 10                                 |
| 26. | Cảng Cái Cui - Cảng Cần Thơ                                               | T97                          | 9                                  |
| 27. | Di chuyển trong Cảng Cần Thơ                                              | T98                          | 4                                  |
| 28. | P/S Định An - Vĩnh Xương (Biên giới)                                      | T98a                         | 135                                |
| 29. | P/S Định An - Trạm Định An                                                | T98b                         | 17                                 |
| 30. | P/S Dương Đông - Cảng An Thới (Phú Quốc)                                  | T98c                         | 16                                 |
| 31. | P/S Dương Đông - Cảng Dương Đông (Phú Quốc)                               | T98d                         | 4                                  |
| 32. | P/S An Thới - Cảng An Thới                                                | T98e                         | 4                                  |
| 33. | P/S An Thới - Cảng Dương Đông                                             | T98g                         | 16                                 |
| 34. | Cần Thơ - Đồng Tháp                                                       | T98h                         | 75                                 |
| 35. | Cần Thơ - Vĩnh Xương (Biên giới)                                          | T98i                         | 70                                 |
| 36. | Cần Thơ - Mỹ Thới                                                         | T98k                         | 25                                 |
| 37. | P/S Quan Chánh Bó - Nhà máy Nhiệt điện Trà Vinh                           | T98l                         | 6                                  |
| 38. | P/S Quy Nhơn - Cảng Quy Nhơn                                              | T19                          | 5                                  |
| 39. | P/S Quy Nhơn - Cảng dầu, khu neo đậu Cảng Quy Nhơn                        | T20                          | 6                                  |

| <b>TT</b> | <b>Từ vị trí đón đến vị trí trả hoa tiêu<br/>(và ngược lại)</b> | <b>Mã tuyến<br/>luồng dẫn<br/>tàu</b> | <b>Khoảng<br/>cách dẫn<br/>tàu (hải lý)</b> |
|-----------|-----------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------------|
| 40.       | P/S Vũng Rô - Cảng dầu Vũng Rô                                  | T21                                   | 5                                           |
| 41.       | P/S Đà Diễn - Khu chuyển tải Đà Diễn                            | T22                                   | 4                                           |
| 42.       | P/S Tiên Châu - Khu chuyển tải Tiên Châu                        | T23                                   | 4                                           |
| 43.       | P/S Đề Gi - Khu chuyển tải Đề Gi                                | T24                                   | 4                                           |
| 44.       | P/S Bàn Thạch - Khu chuyển tải Bàn Thạch                        | T24a                                  | 4                                           |
| 45.       | P/S Nha Trang - Cảng Nha Trang                                  | T25                                   | 5                                           |
| 46.       | P/S Vân Phong - Cảng HVS                                        | T26                                   | 8                                           |
| 47.       | P/S Vân Phong - Cảng chuyển tải dầu STS                         | T27                                   | 6                                           |
| 48.       | P/S Vân Phong - Cảng Đầm Môn                                    | T28                                   | 11                                          |
| 49.       | P/S Vân Phong - Cảng xi măng Nghi Sơn                           | T29                                   | 10                                          |
| 50.       | P/S Vân Phong - Cảng kho dầu ngoại quan Vân Phong               | T30                                   | 8                                           |
| 51.       | P/S Ba Ngòi - Cảng Cam Ranh                                     | T31                                   | 9                                           |
| 52.       | P/S Ba Ngòi - Cảng xi măng Hà Tiên                              | T32                                   | 10                                          |
| 53.       | P/S Ba Ngòi - Kho K720                                          | T33                                   | 10                                          |
| 54.       | P/S Ninh Chữ - Khu chuyển tải Ninh Chữ                          | T34                                   | 5                                           |
| 55.       | P/S Vân Phong - Cảng Hòn Khói                                   | T34a                                  | 14                                          |
| 56.       | P/S Cà Ná - Cảng Cà Ná                                          | T34b                                  | 3                                           |
| 57.       | Di chuyển trong Cảng Nha Trang                                  | T34c                                  | 3                                           |
| 58.       | Di chuyển trong Cảng Kho dầu ngoại quan Vân Phong               | T34d                                  | 4                                           |
| 59.       | Di chuyển trong Cảng Cam Ranh                                   | T34e                                  | 4                                           |

| <b>TT</b> | <b>Từ vị trí đón đến vị trí trả hoa tiêu<br/>(và ngược lại)</b>                                               | <b>Mã tuyến<br/>luồng dẫn<br/>tàu</b> | <b>Khoảng<br/>cách dẫn<br/>tàu (hải lý)</b> |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------------|
| 60.       | P/S Vân Phong - Cảng chuyển tải cát Vân Phong, Hòn Gốm                                                        | T34g                                  | 21                                          |
| 61.       | P/S 4 Vũng Tàu - P/S Bạch Hổ                                                                                  | T35                                   | 62                                          |
| 62.       | P/S 4 Vũng Tàu - P/S Rồng                                                                                     | T36                                   | 64                                          |
| 63.       | P/S 4 Vũng Tàu - P/S Đại Hùng                                                                                 | T37                                   | 146                                         |
| 64.       | P/S 4 Vũng Tàu - P/S Sư Tử Đen                                                                                | T38                                   | 80                                          |
| 65.       | P/S 4 Vũng Tàu - P/S Hồng Ngọc (Ruby)                                                                         | T39                                   | 85                                          |
| 66.       | P/S 4 Vũng Tàu - P/S Rạng Đông                                                                                | T40                                   | 70                                          |
| 67.       | P/S 4 Vũng Tàu - P/S Rồng Đôi - Rồng Đôi Tây                                                                  | T41                                   | 166                                         |
| 68.       | P/S 4 Vũng Tàu - P/S Trường Sơn                                                                               | T42                                   | 277                                         |
| 69.       | P/S 4 Vũng Tàu - P/S Sư Tử Vàng                                                                               | T43                                   | 80                                          |
| 70.       | P/S 4 Phú Quý - Cảng Phú Quý                                                                                  | T44                                   | 5                                           |
| 71.       | P/S 4 Vũng Tàu - P/S Tê Giác Trắng                                                                            | T45                                   | 56                                          |
| 72.       | P/S 4 Vũng Tàu - P/S Chim Sáo                                                                                 | T46                                   | 188                                         |
| 73.       | P/S 4 Vũng Tàu - P/S Biển Đông                                                                                | T46a                                  | 172                                         |
| 74.       | P/S 4 Vũng Tàu - P/S Thăng Long - Đông Đô                                                                     | T46b                                  | 92                                          |
| 75.       | P/S Hải Phòng - Cảng Hải Phòng (Các cảng dọc luồng Bạch Đằng, Sông Cấm)                                       | T47                                   | 26                                          |
| 76.       | P/S Hải Phòng - Nam Triệu, Phà Rừng (Công ty đóng tàu Nam Triệu, Phà Rừng, Nhà máy XM Chinh Phong, Caltex...) | T48                                   | 27                                          |
| 77.       | P/S Hải Phòng - Khu vực neo đậu Hạ Long                                                                       | T49                                   | 23                                          |
| 78.       | P/S Hải Phòng - Khu vực neo đậu Lan Hạ                                                                        | T49a                                  | 15                                          |

| TT  | Từ vị trí đón đến vị trí trả hoa tiêu<br>(và ngược lại)                                                   | Mã tuyến<br>luồng dẫn<br>tàu | Khoảng<br>cách dẫn<br>tàu (hải lý) |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|------------------------------------|
| 79. | P/S Hải Phòng - Khu vực neo, buộc phao Bến Gót, Ninh Tiếp, Bạch Đằng                                      | T50                          | 20                                 |
| 80. | Khu vực neo, buộc phao Bến Gót, Ninh Tiếp, Bạch Đằng - Cảng Hải Phòng                                     | T51                          | 15                                 |
| 81. | Khu vực neo Hạ Long - Cảng Hải Phòng                                                                      | T52                          | 49                                 |
| 82. | Khu vực neo Lan Hạ - Cảng Hải Phòng                                                                       | T52a                         | 41                                 |
| 83. | Khu vực neo Hạ Long - Lan Hạ                                                                              | T53                          | 8                                  |
| 84. | Di chuyển trong Cảng Hải Phòng                                                                            | T54                          | 6                                  |
| 85. | P/S Thái Bình - Cảng Diêm Điền (Thái Bình)                                                                | T54a                         | 6                                  |
| 86. | P/S Nam Định - Cảng Hải Thịnh (Nam Định)                                                                  | T54b                         | 6                                  |
| 87. | Các Công ty (Công ty đóng tàu Nam Triệu, đóng tàu Phà Rừng, xi măng Chinh Phong, Caltex) - Cảng Hải Phòng | T55                          | 13                                 |
| 88. | Khu neo Hạ Long - Khu neo, buộc phao Bến Gót, Ninh Tiếp, Bạch Đằng                                        | T56                          | 43                                 |
| 89. | Khu neo Lan Hạ - Khu neo, buộc phao Bến Gót, Ninh Tiếp, Bạch Đằng                                         | T56a                         | 35                                 |
| 90. | P/S Hòn Cam - Vùng neo Hạ Long                                                                            | T57                          | 10                                 |
| 91. | Vùng neo Hạ Long - Cảng B12                                                                               | T58                          | 8                                  |
| 92. | P/S Hòn Cam - Vùng neo Hòn Gai                                                                            | T59                          | 18                                 |
| 93. | P/S Hòn Cam - Cảng Cái Lân                                                                                | T60                          | 21                                 |
| 94. | P/S Hòn Cam - Cầu XM Thăng Long                                                                           | T61                          | 21                                 |
| 95. | P/S Hòn Cam - Cầu XM Hạ Long                                                                              | T62                          | 24                                 |
| 96. | NM đóng tàu Hạ Long, TKV - P/S Hòn Cam - Vùng neo Hòn Gai                                                 | T63                          | 42                                 |

| TT   | Từ vị trí đón đến vị trí trả hoa tiêu<br>(và ngược lại)                                                                                                  | Mã tuyến<br>luồng dẫn<br>tàu | Khoảng<br>cách dẫn<br>tàu (hải lý) |
|------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|------------------------------------|
| 97.  | P/S Hòn Cam - Cầu XM Cẩm Phả                                                                                                                             | T64/T64*                     | 26                                 |
| 98.  | P/S Hòn Cam - Vùng neo Abei                                                                                                                              | T65/T65*                     | 20                                 |
| 99.  | P/S Vạn Gia - Vùng neo Vạn Gia                                                                                                                           | T66                          | 8                                  |
| 100. | Vùng neo Vạn Gia - Cảng khách Hòn Gai                                                                                                                    | T66a                         | 65                                 |
| 101. | P/S Hòn Cam - Cảng dầu PV Oil                                                                                                                            | T66b                         | 23                                 |
| 102. | P/S Đà Nẵng - Cảng Tiên Sa (Các cầu<br>cảng thuộc Cảng Tiên Sa)                                                                                          | T67                          | 5                                  |
| 103. | P/S Đà Nẵng - Cảng X50                                                                                                                                   | T68                          | 6                                  |
| 104. | P/S Đà Nẵng - Cảng Sông Hàn (Các cầu<br>cảng thuộc Cảng Sông Hàn)                                                                                        | T69                          | 7                                  |
| 105. | P/S Đà Nẵng - Cảng Liên Chiểu                                                                                                                            | T71                          | 5                                  |
| 106. | P/S Mỹ Khê - Phao Mỹ Khê                                                                                                                                 | T72                          | 3                                  |
| 107. | P/S Chân Mây - Cảng Chân Mây                                                                                                                             | T73                          | 5                                  |
| 108. | P/S Kỳ Hà - Cảng Kỳ Hà                                                                                                                                   | T74                          | 5                                  |
| 109. | P/S Dung Quất - Cụm Cảng Dung Quất<br>(Các cầu cảng thuộc cụm Cảng Dung<br>Quất)                                                                         | T75                          | 5                                  |
| 110. | P/S Dung Quất - Phao SPM (Dung Quất)                                                                                                                     | T76                          | 10                                 |
| 111. | P/S Sa Kỳ - Cảng Sa Kỳ                                                                                                                                   | T77                          | 3                                  |
| 112. | P/S Cửa Lở - Khu chuyển tải Cửa Lở                                                                                                                       | T78                          | 3                                  |
| 113. | Dịch vụ khác (di chuyển, quay trở trong<br>vùng nước các cảng - Áp dụng chung cho<br>toàn bộ 12 tuyến dẫn tàu thuộc địa phận<br>trách nhiệm của Công ty) | T79a, T79b                   | Tùy từng<br>tuyến                  |
| 114. | P/S Nghi Sơn - Cảng chuyên dùng Nhà<br>máy XM Nghi Sơn                                                                                                   | T80                          | 6                                  |
| 115. | P/S Nghi Sơn - Cảng Tổng hợp Nghi Sơn                                                                                                                    | T81                          | 6                                  |

| TT   | Từ vị trí đón đến vị trí trả hoa tiêu<br>(và ngược lại)                              | Mã tuyến<br>luồng dẫn<br>tàu | Khoảng<br>cách dẫn<br>tàu (hải lý) |
|------|--------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|------------------------------------|
| 116. | P/S Cửa Lò - Cảng Cửa Lò, Cảng xăng<br>dầu Nghi Hương                                | T82                          | 6                                  |
| 117. | P/S Vũng Áng - Cảng Vũng Áng, Cảng<br>xăng dầu Vũng Áng, Cảng Nhiệt điện<br>Vũng Áng | T83                          | 5                                  |
| 118. | P/S Hòn La - Cảng Hòn La                                                             | T84                          | 4                                  |
| 119. | P/S Nghi Sơn - Cảng nhiệt điện Nghi Sơn                                              | T84a                         | 7                                  |
| 120. | P/S Sơn Dương - Cảng Sơn Dương                                                       | T84b                         | 9                                  |
| 121. | P/S Cửa Việt - Cảng Cửa Việt, Cảng<br>Xăng dầu Cửa Việt                              | T84c                         | 4                                  |
| 122. | P/S Hòn Cam - Khu chuyển tải Hòn Nét                                                 | T85                          | 17                                 |
| 123. | P/S Hòn Cam - Cầu Cảng Cẩm Phả                                                       | T86                          | 26                                 |
| 124. | P/S Hòn Cam - Vùng neo Hòn Ót                                                        | T87                          | 26                                 |
| 125. | Khu chuyển tải Hòn Nét - Cầu Cảng Cẩm<br>Phả                                         | T89                          | 9                                  |
| 126. | Vùng neo Abei - Cầu Cảng Cẩm Phả                                                     | T90                          | 6                                  |
| 127. | Vùng neo Hòn Ót - Cầu XM Cẩm Phả                                                     | T91                          | 5                                  |
| 128. | P/S 3 Vũng Tàu - Cảng Cát Lái (Sông<br>Lòng Tàu)                                     | T92                          | 48                                 |
| 129. | P/S 3 Vũng Tàu - Cảng Cái Mép Thượng                                                 | T93                          | 20                                 |
| 130. | Cảng Cái Mép Thượng - Cảng Cát Lái                                                   | T94                          | 50                                 |
| 131. | Dời tại Cảng Cát Lái - Phao Cát Lái                                                  | T95                          | 5                                  |
| 132. | Dời tại Cảng Cái Mép                                                                 | T96                          | 5                                  |
| 133. | P/S 3 Vũng Tàu - Container Quốc tế Cái<br>Mép                                        | T96a                         | 18                                 |
| 134. | Container Quốc tế Cái Mép - Cảng Cát<br>Lái                                          | T96b                         | 48                                 |

| <b>TT</b> | <b>Từ vị trí đón đến vị trí trả hoa tiêu<br/>(và ngược lại)</b>                                                                                                           | <b>Mã tuyến<br/>luồng dẫn<br/>tàu</b> | <b>Khoảng<br/>cách dẫn<br/>tàu (hải lý)</b> |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------------|
| 135.      | P/S 3 Vũng Tàu - Cảng Cát Lái (Sông Soài Rạp)                                                                                                                             | T96c                                  | 53                                          |
| 136.      | P/S 3 Vũng Tàu - Cụm Cảng: Vietsovpetro, PTSC                                                                                                                             | T99                                   | 12                                          |
| 137.      | P/S 3 Vũng Tàu - Cụm Cảng: Cát Lở, Đông Xuyên, Shipyard, Hà Lộc                                                                                                           | T100                                  | 15                                          |
| 138.      | P/S 3 Vũng Tàu - Vùng neo Gành Rái                                                                                                                                        | T101                                  | 11                                          |
| 139.      | Di chuyển trong các cảng trên luồng Sông Dinh                                                                                                                             | T102                                  | 4                                           |
| 140.      | P/S 3 Vũng Tàu - Cụm Cảng: Ve Dan, Gò Dầu A, Phosphat Long Thành, Bến tổng hợp số 2, UNICQUE GAS, Gò Dầu B, Cẩm Phả                                                       | T103                                  | 30                                          |
| 141.      | P/S 3 Vũng Tàu - Cụm Cảng: Nhà máy nhiệt điện Phú Mỹ, CLINKER HOLCIM, SITV, Baria Serece, Đạm và dầu khí tổng hợp Phú Mỹ, Phú Mỹ PTSC, Nhà máy thép Phú Mỹ, SP-PSA, POSCO | T104                                  | 24                                          |
| 142.      | P/S 3 Vũng Tàu - Cụm Cảng: Interflour, PV Gas, Petec                                                                                                                      | T105                                  | 21                                          |
| 143.      | P/S 3 Vũng Tàu - Cụm Cảng: Xăng dầu Hưng Thái, Quốc tế Cái Mép (CMIT), SSIT                                                                                               | T106                                  | 19                                          |
| 144.      | P/S 3 Vũng Tàu - Gò Da                                                                                                                                                    | T107                                  | 22                                          |
| 145.      | Dịch chuyển tàu tại các cảng luồng Cái Mép - Thị Vải                                                                                                                      | T108                                  | 8                                           |
| 146.      | P/S Côn Đảo - Cảng Bến Đầm (Côn Đảo)                                                                                                                                      | T109                                  | 3                                           |
| 147.      | P/S 3 Vũng Tàu - Biên giới Vĩnh Xương                                                                                                                                     | T110                                  | 150                                         |

**Bảng 2. Khoảng cách hoạt động của phương tiện thủy  
cho từng tuyến dẫn tàu**

| <b>TT</b> | <b>Tuyến dẫn<br/>tàu</b> | <b>Tuyến đường hoạt động</b>                     | <b>Khoảng<br/>cách<br/>(hải lý)</b> |
|-----------|--------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------|
| 1.        | Tuyến 1                  | Trụ sở Công ty - Phước Khánh - Trụ sở Công ty    | 24                                  |
|           |                          | Trụ sở Công ty - Nhà Bè - Trụ sở Công ty         | 20                                  |
|           |                          | Trụ sở Công ty - NAVIOIL - Trụ sở Công ty        | 16                                  |
|           |                          | Trụ sở Công ty - Đền Đỏ - Trụ sở Công ty         | 14                                  |
|           |                          | Trụ sở Công ty - K16 LOTUS - Trụ sở Công ty      | 10                                  |
|           |                          | Trụ sở Công ty - BASON- Trụ sở Công ty           | 6                                   |
|           |                          | Trụ sở Công ty - Cát Lái- Trụ sở Công ty         | 20                                  |
|           |                          | Trụ sở Công ty - VITAICO- Trụ sở Công ty         | 24                                  |
|           |                          | Trụ sở Công ty - Viko Wochimex- Trụ sở Công ty   | 32                                  |
|           |                          | Cầu Đá - P/S 1+2 Vũng Tàu - Cầu Đá               | 5                                   |
|           |                          | Cầu Đá - P/S 3 Vũng Tàu - Cầu Đá                 | 12                                  |
| 2.        | Tuyến 2                  | Cầu Đá - P/S 1+2 Vũng Tàu - Cầu Đá               | 5                                   |
|           |                          | Cầu Đá - P/S 3 Vũng Tàu - Cầu Đá                 | 12                                  |
| 3.        | Tuyến 3                  | Tuyến đường và khoảng cách hoạt động như Tuyến 2 |                                     |
| 4.        | Tuyến 4                  | Tuyến đường và khoảng cách hoạt động như Tuyến 2 |                                     |
| 5.        | Tuyến 5                  | Tuyến đường và khoảng cách hoạt động như Tuyến 2 |                                     |
| 6.        | Tuyến 6                  | Tuyến đường và khoảng cách hoạt động như Tuyến 2 |                                     |
| 7.        | Tuyến 7                  | Trụ sở Công ty - Phước Khánh - Trụ sở Công ty    | 24                                  |
|           |                          | Trụ sở Công ty - Nhà Bè - Trụ sở Công ty         | 20                                  |
|           |                          | Trụ sở Công ty - NAVIOIL - Trụ sở Công ty        | 16                                  |
|           |                          | Trụ sở Công ty - Đền Đỏ - Trụ sở Công ty         | 14                                  |
|           |                          | Trụ sở Công ty - K16 LOTUS - Trụ sở Công ty      | 10                                  |
|           |                          | Trụ sở Công ty - BASON - Trụ sở Công ty          | 6                                   |
|           |                          | Trụ sở Công ty - Cát Lái - Trụ sở Công ty        | 20                                  |
|           |                          | Trụ sở Công ty - VITAICO - Trụ sở Công ty        | 24                                  |

| TT  | Tuyến dẫn<br>tàu | Tuyến đường hoạt động                                                                                                                                                   | Khoảng<br>cách<br>(hải lý) |
|-----|------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|
|     |                  | Trụ sở Công ty - Viko Wochimex - Trụ sở Công ty                                                                                                                         | 32                         |
| 8.  | Tuyến 8          | Tuyến đường và khoảng cách hoạt động như Tuyến 7                                                                                                                        |                            |
| 9.  | Tuyến 9          | Tuyến đường và khoảng cách hoạt động như Tuyến 7                                                                                                                        |                            |
| 10. | Tuyến 10         | Tuyến đường và khoảng cách hoạt động như Tuyến 2                                                                                                                        |                            |
| 11. | Tuyến 11         | Tuyến đường và khoảng cách hoạt động như Tuyến 2                                                                                                                        |                            |
| 12. | Tuyến 12         | Tuyến đường và khoảng cách hoạt động như Tuyến 2                                                                                                                        |                            |
| 13. | Tuyến 13         | Tuyến đường và khoảng cách hoạt động như Tuyến 1                                                                                                                        |                            |
| 14. | Tuyến 13a        | Trụ sở Công ty - Bến tàu khách - Trụ sở Công ty                                                                                                                         | 6                          |
| 15. | Tuyến 13b        | Tuyến đường và khoảng cách hoạt động như Tuyến 2                                                                                                                        |                            |
| 16. | Tuyến 13c        | Tuyến đường và khoảng cách hoạt động như Tuyến 2                                                                                                                        |                            |
| 17. | Tuyến 13d        | Cảng Mỹ Tho - Tàu được dẫn - Cảng Mỹ Tho<br>Vĩnh Xương - Tàu được dẫn - Vĩnh Xương                                                                                      | 1<br>1                     |
| 18. | Tuyến 13e        | Cảng Vĩnh Tân - P/S Bình Thuận - Cảng Vĩnh Tân                                                                                                                          | 14                         |
| 19. | Tuyến 13g        | Cảng LPG Hòa Phú - P/S Bình Thuận - Cảng LPG<br>Hòa Phú                                                                                                                 | 6                          |
| 20. | Tuyến 13h        | Biển Hồ Lân - P/S Bình Thuận - Biển Hồ Lân                                                                                                                              | 10                         |
| 21. | Tuyến 44         | Cảng Phú Quý - P/S Phú Quý - Cảng Phú Quý                                                                                                                               | 10                         |
| 22. | Tuyến 14         | Trạm Định An - P/S Định An - Trạm Định An<br>Trạm ca nô Cần Thơ - Cụm Cảng Cần Thơ - Trạm ca<br>nô Cần Thơ<br>Trạm ca nô Cần Thơ - Cảng Cái Cui - Trạm ca nô<br>Cần Thơ | 34<br>8<br>18              |
| 23. | Tuyến 15         | Trạm Định An - P/S Định An - Trạm Định An                                                                                                                               | 34                         |
| 24. | Tuyến 16         | Như Tuyến 15                                                                                                                                                            | 34                         |
| 25. | Tuyến 17         | Cảng Năm Căn - P/S Bồ Đề - Cảng Năm Căn                                                                                                                                 | 50                         |

| <b>TT</b> | <b>Tuyến dẫn<br/>tàu</b> | <b>Tuyến đường hoạt động</b>                                                                | <b>Khoảng<br/>cách<br/>(hải lý)</b> |
|-----------|--------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|
| 26.       | Tuyến 18                 | Cảng Bình Trị - P/S Bình Trị - Cảng Bình Trị                                                | 20                                  |
| 27.       | Tuyến 98                 | Trạm ca nô Cần Thơ - Tàu được dẫn - Trạm ca nô<br>Cần Thơ                                   | 4                                   |
| 28.       | Tuyến 98a                | Tuyến đường và khoảng cách hoạt động như Tuyến<br>15                                        | 34                                  |
| 29.       | Tuyến 98b                | Tuyến đường và khoảng cách hoạt động như Tuyến<br>98a                                       | 34                                  |
| 30.       | Tuyến 98c                | Cảng Dương Đông - P/S Dương Đông - Cảng Dương<br>Đông                                       | 8                                   |
| 31.       | Tuyến 98d                | Tuyến đường và khoảng cách hoạt động như Tuyến<br>98c                                       | 8                                   |
| 32.       | Tuyến 98e                | Cảng An Thới - P/S An Thới - Cảng An Thới                                                   | 8                                   |
| 33.       | Tuyến 98g                | Tuyến đường và khoảng cách hoạt động như Tuyến<br>98e                                       | 8                                   |
| 34.       | Tuyến 98h                | Trạm ca nô Cần Thơ - Tàu được dẫn - Trạm ca nô<br>Cần Thơ                                   | 4                                   |
| 35.       | Tuyến 98i                | Tuyến đường và khoảng cách hoạt động như Tuyến<br>98h                                       | 4                                   |
| 36.       | Tuyến 98k                | Tuyến đường và khoảng cách hoạt động như Tuyến<br>98h                                       | 4                                   |
| 37.       | Tuyến 98l                | Trạm Định An - P/S Quan Chánh Bồ - Trạm Định<br>An                                          | 40                                  |
| 38.       | Tuyến 19                 | Cầu Cảng Quy Nhơn - P/S Quy Nhơn - Cầu Cảng<br>Quy Nhơn                                     | 10                                  |
| 39.       | Tuyến 20                 | Cảng dầu, khu neo đậu Cảng Quy Nhơn - P/S Quy<br>Nhơn - Cảng dầu, khu neo đậu Cảng Quy Nhơn | 10                                  |
| 40.       | Tuyến 21                 | Cảng dầu Vũng Rô - P/S Vũng Rô - Cảng dầu Vũng<br>Rô                                        | 10                                  |

| TT  | Tuyến dẫn<br>tàu | Tuyến đường hoạt động                                                                                             | Khoảng<br>cách<br>(hải lý) |
|-----|------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|
| 41. | Tuyến 22         | Bến ca nô - P/S Đà Diễn<br>P/S Đà Diễn - Khu chuyển tải Đà Diễn<br>Khu chuyển tải Đà Diễn - Bến ca nô             | 4<br>2<br>2                |
| 42. | Tuyến 23         | Bến ca nô - P/S Tiên Châu<br>P/S Tiên Châu - Khu chuyển tải Tiên Châu<br>Khu chuyển tải Tiên Châu - Bến ca nô     | 4<br>2<br>2                |
| 43. | Tuyến 24         | Bến ca nô - P/S Đề Gi<br>P/S Đề Gi - Khu chuyển tải Đề Gi<br>Khu chuyển tải Đề Gi - Bến ca nô                     | 4<br>2<br>2                |
| 44. | Tuyến 24a        | Bến ca nô - P/S Bàn Thạch<br>P/S Bàn Thạch - Khu chuyển tải Bàn Thạch<br>Khu chuyển tải Bàn Thạch - Bến ca nô     | 5,5<br>2,5<br>3,5          |
| 45. | Tuyến 25         | Cầu Cảng Nha Trang - P/S Nha Trang - Cầu Cảng<br>Nha Trang                                                        | 10                         |
| 46. | Tuyến 26         | Cầu Cảng HVS - P/S Vân Phong - Cầu Cảng HVS                                                                       | 16                         |
| 47. | Tuyến 27         | Cầu Cảng HVS - P/S Vân Phong<br>P/S Vân Phong - Cảng chuyển tải dầu STS<br>Cảng chuyển tải dầu STS - Cầu Cảng HVS | 8<br>6<br>6                |
| 48. | Tuyến 28         | Cầu Cảng Đầm Môn - P/S Vân Phong - Cầu Cảng<br>Đầm Môn                                                            | 22                         |
| 49. | Tuyến 29         | Cầu Cảng XM Nghi Sơn - P/S Vân Phong - Cầu<br>Cảng XM Nghi Sơn                                                    | 20                         |
| 50. | Tuyến 30         | Cầu Cảng kho dầu ngoại quan Vân Phong - P/S Vân<br>Phong - Cầu Cảng kho dầu ngoại quan Vân Phong                  | 16                         |
| 51. | Tuyến 31         | Cầu Cảng Cam Ranh - P/S Ba Ngòi - Cầu Cảng Cam<br>Ranh                                                            | 18                         |
| 52. | Tuyến 32         | Cầu Cảng XM Hà Tiên - P/S Ba Ngòi - Cầu Cảng<br>XM Hà Tiên                                                        | 20                         |

| TT  | Tuyến dẫn<br>tàu                                                          | Tuyến đường hoạt động                                                                                                             | Khoảng<br>cách<br>(hải lý) |
|-----|---------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|
| 53. | Tuyến 33                                                                  | Cầu Cảng kho K720 - P/S Ba Ngòi - Cầu Cảng kho K720                                                                               | 20                         |
| 54. | Tuyến 34                                                                  | Cầu Cảng Ninh Chữ - P/S Ninh Chữ<br>P/S Ninh Chữ - Khu chuyển tải Ninh Chữ<br>Khu chuyển tải Ninh Chữ - Cầu Cảng Ninh Chữ         | 5<br>3<br>3                |
| 55. | Tuyến 34a                                                                 | Cầu Cảng Hòn Khói - P/S Vân Phong - Cầu Cảng Hòn Khói                                                                             | 28                         |
| 56. | Tuyến 34b                                                                 | Cầu Cảng Cà Ná - P/S Cà Ná - Cầu Cảng Cà Ná                                                                                       | 6                          |
| 57. | Tuyến 34c                                                                 | Cầu Cảng Nha Trang - Vị trí di chuyển - Cầu Cảng Nha Trang                                                                        | 6                          |
| 58. | Tuyến 34d                                                                 | Cầu Cảng kho dầu ngoại quan Vân Phong - Vị trí di chuyển - Cầu Cảng kho dầu ngoại quan Vân Phong                                  | 8                          |
| 59. | Tuyến 34e                                                                 | Cầu Cảng Cam Ranh - Vị trí di chuyển - Cầu Cảng Cam Ranh                                                                          | 8                          |
| 60. | Tuyến 34g                                                                 | Cầu Cảng HVS - P/S Vân Phong - Cầu Cảng HVS<br>Cầu Cảng cá Đại Lãnh - Khu chuyển tải cá Vân Phong, Hòn Gốm - Cầu Cảng cá Đại Lãnh | 16<br>10                   |
| 61. | Tuyến 35,<br>36, 37, 38,<br>39, 40, 41,<br>42, 43, 45,<br>46, 46a,<br>46b | Cảng PTSC - P/S 4 Vũng Tàu<br>P/S 4 Vũng Tàu - Cảng PTSC<br>FSO&FPSO - P/S Mô dầu - FSO&FPSO                                      | 13<br>13<br>10             |
| 62. | Tuyến 47                                                                  | Đồ Sơn - P/S Hải Phòng - Đồ Sơn<br>Bờ - Vị trí tập kết của phương tiện thủy tại Đồ Sơn - Bờ                                       | 27<br>0,5                  |
| 63. | Tuyến 48                                                                  | Tuyến đường và khoảng cách hoạt động như Tuyến 47                                                                                 |                            |
| 64. | Tuyến 49                                                                  | Tuyến đường và khoảng cách hoạt động như Tuyến 47                                                                                 | 56                         |

| TT  | Tuyến dẫn<br>tàu | Tuyến đường hoạt động                                                                                                                                                               | Khoảng<br>cách<br>(hải lý) |
|-----|------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|
|     |                  | Cảng Hải Phòng - Khu vực neo Hạ Long - Cảng Hải Phòng                                                                                                                               |                            |
| 65. | Tuyến 49a        | Tuyến đường và khoảng cách hoạt động như Tuyến 47<br>Cảng Hải Phòng - Khu vực neo Hạ Long - Cảng Hải Phòng                                                                          | 56                         |
| 66. | Tuyến 50         | Tuyến đường và khoảng cách hoạt động như Tuyến 47<br>Cảng Hải Phòng - Khu vực neo, buộc phao Bến Gót, Ninh Tiếp, Bạch Đằng - Cảng Hải Phòng                                         | 30                         |
| 67. | Tuyến 51         | Cảng Hải Phòng - Khu vực neo, buộc phao Bến Gót, Ninh Tiếp, Bạch Đằng - Cảng Hải Phòng                                                                                              | 30                         |
| 68. | Tuyến 52         | Cảng Hải Phòng - Khu vực neo Hạ Long - Cảng Hải Phòng                                                                                                                               | 56                         |
| 69. | Tuyến 52a        | Cảng Hải Phòng - Khu vực neo Lan Hạ - Cảng Hải Phòng                                                                                                                                | 56                         |
| 70. | Tuyến 53         | Cảng Hải Phòng - Khu vực neo Hạ Long<br>Khu vực neo Hạ Long - Khu vực neo Lan Hạ<br>Khu vực neo Lan Hạ - Cảng Hải Phòng                                                             | 28<br>8<br>28              |
| 71. | Tuyến 54a        | Cảng Diêm Điền - P/S Thái Bình - Cảng Diêm Điền                                                                                                                                     | 12                         |
| 72. | Tuyến 54b        | Cảng Hải Thịnh - P/S Nam Định - Cảng Hải Thịnh                                                                                                                                      | 12                         |
| 73. | Tuyến 55         | Các Công ty (Công ty đóng tàu Nam Triệu, đóng tàu Phà Rừng, xi măng Chinh Phong, Caltex) - Cảng Hải Phòng                                                                           | 13                         |
| 74. | Tuyến 56         | Cảng Hải Phòng - Khu vực neo Hạ Long<br>Khu vực neo Hạ Long - Khu neo, buộc phao Bến Gót, Ninh Tiếp, Bạch Đằng<br>Khu neo, buộc phao Bến Gót, Ninh Tiếp, Bạch Đằng - Cảng Hải Phòng | 28<br>13<br>15             |
| 75. | Tuyến 56a        | Cảng Hải Phòng - Khu vực neo Lan Hạ                                                                                                                                                 | 28                         |

| <b>TT</b> | <b>Tuyến dẫn<br/>tàu</b> | <b>Tuyến đường hoạt động</b>                                                                                          | <b>Khoảng<br/>cách<br/>(hải lý)</b> |
|-----------|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|
|           |                          | Khu vực neo Lan Hạ - Khu neo, buộc phao Bến Gót,<br>Ninh Tiếp, Bạch Đằng                                              | 13                                  |
|           |                          | Khu neo, buộc phao Bến Gót, Ninh Tiếp, Bạch Đằng<br>- Cảng Hải Phòng                                                  | 15                                  |
| 76.       | Tuyến 57                 | Bến ca nô Hòn Gai - P/S Hòn Cam<br>P/S Hòn Cam - Vùng neo Hạ Long<br>Vùng neo Hạ Long - Bến ca nô Hòn Gai             | 18<br>10<br>8                       |
| 77.       | Tuyến 58                 | Bến ca nô Hòn Gai - Vùng neo Hạ Long<br>Vùng neo Hạ Long - Cảng B12<br>Cảng B12 - Bến ca nô Hòn Gai                   | 8<br>7,5<br>0.5                     |
| 78.       | Tuyến 59                 | Bến ca nô Hòn Gai - P/S Hòn Cam<br>P/S Hòn Cam - Vùng neo Hòn Gai<br>Vùng neo Hòn Gai - Bến ca nô Hòn Gai             | 18<br>18<br>3                       |
| 79.       | Tuyến 60                 | Bến ca nô Hòn Gai - P/S Hòn Cam<br>P/S Hòn Cam - Bến ca nô Hòn Gai                                                    | 18<br>18                            |
| 80.       | Tuyến 61                 | Bến ca nô Hòn Gai - P/S Hòn Cam<br>P/S Hòn Cam - Cầu XM Thăng Long<br>Cầu XM Thăng Long - Bến ca nô Hòn Gai           | 18<br>21<br>3                       |
| 81.       | Tuyến 62                 | Bến ca nô Hòn Gai - P/S Hòn Cam<br>P/S Hòn Cam - Cầu XM Hạ Long<br>Cầu XM Hạ Long - Bến ca nô Hòn Gai                 | 18<br>24<br>6                       |
| 82.       | Tuyến 63                 | Bến ca nô Hòn Gai - Vùng neo Hòn Gai - Bến ca nô<br>Hòn Gai<br>Bến ca nô Hòn Gai - P/S Hòn Cam - Bến ca nô Hòn<br>Gai | 6<br>36                             |
| 83.       | Tuyến 64<br>Tuyến 64*    | Bến ca nô Hòn Gai - P/S Hòn Cam - Bến ca nô Hòn<br>Gai<br>Bến ca nô Vũng Đục - Cầu XM Cẩm Phả - Bến ca nô<br>Vũng Đục | 36<br>4                             |

| TT  | Tuyến dẫn<br>tàu          | Tuyến đường hoạt động                                                                                                                                                                                       | Khoảng<br>cách<br>(hải lý)    |
|-----|---------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|
|     |                           | Trạm Cửa Ông - P/S Hòn Cam<br>P/S Hòn Cam - Cầu XM Cẩm Phả<br>Cầu XM Cẩm Phả - Trạm Cửa Ông                                                                                                                 | 27,5<br>26<br>7,5             |
| 84. | Tuyến 65<br><br>Tuyến 65* | Bến ca nô Hòn Gai - P/S Hòn Cam - Bến ca nô Hòn Gai<br>Bến ca nô Vũng Đục - Vùng neo Abei - Bến ca nô Vũng Đục<br>Trạm Cửa Ông - P/S Hòn Cam<br>P/S Hòn Cam - Vùng neo Abei<br>Vùng neo Abei - Trạm Cửa Ông | 36<br>14<br>27,5<br>20<br>7.5 |
| 85. | Tuyến 66                  | Bến ca nô Vạn Gia - Mũi Ngọc<br>Mũi Ngọc - P/S Vạn Gia<br>P/S Vạn Gia - Vùng neo Vạn Gia<br>Vùng neo Vạn Gia - Mũi Ngọc<br>Mũi Ngọc - Bến ca nô Vạn Gia                                                     | 3<br>11<br>8<br>3<br>3        |
| 86. | Tuyến 66a                 | Bến ca nô Vạn Gia - Mũi Ngọc<br>Mũi Ngọc - Vùng neo Vạn Gia - Bến ca nô Vạn Gia                                                                                                                             | 3<br>3                        |
| 87. | Tuyến 66b                 | Bến ca nô Hòn Gai - P/S Hòn Cam<br>P/S Hòn Cam - Cảng dầu PV Oil<br>Cảng dầu PV Oil - Bến ca nô Hòn Gai                                                                                                     | 18<br>23<br>5                 |
| 88. | Tuyến 67                  | Bến ca nô cầu 6 Cảng Sông Hàn - P/S Đà Nẵng<br>P/S Đà Nẵng - Cảng Tiên Sa<br>Cảng Tiên Sa - Bến ca nô cầu 6 Cảng Sông Hàn                                                                                   | 7<br>5<br>2                   |
| 89. | Tuyến 68                  | Bến ca nô cầu 6 Cảng Sông Hàn - P/S Đà Nẵng<br>P/S Đà Nẵng - Cảng X50<br>Cảng X50 - Bến ca nô cầu 6 Cảng Sông Hàn                                                                                           | 7<br>6<br>4                   |
| 90. | Tuyến 69                  | Bến ca nô cầu 6 Cảng Sông Hàn - P/S Đà Nẵng - Bến ca nô cầu 6 Cảng Sông Hàn                                                                                                                                 | 14                            |

| <b>TT</b> | <b>Tuyến dẫn<br/>tàu</b> | <b>Tuyến đường hoạt động</b>                                                                                                    | <b>Khoảng<br/>cách<br/>(hải lý)</b> |
|-----------|--------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|
| 91.       | Tuyến 71                 | Bến ca nô cầu 6 Cảng Sông Hàn - P/S Đà Nẵng<br>P/S Đà Nẵng - Cảng Liên Chiểu<br>Cảng Liên Chiểu - Bến ca nô cầu 6 Cảng Sông Hàn | 7<br>5<br>10                        |
| 92.       | Tuyến 72                 | Bến ca nô cầu 6 Cảng Sông Hàn - P/S Mỹ Khê<br>P/S Mỹ Khê - Phao Mỹ Khê<br>Phao Mỹ Khê - Bến ca nô Cầu 6 Cảng Sông Hàn           | 24<br>3<br>25                       |
| 93.       | Tuyến 73                 | Cảng Chân Mây - P/S Chân Mây - Cảng Chân Mây                                                                                    | 10                                  |
| 94.       | Tuyến 74                 | Cảng Kỳ Hà - P/S Kỳ Hà - Cảng Kỳ Hà                                                                                             | 10                                  |
| 95.       | Tuyến 75                 | Cảng Tổng hợp Dung Quất - P/S Dung Quất - Cụm<br>Cảng Dung Quất                                                                 | 10                                  |
| 96.       | Tuyến 76                 | Cảng Tổng hợp Dung - P/S Dung Quất<br>P/S Dung Quất - Phao SPM (Dung Quất)<br>Phao SPM - Cảng Tổng hợp Dung Quất                | 5<br>10<br>15                       |
| 97.       | Tuyến 77                 | Cảng Sa Kỳ - P/S Sa Kỳ - Cảng Sa Kỳ                                                                                             | 6                                   |
| 98.       | Tuyến 78                 | Bờ Cửa Lở - P/S Cửa Lở<br>P/S Cửa Lở - Khu chuyển tải Cửa Lở<br>Khu chuyển tải Cửa Lở - Bờ Cửa Lở                               | 3<br>3<br>3                         |
| 99.       | Tuyến 79a,<br>Tuyến 79b  | Tương ứng với các tuyến dẫn tàu thuộc trách nhiệm<br>của đơn vị                                                                 | Tùy từng<br>tuyến                   |
| 100.      | Tuyến 80                 | Cảng chuyên dùng nhà máy XM Nghi Sơn - P/S<br>Nghi Sơn - Cảng chuyên dùng nhà máy XM Nghi<br>Sơn                                | 12                                  |
| 101.      | Tuyến 81                 | Cảng tổng hợp Nghi Sơn - P/S Nghi Sơn - Cảng tổng<br>hợp Nghi Sơn                                                               | 12                                  |
| 102.      | Tuyến 82                 | Cảng Cửa Lò - P/S Cửa Lò - Cảng Cửa Lò                                                                                          | 12                                  |
| 103.      | Tuyến 83                 | Cảng Vũng Áng - P/S Vũng Áng - Cảng Vũng Áng                                                                                    | 10                                  |
| 104.      | Tuyến 84                 | Cảng Hòn La - P/S Hòn La - Cảng Hòn La                                                                                          | 8                                   |

| <b>TT</b> | <b>Tuyến dẫn<br/>tàu</b> | <b>Tuyến đường hoạt động</b>                      | <b>Khoảng<br/>cách<br/>(hải lý)</b> |
|-----------|--------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------|
| 105.      | Tuyến 84a                | Tuyến đường và khoảng cách hoạt động như Tuyến 81 | 12                                  |
| 106.      | Tuyến 84b                | Cảng Sơn Dương - P/S Sơn Dương - Cảng Sơn Dương   | 18                                  |
| 107.      | Tuyến 84c                | Cảng Cửa Việt - P/S Cửa Việt - Cảng Cửa Việt      | 8                                   |
| 108.      | Tuyến 85                 | Trạm Cửa Ông - P/S Hòn Cam                        | 27,5                                |
|           |                          | P/S Hòn Cam - Khu chuyển tải Hòn Nét              | 17                                  |
|           |                          | Khu chuyển tải Hòn Nét - Trạm Cửa Ông             | 10,5                                |
| 109.      | Tuyến 86                 | Trạm Cửa Ông - P/S Hòn Cam                        | 27,5                                |
|           |                          | P/S Hòn Cam - Cầu Cảng Cẩm Phả                    | 26                                  |
|           |                          | Cầu Cảng Cẩm Phả - Trạm Cửa Ông                   | 1,5                                 |
| 110.      | Tuyến 87                 | Trạm Cửa Ông - P/S Hòn Cam                        | 27,5                                |
|           |                          | P/S Hòn Cam - Vùng neo Hòn Ót                     | 26                                  |
|           |                          | Vùng neo Hòn Ót - Trạm Cửa Ông                    | 12,5                                |
| 111.      | Tuyến 89                 | Trạm Cửa Ông - Khu chuyển tải Hòn Nét             | 10,5                                |
|           |                          | Khu chuyển tải Hòn Nét - Cầu Cảng Cẩm Phả         | 9                                   |
|           |                          | Cầu Cảng Cẩm Phả - Trạm Cửa Ông                   | 1,5                                 |
| 112.      | Tuyến 90                 | Trạm Cửa Ông - Vùng neo Abei                      | 7,5                                 |
|           |                          | Vùng neo Abei - Cầu cảng Cẩm Phả                  | 6                                   |
|           |                          | Cầu cảng Cẩm Phả - Trạm Cửa Ông                   | 1,5                                 |
| 113.      | Tuyến 91                 | Trạm Cửa Ông - Khu neo Hòn Ót                     | 12,5                                |
|           |                          | Khu neo Hòn Ót - Cầu XM Cẩm Phả                   | 5                                   |
|           |                          | Cầu XM Cẩm Phả - Trạm Cửa Ông                     | 7,5                                 |
| 114.      | Tuyến 92                 | Cầu Đá - P/S 1+2 Vũng Tàu - Cầu Đá                | 5                                   |
|           |                          | Cầu Đá - P/S 3 Vũng Tàu - Cầu Đá                  | 12                                  |
|           |                          | Cảng Cát Lái - Mũi Đèn Đỏ - Cảng Cát Lái          | 6                                   |
| 115.      | Tuyến 93                 | Cầu Đá - P/S 1+2 Vũng Tàu - Cầu Đá                | 5                                   |

| <b>TT</b> | <b>Tuyến dẫn<br/>tàu</b> | <b>Tuyến đường hoạt động</b>                                                   | <b>Khoảng<br/>cách<br/>(hải lý)</b> |
|-----------|--------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|
|           |                          | Cầu Đá - P/S 3 Vũng Tàu - Cầu Đá                                               | 12                                  |
|           |                          | Cảng Tân Cảng Cái Mép Thượng - Cửa sông Cái Mép - Cảng Tân Cảng Cái Mép Thượng | 10                                  |
| 116.      | Tuyến 94                 | Cảng Tân Cảng Cái Mép Thượng - Cửa sông Cái Mép - Cảng Tân Cảng Cái Mép Thượng | 10                                  |
|           |                          | Cảng Cát Lái - Mũi Đèn Đỏ - Cảng Cát Lái                                       | 6                                   |
| 117.      | Tuyến 95                 | Cảng Cát Lái - Mũi Đèn Đỏ - Cảng Cát Lái                                       | 6                                   |
| 118.      | Tuyến 96                 | Cảng Tân Cảng Cái Mép Thượng - Bến Cảng khác - Cảng Tân Cảng Cái Mép Thượng    | 6                                   |
| 119.      | Tuyến 96a                | Cầu Đá - P/S 1+2 Vũng Tàu - Cầu Đá                                             | 5                                   |
|           |                          | Cầu Đá - P/S 3 Vũng Tàu - Cầu Đá                                               | 12                                  |
|           |                          | Cảng Tân Cảng Cái Mép Thượng - Cửa sông Cái Mép - Cảng Tân Cảng Cái Mép Thượng | 10                                  |
| 120.      | Tuyến 96b                | Cảng Tân Cảng Cái Mép Thượng - Cửa sông Cái Mép - Cảng Tân Cảng Cái Mép Thượng | 10                                  |
|           |                          | Cảng Cát Lái - Mũi Đèn Đỏ - Cảng Cát Lái                                       | 6                                   |
| 121.      | Tuyến 96c                | Cầu Đá - P/S 1+2 Vũng Tàu - Cầu Đá                                             | 5                                   |
|           |                          | Cầu Đá - P/S 3 Vũng Tàu - Cầu Đá                                               | 12                                  |
|           |                          | Cảng Cát Lái - Mũi Đèn Đỏ - Cảng Cát Lái                                       | 6                                   |
| 122.      | Tuyến 99                 | Cầu Đá - P/S 1+2 Vũng Tàu - Cầu Đá                                             | 5                                   |
|           |                          | Cầu Đá - P/S 3 Vũng Tàu - Cầu Đá                                               | 12                                  |
|           |                          | Cầu Đá - Gành Rái - Cầu Đá                                                     | 12                                  |
|           |                          | P/S 3 Vũng Tàu - Gành Rái                                                      | 9,5                                 |
|           |                          | P/S 1+2 Vũng Tàu - P/S 3 Vũng Tàu                                              | 4                                   |
| 123.      | Tuyến 100                | Tuyến đường và khoảng cách hoạt động như Tuyến 99                              |                                     |
| 124.      | Tuyến 101                | Tuyến đường và khoảng cách hoạt động như Tuyến 99                              |                                     |
| 125.      | Tuyến 103                | Tuyến đường và khoảng cách hoạt động như Tuyến 99                              |                                     |
| 126.      | Tuyến 104                | Tuyến đường và khoảng cách hoạt động như Tuyến 99                              |                                     |

| <b>TT</b> | <b>Tuyến dẫn<br/>tàu</b> | <b>Tuyến đường hoạt động</b>                                  | <b>Khoảng<br/>cách<br/>(hải lý)</b> |
|-----------|--------------------------|---------------------------------------------------------------|-------------------------------------|
| 127.      | Tuyến 105                | Tuyến đường và khoảng cách hoạt động như Tuyến 99             |                                     |
| 128.      | Tuyến 106                | Tuyến đường và khoảng cách hoạt động như Tuyến 99             |                                     |
| 129.      | Tuyến 107                | Cầu Đá - P/S 1+ 2 - Cầu Đá                                    | 5                                   |
|           |                          | Cầu Đá - Gành Rái - Cầu Đá                                    | 12                                  |
|           |                          | Cầu Đá - Gò Da - Cầu Đá                                       | 44                                  |
|           |                          | P/S 3 Vũng Tàu - Gành Rái                                     | 9,5                                 |
|           |                          | P/S 1+2 Vũng Tàu - P/S 3 Vũng Tàu                             | 4                                   |
| 130.      | Tuyến 109                | Cảng Bến đầm Côn Đảo - P/S Côn Đảo - Cảng Bến đầm Côn Đảo     | 6                                   |
|           |                          | P/S 1+2 Vũng Tàu - P/S 3 Vũng Tàu                             | 4                                   |
| 131.      | Tuyến 110                | Cầu Đá - P/S 1+2 Vũng Tàu - Cầu Đá                            | 5                                   |
|           |                          | Cầu Đá - P/S 3 Vũng Tàu - Cầu Đá                              | 12                                  |
|           |                          | Cầu Đá - Gành Rái - Cầu Đá                                    | 12                                  |
|           |                          | P/S 3 Vũng Tàu - Gành Rái                                     | 9,5                                 |
|           |                          | Trạm hoa tiêu Vĩnh Xương - Khu neo - Trạm hoa tiêu Vĩnh Xương | 2                                   |
|           |                          | P/S 1+2 Vũng Tàu - P/S 3 Vũng Tàu                             | 4                                   |

**Bảng 3. Khoảng cách hoạt động của phương tiện bộ cho từng tuyến dẫn tàu**

| <b>TT</b> | <b>Tuyến dẫn tàu</b> | <b>Tuyến đường hoạt động của phương tiện bộ</b>                 | <b>Khoảng cách (km)</b> |
|-----------|----------------------|-----------------------------------------------------------------|-------------------------|
| 1.        | Tuyến 1              | Sài Gòn - Vũng Tàu - Sài Gòn                                    | 250                     |
| 2.        | Tuyến 2              | Như Tuyến 1<br>Sài Gòn - Đồng Nai - Sài Gòn                     | 250<br>70               |
| 3.        | Tuyến 3              | Như Tuyến 1                                                     | 250                     |
| 4.        | Tuyến 4              | Như Tuyến 1<br>Sài Gòn - Long An - Sài Gòn                      | 250<br>70               |
| 5.        | Tuyến 5              | Như Tuyến 1<br>Sài Gòn - Đồng Tháp - Sài Gòn                    | 250<br>370              |
| 6.        | Tuyến 6              | Như Tuyến 1                                                     | 250                     |
| 7.        | Tuyến 7              | Sài Gòn - Đồng Nai - Sài Gòn                                    | 70                      |
| 8.        | Tuyến 8              | Sài Gòn - Đồng Tháp - Sài Gòn                                   | 370                     |
| 9.        | Tuyến 9              | Sài Gòn - Long An - Sài Gòn                                     | 70                      |
| 10.       | Tuyến 10             | Như Tuyến 1<br>Sài Gòn - Bến Lức - Sài Gòn                      | 250<br>70               |
| 11.       | Tuyến 11             | Như Tuyến 1                                                     | 250                     |
| 12.       | Tuyến 12             | Như Tuyến 1                                                     | 250                     |
| 13.       | Tuyến 13             | Tùy theo từng tuyến                                             | 10                      |
| 14.       | Tuyến 13a            | Sài Gòn - Sa Đéc - Sài Gòn                                      | 300                     |
| 15.       | Tuyến 13b            | Như Tuyến 1                                                     | 250                     |
| 16.       | Tuyến 13c            | Như Tuyến 1<br>Sài Gòn - Mỹ Tho - Sài Gòn                       | 250<br>150              |
| 17.       | Tuyến 13d            | Sài Gòn - Mỹ Tho<br>Mỹ Tho - Vĩnh Xương<br>Vĩnh Xương - Sài Gòn | 75<br>235<br>310        |

| TT  | Tuyến dẫn<br>tàu | Tuyến đường hoạt động của phương tiện<br>bộ                       | Khoảng<br>cách (km) |
|-----|------------------|-------------------------------------------------------------------|---------------------|
| 18. | Tuyến 13e        | Sài Gòn - Cảng Vĩnh Tân - Sài Gòn                                 | 700                 |
| 19. | Tuyến 13g        | Sài Gòn - Cảng LPG Hòa Phú - Sài Gòn                              | 580                 |
| 20. | Tuyến 13h        | Sài Gòn - Khu chuyển tải Biển Hồ Lân - Sài Gòn                    | 350                 |
| 21. | Tuyến 44         | Sài Gòn - Bến tàu khách Phan Thiết - Sài Gòn                      | 420                 |
| 22. | Tuyến 14         | Trụ sở Công ty - Trạm Định An - Trụ sở Công ty                    | 240                 |
| 23. | Tuyến 15         | Như Tuyến 14                                                      | 240                 |
|     |                  | Trụ sở Công ty - Cảng Mỹ Thới - Trụ sở Công ty                    | 120                 |
| 24. | Tuyến 16         | Như Tuyến 14                                                      | 240                 |
|     |                  | Trụ sở Công ty - Cảng Trần Quốc Toàn - Trụ sở Công ty             | 240                 |
| 25. | Tuyến 17         | Trụ sở Công ty - Cảng Năm Căn - Trụ sở Công ty                    | 460                 |
| 26. | Tuyến 18         | Trạm Hoa tiêu Hòn Chông - Cảng Bình Trị - Trạm Hoa tiêu Hòn Chông | 20                  |
| 27. | Tuyến 97         | Trụ sở Công ty - Cảng Cái Cui - Trụ sở Công ty                    | 30                  |
| 28. | Tuyến 98a        | Như Tuyến 14                                                      | 240                 |
|     |                  | Trụ sở Công ty - Vĩnh Xương - Trụ sở Công ty                      | 300                 |
| 29. | Tuyến 98b        | Như Tuyến 14                                                      | 240                 |
| 30. | Tuyến 98c        | Trụ sở Công ty - Rạch Giá - Trụ sở Công ty                        | 240                 |
| 31. | Tuyến 98d        | Như Tuyến 98c                                                     |                     |
| 32. | Tuyến 98e        | Như Tuyến 98c                                                     |                     |
| 33. | Tuyến 98g        | Như Tuyến 98c                                                     |                     |

| TT  | Tuyến dẫn<br>tàu | Tuyến đường hoạt động của phương tiện<br>bộ              | Khoảng<br>cách (km) |
|-----|------------------|----------------------------------------------------------|---------------------|
| 34. | Tuyến 98h        | Trụ sở Công ty - Cảng Trần Quốc Toản -<br>Trụ sở Công ty | 240                 |
| 35. | Tuyến 98i        | Trụ sở Công ty - Vĩnh Xương - Trụ sở Công<br>ty          | 300                 |
| 36. | Tuyến 98k        | Trụ sở Công ty - Mỹ Thới - Trụ sở Công ty                | 120                 |
| 37. | Tuyến 98l        | Trụ sở Công ty - Trạm Định An                            | 120                 |
|     |                  | Trạm Định An - Nhà máy nhiệt điện - Trụ<br>sở Công ty    | 160                 |
| 38. | Tuyến 19         | Trụ sở Công ty - Bến ca nô - Trụ sở Công ty              | 4                   |
| 39. | Tuyến 20         | Như Tuyến 19                                             |                     |
| 40. | Tuyến 21         | Trụ sở Công ty - Cảng Vũng Rô - Trụ sở<br>Công ty        | 336                 |
| 41. | Tuyến 22         | Trụ sở Công ty - Bến ca nô Đà Diễn - Trụ<br>sở Công ty   | 250                 |
| 42. | Tuyến 23         | Trụ sở Công ty - Bến ca nô Tiên Châu -<br>Trụ sở Công ty | 200                 |
| 43. | Tuyến 24         | Trụ sở Công ty - Bến ca nô Đề Gi - Trụ sở<br>Công ty     | 170                 |
| 44. | Tuyến 24a        | Trụ sở Công ty - Bến ca nô Bàn Thạch - Trụ<br>sở Công ty | 300                 |
| 45. | Tuyến 25         | Trụ sở Công ty - Cầu Cảng Nha Trang - Trụ<br>sở Công ty  | 14                  |
| 46. | Tuyến 26         | Trụ sở Công ty - Cảng HVS - Trụ sở Công<br>ty            | 160                 |
| 47. | Tuyến 27         | Như Tuyến 26                                             |                     |
| 48. | Tuyến 28         | Trụ sở Công ty - Cảng Đàm Môn - Trụ sở<br>Công ty        | 250                 |
| 49. | Tuyến 29         | Trụ sở Công ty - Cảng XM Nghi Sơn - Trụ<br>sở Công ty    | 156                 |

| <b>TT</b> | <b>Tuyến dẫn<br/>tàu</b>                                   | <b>Tuyến đường hoạt động của phương tiện<br/>bộ</b>            | <b>Khoảng<br/>cách (km)</b> |
|-----------|------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|-----------------------------|
| 50.       | Tuyến 30                                                   | Trụ sở Công ty - Kho dầu ngoại quan Vân Phong - Trụ sở Công ty | 164                         |
| 51.       | Tuyến 31                                                   | Trụ sở Công ty - Cảng Cam Ranh - Trụ sở Công ty                | 130                         |
| 52.       | Tuyến 32                                                   | Trụ sở Công ty - Cảng XM Hà Tiên - Trụ sở Công ty              | 160                         |
| 53.       | Tuyến 33                                                   | Trụ sở Công ty - Cảng K720 - Trụ sở Công ty                    | 160                         |
| 54.       | Tuyến 34                                                   | Trụ sở Công ty - Cầu Cảng Ninh Chữ - Trụ sở Công ty            | 230                         |
| 55.       | Tuyến 34a                                                  | Trụ sở Công ty - Cầu Cảng Hòn Khôi - Trụ sở Công ty            | 160                         |
| 56.       | Tuyến 34b                                                  | Trụ sở Công ty - Cầu Cảng Cà Ná - Trụ sở Công ty               | 330                         |
| 57.       | Tuyến 34c                                                  | Như Tuyến 25                                                   |                             |
| 58.       | Tuyến 34d                                                  | Như Tuyến 30                                                   |                             |
| 59.       | Tuyến 34e                                                  | Như Tuyến 31                                                   |                             |
| 60.       | Tuyến 34g                                                  | Trụ sở Công ty - Cảng HVS                                      | 80                          |
|           |                                                            | Cảng HVS - Cảng Cá Đại Lãnh                                    | 60                          |
|           |                                                            | Cảng Cá Đại Lãnh - Trụ sở Công ty                              | 110                         |
| 61.       | Tuyến 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 45, 46, 46a, 46b | Trụ sở Công ty - Sân bay Vũng Tàu - Trụ sở Công ty             | 16                          |
|           |                                                            | Trụ sở Công ty - Cảng PTSC - Trụ sở Công ty                    | 22                          |
| 62.       | Tuyến 47                                                   | Hải Phòng - Đồ Sơn - Hải Phòng                                 | 50                          |
|           |                                                            | Nội thành Hải Phòng                                            | 20                          |
| 63.       | Tuyến 48                                                   | Hải Phòng - Đồ Sơn - Hải Phòng                                 | 50                          |

| TT  | Tuyến dẫn<br>tàu                     | Tuyến đường hoạt động của phương tiện<br>bộ                                                                                  | Khoảng<br>cách (km) |
|-----|--------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
|     |                                      | Hải Phòng - Phà Rừng - Hải Phòng                                                                                             | 60                  |
| 64. | Tuyến 49                             | Như Tuyến 47                                                                                                                 |                     |
| 65. | Tuyến 49a                            | Như Tuyến 47                                                                                                                 |                     |
| 66. | Tuyến 50                             | Nội thành Hải Phòng                                                                                                          | 20                  |
| 67. | Tuyến 51                             | Như tuyến 50                                                                                                                 | 20                  |
| 68. | Tuyến 52,<br>52a, 53, 54,<br>56, 56a | Như tuyến 50                                                                                                                 | 20                  |
| 69. | Tuyến 54a                            | Hải Phòng - Diêm Điền - Hải Phòng                                                                                            | 150                 |
| 70. | Tuyến 54b                            | Hải Phòng - Hải Thịnh - Hải Phòng                                                                                            | 300                 |
| 71. | Tuyến 55                             | Nội thành Hải Phòng<br>Hải Phòng - Phà Rừng - Hải Phòng                                                                      | 20<br>60            |
| 72. | Tuyến 57                             | Trụ sở Công ty - Bến ca nô Hòn Gai - Trụ<br>sở Công ty                                                                       | 4                   |
| 73. | Tuyến 58                             | Như Tuyến 57                                                                                                                 | 4                   |
| 74. | Tuyến 59                             | Như Tuyến 57                                                                                                                 | 4                   |
| 75. | Tuyến 60                             | Trụ sở Công ty - Bến ca nô Hòn Gai - Trụ<br>sở Công ty<br>Trụ sở Công ty - Cảng Cái Lân và - Trụ sở<br>Công ty               | 4<br>30             |
| 76. | Tuyến 61                             | Như Tuyến 57                                                                                                                 | 4                   |
| 77. | Tuyến 62                             | Như Tuyến 57                                                                                                                 | 4                   |
| 78. | Tuyến 63                             | Trụ sở Công ty - Nhà máy đóng tàu Hạ<br>Long, TKV - Trụ sở Công ty<br>Trụ sở Công ty - Bến ca nô Hòn Gai - Trụ<br>sở Công ty | 76<br>4             |
| 79. | Tuyến 64                             | Trụ sở Công ty - Bến ca nô Hòn Gai - Trụ<br>sở Công ty                                                                       | 4                   |

| TT  | Tuyến dẫn<br>tàu          | Tuyến đường hoạt động của phương tiện<br>bộ                 | Khoảng<br>cách (km) |
|-----|---------------------------|-------------------------------------------------------------|---------------------|
|     | Tuyến 64*                 | Trụ sở Công ty - Bến ca nô Vũng Đục - Trụ<br>sở Công ty     | 80                  |
|     |                           | Trụ sở Công ty - Bến ca nô Trạm Cửa Ông -<br>Trụ sở Công ty | 100                 |
|     |                           |                                                             |                     |
| 80. | Tuyến 65<br><br>Tuyến 65* | Trụ sở Công ty - Bến ca nô Hòn Gai - Trụ<br>sở Công ty      | 4                   |
|     |                           | Trụ sở Công ty - Bến ca nô Vũng Đục - Trụ<br>sở Công ty     | 80                  |
|     |                           | Trụ sở Công ty - Bến ca nô Trạm Cửa Ông -<br>Trụ sở Công ty | 100                 |
| 81. | Tuyến 66                  | Trụ sở Công ty - Mũi Ngọc (Móng Cái) -<br>Trụ sở Công ty    | 450                 |
| 82. | Tuyến 66a                 | Trụ sở Công ty - Mũi Ngọc (Móng Cái) -<br>Trụ sở Công ty    | 450                 |
|     |                           | Trụ sở Công ty - Bến ca nô Hòn Gai - Trụ<br>sở Công ty      | 4                   |
| 83. | Tuyến 66b                 | Như Tuyến 57                                                | 4                   |
| 84. | Tuyến 67                  | Trụ sở Công ty - Cảng Tiên Sa - Trụ sở<br>Công ty           | 30                  |
| 85. | Tuyến 68                  | Trụ sở Công ty - Cảng X50 - Trụ sở Công<br>ty               | 24                  |
| 86. | Tuyến 69                  | Trụ sở Công ty - Cảng Sông Hàn - Trụ sở<br>Công ty          | 01                  |
| 87. | Tuyến 71                  | Trụ sở Công ty - Cảng Liên Chiểu - Trụ sở<br>Công ty        | 50                  |
| 88. | Tuyến 72                  | Trụ sở Công ty - Mỹ Khê - Trụ sở Công ty                    | 16                  |
| 89. | Tuyến 73                  | Trụ sở Công ty - Cảng Chân Mây - Trụ sở<br>Công ty          | 160                 |
| 90. | Tuyến 74                  | Trụ sở Công ty - Cảng Kỳ Hà - Trụ sở Công<br>ty             | 220                 |
|     |                           | Trạm Hoa tiêu Dung Quất - Cảng Kỳ Hà -                      | 60                  |

| TT   | Tuyến dẫn<br>tàu        | Tuyến đường hoạt động của phương tiện<br>bộ                                                    | Khoảng<br>cách (km) |
|------|-------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
|      |                         | Trạm Hoa tiêu Dung Quất                                                                        |                     |
| 91.  | Tuyến 75                | Trụ sở Công ty - Trạm Hoa tiêu Dung Quất<br>- Trụ sở Công ty                                   | 270                 |
|      |                         | Trạm Dung Quất - Cảng Tổng hợp Dung<br>Quất - Trạm Hoa tiêu Dung Quất                          | 6                   |
| 92.  | Tuyến 76                | Trụ sở Công ty - Cảng Tổng hợp Dung<br>Quất- Trụ sở Công ty                                    | 270                 |
| 93.  | Tuyến 77                | Trụ sở Công ty - Cảng Sa Kỳ- Trụ sở Công<br>ty                                                 | 360                 |
|      |                         | Trạm Hoa tiêu Dung Quất - Cảng Sa Kỳ-<br>Trạm Hoa tiêu Dung Quất                               | 120                 |
| 94.  | Tuyến 78                | Trụ sở Công ty - Cửa Lở - Trụ sở Công ty                                                       | 360                 |
|      |                         | Trạm Hoa tiêu Dung Quất - Cửa Lở - Trạm<br>Hoa tiêu Dung Quất                                  | 120                 |
| 95.  | Tuyến 79a,<br>Tuyến 79b | Tùy theo tuyến                                                                                 |                     |
| 96.  | Tuyến 80                | Trụ sở Công ty - Trạm Hoa tiêu Thanh Hóa<br>- Trụ sở Công ty                                   | 220                 |
|      |                         | Trạm Hoa tiêu Thanh Hóa - Cảng chuyên<br>dùng nhà máy XM Nghi Sơn - Trạm Hoa<br>tiêu Thanh Hóa | 20                  |
| 97.  | Tuyến 81                | Trụ sở Công ty - Trạm Hoa tiêu Thanh Hóa<br>- Trụ sở Công ty                                   | 220                 |
|      |                         | Trạm Hoa tiêu Thanh Hóa - Cảng Tổng hợp<br>Nghi Sơn - Trạm Hoa tiêu Thanh Hóa                  | 20                  |
| 98.  | Tuyến 82                | Trụ sở Công ty - Cảng Cửa Lò - Trụ sở<br>Công ty                                               | 50                  |
| 99.  | Tuyến 83                | Trụ sở Công ty - Cảng Vũng Áng - Trụ sở<br>Công ty                                             | 260                 |
| 100. | Tuyến 84                | Trụ sở Công ty - Cảng Hòn La - Trụ sở<br>Công ty                                               | 300                 |

| TT   | Tuyến dẫn<br>tàu | Tuyến đường hoạt động của phương tiện<br>bộ                                         | Khoảng<br>cách (km) |
|------|------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| 101. | Tuyến 84a        | Trụ sở Công ty - Trạm Hoa tiêu Thanh Hóa<br>- Trụ sở Công ty                        | 220                 |
|      |                  | Trạm Hoa tiêu Thanh Hóa - Cảng nhiệt điện<br>Nghị Sơn - Trạm Hoa tiêu Thanh Hóa     | 20                  |
| 102. | Tuyến 84b        | Trụ sở Công ty - Cảng Sơn Dương - Trụ sở<br>Công ty                                 | 280                 |
| 103. | Tuyến 84c        | Trụ sở Công ty - Cảng Cửa Việt - Trụ sở<br>Công ty                                  | 640                 |
| 104. | Tuyến 85         | Trụ sở Công ty - Bến ca nô Trạm Cửa Ông -<br>Trụ sở Công ty                         | 100                 |
| 105. | Tuyến 86         | Như Tuyến 85                                                                        | 100                 |
| 106. | Tuyến 87         | Như Tuyến 85                                                                        | 100                 |
| 107. | Tuyến 89         | Như Tuyến 85                                                                        | 100                 |
| 108. | Tuyến 90         | Như Tuyến 85                                                                        | 100                 |
| 109. | Tuyến 91         | Như Tuyến 85                                                                        | 100                 |
| 110. | Tuyến 92         | Sài Gòn - Vũng Tàu - Sài Gòn                                                        | 250                 |
| 111. | Tuyến 93         | Như Tuyến 92                                                                        | 250                 |
| 112. | Tuyến 94         | Sài Gòn - Cái Mép - Sài Gòn                                                         | 180                 |
| 113. | Tuyến 95         | Sài Gòn - Cát Lái - Sài Gòn                                                         | 30                  |
| 114. | Tuyến 96         | Như Tuyến 94                                                                        | 180                 |
| 115. | Tuyến 96a        | Như Tuyến 92                                                                        | 250                 |
| 116. | Tuyến 96b        | Như Tuyến 94                                                                        | 180                 |
| 117. | Tuyến 96c        | Như Tuyến 92                                                                        | 250                 |
| 118. | Tuyến 99         | Trụ sở Công ty - Vietsopetro, PTSC - Trụ<br>sở Công ty                              | 18                  |
| 119. | Tuyến 100        | Trụ sở Công ty - Cụm Cảng: Cát Lở, Đông<br>Xuyên, Shipyard, Hà Lộc - Trụ sở Công ty | 34                  |

| TT   | Tuyến dẫn<br>tàu                                                            | Tuyến đường hoạt động của phương tiện<br>bộ                                    | Khoảng<br>cách (km) |
|------|-----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| 120. | Tuyến 101                                                                   | Trụ sở Công ty - Cầu đá - Trụ sở Công ty                                       | 02                  |
| 121. | Tuyến 102                                                                   | Trụ sở Công ty - Các cảng luồng Sông Dinh<br>- Trụ sở Công ty                  | 34                  |
| 122. | Tuyến 103                                                                   | Trụ sở Công ty - Cụm Cảng: Vedan..., Gò<br>Dầu B - Trụ sở Công ty              | 120                 |
| 123. | Tuyến 104                                                                   | Trụ sở Công ty - Cụm Cảng: NM nhiệt điện<br>Phú Mỹ..., SP-PSA - Trụ sở Công ty | 110                 |
| 124. | Tuyến 105                                                                   | Trụ sở Công ty - Cụm Cảng: Posco..., Petec<br>- Trụ sở Công ty                 | 106                 |
| 125. | Tuyến 106                                                                   | Trụ sở Công ty - Cụm Cảng: Xăng dầu...,<br>SSIT - Trụ sở Công ty               | 100                 |
| 126. | Tuyến 107                                                                   | Trụ sở Công ty - Gò Da - Trụ sở Công ty                                        | 106                 |
| 127. | Tuyến 108                                                                   | Trụ sở Công ty - Các cảng luồng Cái Mép -<br>Thị Vải - Trụ sở Công ty          | 120                 |
| 128. | Tuyến 109                                                                   | Trụ sở Công ty - Sân bay Tân Sân Nhất -<br>Trụ sở Công ty                      | 250                 |
|      |                                                                             | Đại diện tại Côn Đảo - Sân bay Côn Đảo                                         | 16                  |
|      |                                                                             | Sân bay Côn Đảo - Cảng Bến Đầm                                                 | 30                  |
|      |                                                                             | Cảng Bến Đầm - Đại diện tại Côn Đảo                                            | 14                  |
|      |                                                                             | Đại diện tại Côn Đảo - Sân bay Côn Đảo -<br>Đại diện tại Côn Đảo               | 32                  |
| 129. | Tuyến 110                                                                   | Trụ sở Công ty - Cửa khẩu Vĩnh Xương (An<br>Giang) - Trụ sở Công ty            | 680                 |
| 130. | Tuyến dẫn<br>tàu<br>(T99,T100,<br>T103,<br>T104,<br>T105,<br>T106,<br>T110) | Trụ sở Công ty - Cảng Cầu Đá - Trụ sở<br>Công ty                               | 2                   |

**Bảng 4: Định mức tiêu hao nhiên liệu, dầu bôi trơn của phương tiện thủy đưa, đón hoa tiêu**

| STT                    | Tên máy – Chế độ khai thác máy | Loại nhiên liệu | Công suất danh định/vòng quay (HP/rpm) | Suất tiêu hao nhiên liệu ( $g_{tt} = g/hp.b$ )(*) | Mức công suất khai thác (%Ne) | Định mức dầu bôi trơn (%N.liệu) |
|------------------------|--------------------------------|-----------------|----------------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------|---------------------------------|
|                        | <b>TÀU</b>                     |                 |                                        |                                                   |                               |                                 |
| <b>Tên phương tiện</b> | <b>Công ty I</b>               |                 |                                        |                                                   |                               |                                 |
| Hải Long               | Máy chính SCANIA DSI-1174-M    | Diesel          | 2x500/2100                             | 152                                               |                               | 2,0                             |
|                        | Làm mạn rời, cập cầu           |                 |                                        |                                                   | 30                            |                                 |
|                        | Hành trình đưa, đón Hoa tiêu   |                 |                                        |                                                   | 85                            |                                 |
|                        | Nổ máy chờ đưa, đón Hoa tiêu   |                 |                                        |                                                   | 40                            |                                 |
|                        | Làm mạn rời, cập tàu dẫn       |                 |                                        |                                                   | 50                            |                                 |
| Ngân Long              | Máy phát điện ONAN-2.0MDKAD    | Diesel          | 31/1800                                | 196                                               | 85                            | 2,0                             |
|                        | Máy chính Yanmar 6HA-HTE3      | Diesel          | 2x320/2170                             | 172                                               |                               | 2,0                             |
|                        | Làm mạn rời, cập cầu           |                 |                                        |                                                   | 30                            |                                 |
|                        | Hành trình đưa, đón Hoa tiêu   |                 |                                        |                                                   | 85                            |                                 |
|                        | Nổ máy chờ đưa, đón Hoa tiêu   |                 |                                        |                                                   | 40                            |                                 |

| STT                     | Tên máy – Chế độ khai thác máy   | Loại nhiên liệu | Công suất danh định/vòng quay (HP/rpm) | Suất tiêu hao nhiên liệu ( $g_{it} = g/hp.h$ )(*) | Mức công suất khai thác (%Ne) | Định mức dầu bôi trơn (%N.liệu) |
|-------------------------|----------------------------------|-----------------|----------------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------|---------------------------------|
| Huỳnh Long,<br>Kim Long | Làm mơn rời, cập tàu dẫn         |                 |                                        |                                                   | 50                            |                                 |
|                         | Yanmar-YTB5.OT (dự phòng)        |                 | 4 kw                                   |                                                   |                               |                                 |
|                         | 2. ONA -12.0MDKAD                |                 | 31/1800                                | 196                                               | 85                            | 2,0                             |
|                         | Máy chính CATERPILLAR-3406C.4 kỳ | Diesel          | 2x400/1800                             | 152                                               |                               | 2,0                             |
|                         | Làm mơn rời; cập cầu             |                 |                                        |                                                   | 30                            |                                 |
|                         | Hành trình đưa, đón Hoa tiêu     |                 |                                        |                                                   | 85                            |                                 |
|                         | Nổ máy chờ đưa, đón Hoa tiêu     |                 |                                        |                                                   | 40                            |                                 |
| Hồng Long I,<br>II      | Làm mơn rời, cập tàu dẫn         |                 |                                        |                                                   | 50                            |                                 |
|                         | Máy phát.điện ONAN-13.5MDKAD     |                 | 31/1800                                | 196                                               | 85                            | 2,0                             |
|                         | <b>Công ty II</b>                |                 |                                        |                                                   |                               |                                 |
|                         | Máy chính: YANMAR - 6HADTE3      | Diesel          | 2x 320/2100                            | 163                                               |                               | 2,0                             |
|                         | Làm mơn rời, cập cầu             |                 |                                        |                                                   | 30                            |                                 |
|                         | Hành trình đưa, đón Hoa tiêu     |                 |                                        |                                                   | 85                            |                                 |
|                         | Nổ máy chờ đưa, đón Hoa tiêu     |                 |                                        |                                                   | 40                            |                                 |

| STT         | Tên máy – Chế độ khai thác máy            | Loại nhiên liệu | Công suất danh định/vòng quay (HP/rpm) | Suất tiêu hao nhiên liệu ( $g_{tt} = g/hp.h$ )(*) | Mức công suất khai thác (%Ne) | Định mức dầu bôi trơn (%N.liệu) |
|-------------|-------------------------------------------|-----------------|----------------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------|---------------------------------|
| Rạng Đông 1 | Làm mơn rời, cập tàu dẫn                  |                 |                                        |                                                   | 50                            |                                 |
|             | Máy phát điện YANMAR-4TNE84-B1            | Diesel          | 20/1500                                | 180                                               | 85                            | 2,0                             |
|             | Máy phát điện YANMAR-TF 90M               | Diesel          | 9,5/2400                               | 253                                               | 85                            | 2,0                             |
|             | Máy chính: YANMAR-6HA2M-WTH               | Diesel          | 2x350/1950                             | 163                                               |                               | 2,0                             |
|             | Làm mơn rời, cập cầu                      |                 |                                        |                                                   | 30                            |                                 |
|             | Hành trình đưa, đón Hoa tiêu              |                 |                                        |                                                   | 85                            |                                 |
|             | Nổ máy chờ đưa, đón Hoa tiêu              |                 |                                        |                                                   | 40                            |                                 |
|             | Làm mơn rời, cập tàu dẫn                  |                 |                                        |                                                   | 50                            |                                 |
| HC 08       | Máy phát điện YANMAR-3TNV82-GGE, dự phòng | Diesel          | 13,6                                   | 162                                               | 85                            | 2,0                             |
|             | Máy phát điện YANMAR-4TNV88-GGE, chính    | Diesel          | 18                                     | 162                                               | 85                            | 2,0                             |
|             | Công ty III                               |                 |                                        |                                                   |                               |                                 |
|             | Máy chính YUCHAI: YC 6T350C               | Diesel          | 2x350/1500                             | 160                                               |                               | 2,0                             |
|             | Làm mơn rời, cập cầu                      |                 |                                        |                                                   | 30                            |                                 |

| STT        | Tên máy – Chế độ khai thác máy        | Loại nhiên liệu | Công suất danh định/vòng quay (HP/rpm) | Suất tiêu hao nhiên liệu ( $g_{tt} = g/hp.h$ )(*) | Mức công suất khai thác (%Ne) | Định mức dầu bôi trơn (%N.liệu) |
|------------|---------------------------------------|-----------------|----------------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------|---------------------------------|
|            | Hành trình đưa, đón Hoa tiêu          |                 |                                        |                                                   | 85                            |                                 |
|            | Nổ máy chờ đưa, đón Hoa tiêu          |                 |                                        |                                                   | 40                            |                                 |
|            | Làm manơ rời, cập tàu dẫn             |                 |                                        |                                                   | 50                            |                                 |
|            | WP 2.1 C27E1 (Máy phát điện dự phòng) |                 | 26,6                                   | 167                                               | 85                            | 2,0                             |
|            | Máy chính: YANMAR-6HADTE3             | Diesel          | 2x 320/2100                            | 163                                               |                               | 2,0                             |
|            | Làm manơ rời, cập cầu                 |                 |                                        |                                                   | 30                            |                                 |
| Thiên Phúc | Hành trình đưa, đón Hoa tiêu          |                 |                                        |                                                   | 85                            |                                 |
|            | Nổ máy chờ đưa, đón Hoa tiêu          |                 |                                        |                                                   | 40                            |                                 |
|            | Làm manơ rời, cập tàu dẫn             |                 |                                        |                                                   | 50                            |                                 |
|            | WD615, 61C-15A                        | Diesel          | 150/1500                               | 160                                               |                               | 2,0                             |
|            | Làm manơ rời, cập cầu                 |                 |                                        |                                                   | 30                            |                                 |
|            | Hành trình đưa, đón Hoa tiêu          |                 |                                        |                                                   | 85                            |                                 |
| HT 05      | Nổ máy chờ đưa, đón Hoa tiêu          |                 |                                        |                                                   | 40                            |                                 |

| STT                  | Tên máy – Chế độ khai thác máy | Loại nhiên liệu | Công suất danh định/vòng quay (HP/rpm) | Suất tiêu hao nhiên liệu ( $g_{tt} = g/hp.h$ )(*) | Mức công suất khai thác (%Ne) | Định mức dầu bôi trơn (%N.liệu) |
|----------------------|--------------------------------|-----------------|----------------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------|---------------------------------|
|                      | Làm manơ rời, cập tàu dẫn      |                 |                                        |                                                   | 50                            |                                 |
| Thiên An, Thiên Bình | Máy chính 8NVD36-1U            | Diesel          | 305/375                                | 160                                               |                               | 2,0                             |
|                      | Làm manơ rời, cập cầu          |                 |                                        |                                                   | 30                            |                                 |
|                      | Hành trình đưa, đón Hoa tiêu   |                 |                                        |                                                   | 85                            |                                 |
|                      | Nổ máy chờ đưa, đón Hoa tiêu   |                 |                                        |                                                   | 40                            |                                 |
|                      | Làm manơ rời, cập tàu          |                 |                                        |                                                   | 50                            |                                 |
|                      | Máy phát điện: DEUTZ 0266B-3C  | Diesel          | 40 kW                                  | 150                                               | 85                            | 2,0                             |
|                      | <b>Công ty IV</b>              |                 |                                        |                                                   |                               |                                 |
| Pilot 1              | Máy chính: Yanmar 6CH-UTE3     | Diesel          | 255/2500                               | 163,0                                             |                               | 2,0                             |
|                      | Làm manơ rời, cập cầu          |                 |                                        |                                                   | 30                            |                                 |
|                      | Hành trình đưa, đón Hoa tiêu   |                 |                                        |                                                   | 85                            |                                 |
|                      | Nổ máy chờ đưa, đón Hoa tiêu   |                 |                                        |                                                   | 40                            |                                 |
|                      | Làm manơ rời, cập tàu          |                 |                                        |                                                   | 50                            |                                 |
|                      | Máy phát điện: VIKYNO RV 125-2 | Diesel          | 12,5                                   | 185,0                                             | 85                            | 2,0                             |

| STT       | Tên máy – Chế độ khai thác máy                | Loại nhiên liệu | Công suất danh định/vòng quay (HP/rpm) | Suất tiêu hao nhiên liệu ( $g_{tt} = g/hp.h$ )(*) | Mức công suất khai thác (%Ne) | Định mức dầu bôi trơn (%N.liệu) |
|-----------|-----------------------------------------------|-----------------|----------------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------|---------------------------------|
| Pilot 9   | Máy chính Caterpillar-C9                      | Diesel          | 2X410/2100                             | 160,0                                             |                               | 2,0                             |
|           | Làm manơ rôi, cập cầu                         |                 |                                        |                                                   | 30                            |                                 |
|           | Hành trình đưa, đón Hoa tiêu                  |                 |                                        |                                                   | 85                            |                                 |
|           | Nổ máy chờ đưa, đón Hoa tiêu                  |                 |                                        |                                                   | 40                            |                                 |
|           | Làm manơ rôi, cập tàu                         |                 |                                        |                                                   | 50                            |                                 |
|           | Máy phát điện chính: Caterpillar 422GM-Perkin | Diesel          | 30,0                                   | 265,0                                             | 85                            |                                 |
| Mính Long | Máy phát điện dự phòng: Yanmar TF160          | Diesel          | 40,0                                   | 199,0                                             | 85                            | 2,0                             |
|           | <b>Công ty V</b>                              |                 |                                        |                                                   |                               |                                 |
|           | Máy chính: ISUZU-V10                          | Diesel          | 450                                    | 170                                               |                               | 2,0                             |
|           | Làm manơ rôi, cập cầu                         |                 |                                        |                                                   | 30                            |                                 |
|           | Hành trình đưa, đón Hoa tiêu                  |                 |                                        |                                                   | 85                            |                                 |
|           | Nổ máy chờ đưa, đón Hoa tiêu                  |                 |                                        |                                                   | 40                            |                                 |
|           | Làm manơ rôi, cập tàu                         |                 |                                        |                                                   | 50                            |                                 |

| STT         | Tên máy – Chế độ khai thác máy | Loại nhiên liệu | Công suất danh định/vòng quay (HP/rpm) | Suất tiêu hao nhiên liệu ( $g_{tt} = g/hp.h$ )(*) | Mức công suất khai thác (%Ne) | Định mức dầu bôi trơn (%N.liệu) |
|-------------|--------------------------------|-----------------|----------------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------|---------------------------------|
|             | Máy phát điện chính            | Xăng            | 9,5                                    | 299                                               | 85                            |                                 |
| Hoàng Long  | Máy chính: CUMMINS             | Diesel          | 250                                    | 152                                               |                               | 2,0                             |
|             | Làm manơ rôi, cập cầu          |                 |                                        |                                                   | 30                            |                                 |
|             | Hành trình đưa, đón Hoa tiêu   |                 |                                        |                                                   | 85                            |                                 |
|             | Nổ máy chờ đưa, đón Hoa tiêu   |                 |                                        |                                                   | 40                            |                                 |
|             | Làm manơ rôi, cập tàu          |                 |                                        |                                                   | 50                            |                                 |
| Sông Hậu II | Máy chính: HINO                | Diesel          | 135                                    | 157                                               |                               | 2,0                             |
|             | Làm manơ rôi, cập cầu          |                 |                                        |                                                   | 30                            |                                 |
|             | Hành trình đưa, đón Hoa tiêu   |                 |                                        |                                                   | 85                            |                                 |
|             | Nổ máy chờ đưa, đón Hoa tiêu   |                 |                                        |                                                   | 40                            |                                 |
|             | Làm manơ rôi, cập tàu          |                 |                                        |                                                   | 50                            |                                 |
|             | <b>Công ty VI</b>              |                 |                                        |                                                   |                               |                                 |
| Hoa tiêu 01 | Máy chính: YANMAR, 6TY120      | Diesel          | 2x115/2500                             | 164                                               |                               | 2,0                             |
|             | Làm manơ rôi, cập cầu          |                 |                                        |                                                   | 30                            |                                 |

| STT    | Tên máy – Chế độ khai thác máy    | Loại nhiên liệu | Công suất danh định/vòng quay (HP/rpm) | Suất tiêu hao nhiên liệu ( $g_{tt} = g/hp.h$ )(*) | Mức công suất khai thác (%Ne) | Định mức dầu bôi trơn (%N.liệu) |
|--------|-----------------------------------|-----------------|----------------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------|---------------------------------|
| TKV 01 | Hành trình đưa, đón Hoa tiêu      |                 |                                        |                                                   | 85                            |                                 |
|        | Nổ máy chờ đưa, đón Hoa tiêu      |                 |                                        |                                                   | 40                            |                                 |
|        | Làm mạn rời, cập tàu dẫn          |                 |                                        |                                                   | 50                            |                                 |
|        | Máy phát điện: Hữu Toàn, YMG32TLM | Diesel          | 26/1500                                | 106                                               | 85                            | 2,0                             |
|        | <b>Công ty VINACOMIN</b>          |                 |                                        |                                                   |                               |                                 |
|        | Máy chính 8NVD36-1U               | Diesel          | 305/1000                               | 160                                               |                               | 2,0                             |
|        | Làm mạn rời, cập cầu              |                 |                                        |                                                   | 30                            |                                 |
|        | Hành trình đưa, đón Hoa tiêu      |                 |                                        |                                                   | 85                            |                                 |
|        | Nổ máy chờ đưa, đón Hoa tiêu      |                 |                                        |                                                   | 40                            |                                 |
| TKV 03 | Làm mạn rời, cập tàu              |                 |                                        |                                                   | 50                            |                                 |
|        | Máy phát điện: DEUTZ 0226B-3C     | Diesel          | 40 kW                                  | 150                                               | 85                            | 2,0                             |
|        | Máy chính 8NVD36-1U               | Diesel          | 300/1800                               | 160                                               |                               | 2,0                             |
|        | Làm mạn rời, cập cầu              |                 |                                        |                                                   | 30                            |                                 |

| STT        | Tên máy – Chế độ khai thác máy | Loại nhiên liệu | Công suất danh định/vòng quay (HP/rpm) | Suất tiêu hao nhiên liệu ( $g_u = g/hp.h$ )(*) | Mức công suất khai thác (%Ne) | Định mức đầu bôi trơn (%N.liệu) |
|------------|--------------------------------|-----------------|----------------------------------------|------------------------------------------------|-------------------------------|---------------------------------|
| Service 06 | Hành trình đưa, đón Hoa tiêu   |                 |                                        |                                                | 85                            |                                 |
|            | Nổ máy chờ đưa, đón Hoa tiêu   |                 |                                        |                                                | 40                            |                                 |
|            | Làm manơ rôi, cập tàu          |                 |                                        |                                                | 50                            |                                 |
|            | Máy phát điện: DEUTZ 0226B-3C  | Diesel          | 40 kW                                  | 150                                            | 85                            | 2,0                             |
|            | <b>CÔNG TY VUNGTAUSHIP</b>     |                 |                                        |                                                |                               |                                 |
|            | Máy chính ISB 6.7              | Diesel          | 255/2000                               | 155                                            |                               |                                 |
| Service 07 | Làm manơ rôi cập cầu           |                 |                                        |                                                | 30                            |                                 |
|            | Hành trình đưa, đón hoa tiêu   |                 |                                        |                                                | 85                            |                                 |
|            | Nổ máy chờ đưa, đón hoa tiêu   |                 |                                        |                                                | 40                            |                                 |
|            | Làm manơ rôi, cập tàu          |                 |                                        |                                                | 50                            |                                 |
|            | Máy chính 6CTA 8.3M188 Cummins | Diesel          | 188/2000                               | 170                                            |                               | 2,0                             |
|            | Làm manơ rôi, cập cầu          |                 |                                        |                                                | 30                            |                                 |
|            | Hành trình đưa, đón hoa tiêu   |                 |                                        |                                                | 85                            |                                 |
|            | Nổ máy chờ đưa, đón hoa tiêu   |                 |                                        |                                                | 40                            |                                 |

| STT          | Tên máy – Chế độ khai thác máy    | Loại nhiên liệu | Công suất danh định/vòng quay (HP/rpm) | Suất tiêu hao nhiên liệu ( $g_H = g/HP.h$ )(*) | Mức công suất khai thác (%Ne) | Định mức dầu bôi trơn (%N.liệu) |
|--------------|-----------------------------------|-----------------|----------------------------------------|------------------------------------------------|-------------------------------|---------------------------------|
|              | Làm manơ rời, cập tàu             |                 |                                        |                                                | 50                            |                                 |
| Vungtau 2006 | Máy chính Cummin NT885-M          | Diesel          | 240/1800                               | 180                                            |                               | 2,0                             |
|              | Làm manơ rời, cập cầu             |                 |                                        |                                                | 30                            |                                 |
|              | Hành trình đưa, đón Hoa tiêu      |                 |                                        |                                                | 85                            |                                 |
|              | Nổ máy chờ đưa, đón Hoa tiêu      |                 |                                        |                                                | 40                            |                                 |
|              | Làm manơ rời, cập tàu             |                 |                                        |                                                | 50                            |                                 |
|              | Máy phát điện D15                 |                 |                                        |                                                | 85                            |                                 |
| Vungtau 2011 | Máy chính Caterpillar-C7          | Diesel          | 2x315/2200                             | 172                                            |                               | 2,0                             |
|              | Làm manơ rời, cập cầu             |                 |                                        |                                                | 30                            |                                 |
|              | Hành trình đưa, đón hoa tiêu      |                 |                                        |                                                | 85                            |                                 |
|              | Nổ máy chờ đưa, đón hoa tiêu      |                 |                                        |                                                | 40                            |                                 |
|              | Làm manơ rời, cập tàu             |                 |                                        |                                                | 50                            |                                 |
|              | Máy phát điện Mitsubishi 13.5 KVA | Diesel          | 31                                     |                                                | 85                            | 2,0                             |
|              | <b>Công ty Tân cảng</b>           |                 |                                        |                                                |                               |                                 |

| STT             | Tên máy – Chế độ khai thác máy | Loại nhiên liệu | Công suất danh định/vòng quay (HP/rpm) | Suất tiêu hao nhiên liệu ( $g_{tt} = g/hp.h$ )(*) | Mức công suất khai thác (%Ne) | Định mức dầu bôi trơn (%N.liệu) |
|-----------------|--------------------------------|-----------------|----------------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------|---------------------------------|
| Tàu TC-01;TC-P2 | Máy chính JORDIN               | Diesel          | 2x300/2200                             | 152                                               |                               | 2,0                             |
|                 | - Làm manơ rơ, cập cầu         |                 |                                        |                                                   | 30                            |                                 |
|                 | - Hành trình đưa, đón Hoa tiêu |                 |                                        |                                                   | 85                            |                                 |
|                 | - Nổ máy chờ đưa, đón Hoa tiêu |                 |                                        |                                                   | 40                            |                                 |
|                 | - Làm manơ rơ, cập tàu         |                 |                                        |                                                   | 50                            |                                 |
|                 | Máy phát điện                  | Diesel          | 18                                     | 196                                               | 85                            | 2,0                             |
| Tàu TC-P3       | Máy chính YAMAHA               | Diesel          | 2x400/2200                             | 152                                               |                               | 2,0                             |
|                 | - Làm manơ rơ, cập cầu         |                 |                                        |                                                   | 30                            |                                 |
|                 | - Hành trình đưa, đón Hoa tiêu |                 |                                        |                                                   | 85                            |                                 |
|                 | - Nổ máy chờ đưa, đón Hoa tiêu |                 |                                        |                                                   | 40                            |                                 |
|                 | - Làm manơ rơ, cập tàu         |                 |                                        |                                                   | 50                            |                                 |
|                 | Máy phát điện                  | Diesel          | 17,5HP                                 | 196                                               | 85                            | 2,0                             |
| CA NỐ           |                                |                 |                                        |                                                   |                               |                                 |
|                 | Công ty I                      |                 |                                        |                                                   |                               |                                 |

| STT                                                                                        | Tên máy – Chế độ khai thác máy | Loại nhiên liệu | Công suất danh định/vòng quay (HP/rpm) | Suất tiêu hao nhiên liệu ( $g_{tt} = g/hp.h$ )(*) | Mức công suất khai thác (%Ne) | Định mức dầu bôi trơn (%N.liệu) |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|-----------------|----------------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------|---------------------------------|
| Việt Long 1;<br>Hoàng Long 1,<br>Nam Long 1,<br>Thanh Long<br>1, Minh Long;<br>Minh Long 1 | Máy chính YAMAHA-200AETL 2 kỳ  | Xăng            | 200/5000                               | 296                                               |                               | 2,0                             |
|                                                                                            | Làm manơ rời, cập cầu          |                 |                                        |                                                   | 30                            |                                 |
|                                                                                            | Hành trình đưa, đón Hoa tiêu   |                 |                                        |                                                   | 85                            |                                 |
|                                                                                            | Nổ máy chờ đưa, đón Hoa tiêu   |                 |                                        |                                                   | 40                            |                                 |
|                                                                                            | Làm manơ rời, cập tàu          |                 |                                        |                                                   | 50                            |                                 |
|                                                                                            | <b>Công ty II</b>              |                 |                                        |                                                   |                               |                                 |
| PB 10                                                                                      | Máy chính: YAMAHA 421STIP2     | Diesel          | 245/3800                               | 180                                               |                               | 2,0                             |
|                                                                                            | Làm manơ rời, cập cầu          |                 |                                        |                                                   | 30                            |                                 |
|                                                                                            | Hành trình đưa, đón Hoa tiêu   |                 |                                        |                                                   | 85                            |                                 |
|                                                                                            | Làm manơ rời, cập tàu dẫn      |                 |                                        |                                                   | 40                            |                                 |
| P8                                                                                         | Máy chính: CUMMIN 6BTA 5,9 - M | Diesel          | 225/2500                               | 180                                               |                               | 2,0                             |
|                                                                                            | Manơ rời, cập cầu              |                 |                                        |                                                   | 30                            |                                 |
|                                                                                            | Hành trình đưa, đón Hoa tiêu   |                 |                                        |                                                   | 85                            |                                 |
|                                                                                            | Manơ rời, cập tàu              |                 |                                        |                                                   | 40                            |                                 |

| STT        | Tên máy – Chế độ khai thác máy     | Loại nhiên liệu | Công suất danh định/vòng quay (HP/rpm) | Suất tiêu hao nhiên liệu ( $g_H = g/hp.h$ )(*) | Mức công suất khai thác (%Ne) | Định mức dầu bôi trơn (%N.liệu) |
|------------|------------------------------------|-----------------|----------------------------------------|------------------------------------------------|-------------------------------|---------------------------------|
| P12        | Máy chính Evenrude-Etec 75 (2 kỳ)  | Xăng            | 75/5500                                | 389                                            |                               | 2,0                             |
|            | Làm manơ rơ, cập cầu               |                 |                                        |                                                | 30                            |                                 |
|            | Hành trình đưa, đón Hoa tiêu       |                 |                                        |                                                | 85                            |                                 |
|            | Nổ máy chờ đưa, đón Hoa tiêu       |                 |                                        |                                                | 40                            |                                 |
|            | Làm manơ rơ, cập tàu               |                 |                                        |                                                | 50                            |                                 |
| P6         | Máy chính Lombadini LDW 245 JMTI/A | Diesel          | 245/4200                               | 176                                            |                               | 2,0                             |
|            | Làm manơ rơ, cập cầu               |                 |                                        |                                                | 30                            |                                 |
|            | Hành trình đưa, đón Hoa tiêu       |                 |                                        |                                                | 85                            |                                 |
|            | Nổ máy chờ đưa, đón Hoa tiêu       |                 |                                        |                                                | 40                            |                                 |
|            | Làm manơ rơ, cập tàu               |                 |                                        |                                                | 50                            |                                 |
|            | <b>Công ty III</b>                 |                 |                                        |                                                |                               |                                 |
| Thiên Tân, | Máy chính: MERCUISER-QSM11         | Diesel          | 450                                    | 160                                            |                               | 2,0                             |
|            | Làm manơ rơ, cập cầu               |                 |                                        |                                                | 30                            |                                 |

| STT                      | Tên máy – Chế độ khai thác máy | Loại nhiên liệu | Công suất danh định/vòng quay (HP/rpm) | Suất tiêu hao nhiên liệu ( $g_{tt} = g/hp.h$ )(*) | Mức công suất khai thác (%Ne) | Định mức dầu bôi trơn (%N.liệu) |
|--------------------------|--------------------------------|-----------------|----------------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------|---------------------------------|
| Thiên trường, Thiên Long | Hành trình đưa, đón Hoa tiêu   |                 |                                        |                                                   | 85                            |                                 |
|                          | Nổ máy chờ đưa, đón Hoa tiêu   |                 |                                        |                                                   | 40                            |                                 |
|                          | Làm manơ rời, cập tàu          |                 |                                        |                                                   | 50                            |                                 |
|                          | Máy phát điện: YANMAR 4TNE     | Diesel          | 18 kW                                  | 167                                               | 85                            | 2,0                             |
|                          | <b>Công ty V</b>               |                 |                                        |                                                   |                               |                                 |
| Huỳnh Long               | Máy chính YANMAR-4             | Diesel          | 140                                    | 165                                               |                               | 2,0                             |
|                          | Làm manơ rời, cập cầu          |                 |                                        |                                                   | 30                            |                                 |
|                          | Hành trình đưa, đón Hoa tiêu   |                 |                                        |                                                   | 85                            |                                 |
|                          | Nổ máy chờ đưa, đón Hoa tiêu   |                 |                                        |                                                   | 40                            |                                 |
| Hải Long                 | Làm manơ rời, cập tàu          |                 |                                        |                                                   | 50                            |                                 |
|                          | Máy chính Cummins 6BTA 5.9M    | Diesel          | 260                                    | 172                                               |                               | 2,0                             |
|                          | Làm manơ rời, cập cầu          |                 |                                        |                                                   | 30                            |                                 |
|                          | Hành trình đưa, đón Hoa tiêu   |                 |                                        |                                                   | 85                            |                                 |
|                          | Nổ máy chờ đưa, đón Hoa tiêu   |                 |                                        |                                                   | 40                            |                                 |

| STT        | Tên máy – Chế độ khai thác máy | Loại nhiên liệu | Công suất danh định/vòng quay (HP/rpm) | Suất tiêu hao nhiên liệu ( $g_{tt} = g/hp.h$ )(*) | Mức công suất khai thác (%Ne) | Định mức dầu bôi trơn (%N.liệu) |
|------------|--------------------------------|-----------------|----------------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------|---------------------------------|
|            | Làm manơ rời, cập tàu          |                 |                                        |                                                   | 50                            |                                 |
|            | <b>Công ty VII</b>             |                 |                                        |                                                   |                               |                                 |
| Pilot 01   | Máy chính: Yanmar 6CH-HTE3     | Diesel          | 170/2500                               | 212                                               |                               | 2,0                             |
|            | Làm manơ rời, cập cầu          |                 |                                        |                                                   | 30                            |                                 |
|            | Hành trình đưa, đón Hoa tiêu   |                 |                                        |                                                   | 85                            |                                 |
|            | Nổ máy chờ đưa, đón Hoa tiêu   |                 |                                        |                                                   | 40                            |                                 |
|            | Làm manơ rời, cập tàu dẫn      |                 |                                        |                                                   | 50                            |                                 |
|            | <b>Công ty VIII</b>            |                 |                                        |                                                   |                               |                                 |
| Pilot 5, 7 | Máy chính: GM 671.67136707     | Diesel          | 225/2126                               | 170                                               |                               | 2,0                             |
|            | Làm manơ rời, cập cầu          |                 |                                        |                                                   | 30                            |                                 |
|            | Hành trình đưa, đón Hoa tiêu   |                 |                                        |                                                   | 85                            |                                 |
|            | Nổ máy chờ đưa, đón Hoa tiêu   |                 |                                        |                                                   | 40                            |                                 |
|            | Làm manơ rời, cập tàu dẫn      |                 |                                        |                                                   | 50                            |                                 |
| Hoà Long   | Máy chính: Yamaha 200 AETL-    | Xăng            | 200/5000                               | 296                                               |                               | 2,0                             |

| STT               | Tên máy – Chế độ khai thác máy | Loại nhiên liệu | Công suất danh định/vòng quay (HP/rpm) | Suất tiêu hao nhiên liệu ( $g_{tt} = g/hp.h$ )(*) | Mức công suất khai thác (%Ne) | Định mức dầu bôi trơn (%N.liệu) |
|-------------------|--------------------------------|-----------------|----------------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------|---------------------------------|
| TKV 05,<br>TKV 06 | 6G6.1023133                    |                 |                                        |                                                   |                               |                                 |
|                   | Làm manơ rời, cập cầu          |                 |                                        |                                                   | 30                            |                                 |
|                   | Hành trình đưa, đón Hoa tiêu   |                 |                                        |                                                   | 85                            |                                 |
|                   | Nổ máy chờ đưa, đón Hoa tiêu   |                 |                                        |                                                   | 40                            |                                 |
|                   | Làm manơ rời, cập tàu dẫn      |                 |                                        |                                                   | 50                            |                                 |
|                   | <b>Công ty Vinacomin</b>       |                 |                                        |                                                   |                               |                                 |
| TKV 08            | Máy chính CUMMIN-6BTA 5.9 M3   | Diesel          | 315/3000                               | 170                                               |                               | 2,0                             |
|                   | Làm manơ rời, cập cầu          |                 |                                        |                                                   | 30                            |                                 |
|                   | Hành trình đưa, đón Hoa tiêu   |                 |                                        |                                                   | 85                            |                                 |
|                   | Nổ máy chờ đưa, đón Hoa tiêu   |                 |                                        |                                                   | 40                            |                                 |
|                   | Làm manơ rời, cập tàu          |                 |                                        |                                                   | 50                            |                                 |
|                   | Máy chính QSB 6.7              | Diesel          | 380/3000                               | 160                                               |                               | 2,0                             |
| TKV 08            | Làm manơ rời, cập cầu          |                 |                                        |                                                   | 30                            |                                 |
|                   | Hành trình đưa, đón Hoa tiêu   |                 |                                        |                                                   | 85                            |                                 |

| STT                         | Tên máy – Chế độ khai thác máy | Loại nhiên liệu | Công suất danh định/vòng quay (HP/rpm) | Suất tiêu hao nhiên liệu ( $g_{tt} = g/hp.h$ )(*) | Mức công suất khai thác (%Ne) | Định mức dầu bôi trơn (%N.liệu) |
|-----------------------------|--------------------------------|-----------------|----------------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------|---------------------------------|
|                             | Nổ máy chờ đưa, đón Hoa tiêu   |                 |                                        |                                                   | 40                            |                                 |
|                             | Làm manơ rời, cập tàu          |                 |                                        |                                                   | 50                            |                                 |
|                             | <b>Vungtauship</b>             |                 |                                        |                                                   |                               |                                 |
| Hoa tiêu 01                 | Máy OUTBOARD-YAMAHA            | Xăng            | 40/3200                                |                                                   |                               | 2,0                             |
|                             | Hành trình đưa, đón hoa tiêu   |                 |                                        |                                                   | 85                            |                                 |
|                             | <b>Công ty Tân cảng</b>        |                 |                                        |                                                   |                               |                                 |
| TC-04; TC-06; TC-10; TC-16. | Máy chính YAMAHA               |                 | 200/5000                               | 296                                               |                               | 2,0                             |
|                             | Làm manơ rời, cập cầu          |                 |                                        |                                                   | 30                            |                                 |
|                             | Hành trình đưa, đón Hoa tiêu   |                 |                                        |                                                   | 85                            |                                 |
|                             | Nổ máy chờ đưa, đón Hoa tiêu   |                 |                                        |                                                   | 40                            |                                 |
|                             | Làm manơ rời, cập tàu          |                 |                                        |                                                   | 50                            |                                 |

**Bảng 5: Định mức tiêu hao nhiên liệu, dầu bôi trơn của phương tiện bộ**

(đơn vị tính: 01 xe)

| STT | Tên phương tiện | Kiểu máy    | Sức<br>chở<br>(người) | Dung<br>tích xi<br>lanh<br>(cm <sup>3</sup> ) | Công<br>suất<br>(HP) | Loại nhiên<br>liệu | Định mức                      |                              |
|-----|-----------------|-------------|-----------------------|-----------------------------------------------|----------------------|--------------------|-------------------------------|------------------------------|
|     |                 |             |                       |                                               |                      |                    | Nhiên liệu<br>(lít/100km) (*) | Dầu bôi<br>trơn<br>(%N.liệu) |
| 1.  | Xe Toyota       | IRZ-1401334 | 15                    | 2.000                                         |                      | Xăng               | 20                            | 1,0                          |
| 2.  | Xe Toyota       | IRZ-3221434 | 15                    | 2.400                                         |                      | Xăng               | 19                            | 1,0                          |
| 3.  | Xe Ford         | WLAT 588304 | 7                     | 2.500                                         |                      | Dầu                | 15,5                          | 1,0                          |
| 4.  | Xe Ford         | AJ -249540  | 5                     | 3.000                                         |                      | Xăng               | 21                            | 1,0                          |
| 5.  | Xe Toyota       | 2RZ-3034687 | 12                    | 2.400                                         |                      | Xăng               | 19                            | 1,0                          |
| 6.  | Xe Toyota       | SXV 10L     | 4                     | 2.000                                         |                      | Xăng               | 21                            | 1,0                          |
| 7.  | Xe Mitsubishi   | 6G72-RN4342 | 7                     | 3.000                                         |                      | Xăng               | 21                            | 1,0                          |
| 8.  | Xe Toyota       | IRZ-2871921 | 12                    | 2.000                                         |                      | Xăng               | 19                            | 1,0                          |
| 9.  | Xe Toyota       | IRZ-2578335 | 12                    | 2.000                                         |                      | Xăng               | 20,5                          | 1,0                          |
| 10. | Xe Toyota       | 1TR-6556151 | 8                     | 2.000                                         |                      | Xăng               | 16                            | 1,0                          |
| 11. | Toyota Hiace    | 2TR-FE      | 16                    | 2.494                                         | 102                  | Xăng               | 15,0                          | 1,0                          |
| 12. | Toyota Hiace    | 2KD-FTV     | 16                    | 2.494                                         | 102                  | Diesel             | 13,0                          | 1,0                          |

| STT | Tên phương tiện    | Kiểu máy    | Sức chở<br>(người) | Dung tích xi<br>lanh<br>(cm <sup>3</sup> ) | Công suất<br>(HP) | Loại nhiên<br>liệu | Định mức                      |                              |
|-----|--------------------|-------------|--------------------|--------------------------------------------|-------------------|--------------------|-------------------------------|------------------------------|
|     |                    |             |                    |                                            |                   |                    | Nhiên liệu<br>(lít/100km) (*) | Dầu bôi<br>trơn<br>(%N.liệu) |
| 13. | Toyota Corolla     | ZRE1422     | 5                  | 1.800                                      | 74                | Xăng               | 10,0                          | 1,0                          |
| 14. | Toyota Landcruiser | 1FZ-FE      | 7                  | 4.500                                      | 322               | Xăng               | 21                            | 1,0                          |
| 15. | Toyota Innova E    | 1TR         | 7                  | 2.000                                      |                   | Xăng               | 14                            | 1,0                          |
| 16. | Toyota Hiace       | 2RZ-E       | 12                 | 2.400                                      | 123               | Xăng               | 15,0                          | 1,0                          |
| 17. | Toyota Altis       | 1ZZ-FE      | 5                  | 1.800                                      | 134               | Xăng               | 10,5                          | 1,0                          |
| 18. | Xe Toyota Fortuner | 2TR         | 7                  | 2.694                                      |                   | Xăng               | 16                            | 1,0                          |
| 19. | Xe Toyota Hiace    | 1RZ         | 12                 | 2000                                       | 100               | Xăng               | 18                            | 1,0                          |
| 20. | Xe Toyota Hiace    | 2RZ         | 12                 | 2400                                       | 132               | Xăng               | 20                            | 1,0                          |
| 21. | Xe Toyota          | 2TR-FE      | 16                 | 2,694                                      | 149               | Xăng               | 16                            | 1,0                          |
| 22. | Xe Toyota          | 2AZ-FE      | 5                  | 2,362                                      | 148               | Xăng               | 16                            | 1,0                          |
| 23. | Xe Toyota          | 1TR-6556751 | 8                  | 2.000                                      |                   | Xăng               | 14                            | 1,0                          |
| 24. | Xe Toyota Hiace    | 2RZ-E       | 12                 | 2400                                       | 123               | Xăng               | 20                            | 1,0                          |
| 25. | Xe Mitsubishi      | 6G72        | 7                  | 2972                                       | 146               | Xăng               | 17                            | 1,0                          |
| 26. | Xe Toyota Hiace    | 1RZ         | 12                 | 2000                                       | 99                | Xăng               | 18                            | 1,0                          |

| STT | Tên phương tiện  | Kiểu máy | Sức<br>chở<br>(người) | Dung<br>tích xi<br>lanh<br>(cm <sup>3</sup> ) | Công<br>suất<br>(HP) | Loại nhiên<br>liệu | Định mức                      |                              |
|-----|------------------|----------|-----------------------|-----------------------------------------------|----------------------|--------------------|-------------------------------|------------------------------|
|     |                  |          |                       |                                               |                      |                    | Nhiên liệu<br>(lít/100km) (*) | Dầu bôi<br>trơn<br>(%N.liệu) |
| 27. | Toyota Hiace     | IRZ      | 16                    | 1.998                                         | 105                  | Xăng               | 18,0                          | 1,0                          |
| 28. | Toyota Altis     | 2ZR-FE * | 5                     | 1.798                                         | 103                  | Xăng               | 12,0                          | 1,0                          |
| 29. | Xe ô tô 7 chỗ    | WL       | 7                     | 2.499                                         | 105                  | Diesel             | 18                            | 1,0                          |
| 30. | Xe Toyota Corola | 4A-FE    | 4                     | 1587                                          | 108                  | Xăng               | 15                            | 1,0                          |
| 31. | Xe Toyota Zace   | 7K-E     | 8                     | 1781                                          | 83                   | Xăng               | 14                            | 1,0                          |

(\*) Định mức nhiên liệu theo báo cáo thống kê của các đơn vị. Khi áp dụng để tính định mức tiêu hao nhiên liệu của phương tiện bộ theo công thức ở mục IV. 2.1. Cần kiểm tra đối chiếu suất tiêu hao nhiên liệu ( $G_{010}$ ) theo tài liệu kỹ thuật của nhà chế tạo.

**Bảng 6. Định mức thời gian hoạt động của phương tiện thủy**

| <b>Hạng mục công việc</b>                                                                                  | <b>Định mức thời gian (phút)</b>                                                                                                                                                                      |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Hành trình phương tiện thủy đưa hoatiêu đến tàu được dẫn                                                   | $t = S/V$<br>Trong đó:<br>S:<br>là khoảng cách hoạt động của phương tiện thủy cho từng tuyến dẫn tàu cụ thể theo Bảng 2;<br>V:<br>là vận tốc trung bình của phương tiện thủy theo từng tuyến dẫn tàu. |
| Nỗ máy chờ Hoatiêu                                                                                         | 40                                                                                                                                                                                                    |
| Manorời tàu                                                                                                | 10                                                                                                                                                                                                    |
| Hành trình phương tiện đón hoatiêu từ tàu được dẫn về cầu cảng hoặc đi theo tàu được dẫn từ vị trí yêu cầu | $t = S/V$<br>S:<br>là khoảng cách hoạt động của phương tiện thủy cho từng tuyến dẫn tàu theo Bảng 2;<br>V:<br>là vận tốc trung bình của phương tiện thủy theo từng tuyến dẫn tàu.                     |
| Mano cập cầu                                                                                               | 10                                                                                                                                                                                                    |

**Bảng 7. Thời gian công nghệ hoa tiêu dẫn tàu**

T1

| <b>TT</b> | <b>Các bước công việc</b>                                                | <b>Thời gian</b> |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------|------------------|
| <b>1</b>  | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty</b>                         | <b>20</b>        |
| <b>2</b>  | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                         |                  |
|           | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến Trạm hoa tiêu Vũng Tàu | 180              |
|           | Hoa tiêu di chuyển từ Trạm hoa tiêu Vũng Tàu đến bến canô                | 15               |
|           | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                            | 10               |
|           | Phương tiện thủy manơ rời bến đỗ                                         | 10               |
|           | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn                           | 44               |
|           | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                                   | 10               |
| <b>3</b>  | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                                       |                  |
|           | Hoa tiêu lên tàu được dẫn trao đổi với thuyền trưởng                     | 10               |
|           | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo                                           | 30               |
|           | Hoa tiêu dẫn tàu từ Vũng Tàu vào cầu Cảng Sài Gòn                        | 420              |
|           | Hoa tiêu điều động tàu cập hoặc rời cầu Cảng Sài Gòn                     | 90               |
|           | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng                    | 10               |
| <b>4</b>  | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                        |                  |
|           | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ cầu cảng Sài Gòn về Trụ sở Công ty        | 30               |
| <b>5</b>  | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>              | <b>10</b>        |
|           | (Nếu tàu rời cầu từ Sài Gòn ra Vũng Tàu thì ngược lại)                   |                  |

T2

| TT | Các bước công việc                                                       | Thời gian |
|----|--------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 1  | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty</b>                         | 20        |
| 2  | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                         |           |
|    | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến Trạm hoa tiêu Vũng Tàu | 180       |
|    | Hoa tiêu di chuyển từ Trạm hoa tiêu Vũng Tàu đến bến canô                | 15        |
|    | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                            | 10        |
|    | Phương tiện thủy manơ rời bến đỗ                                         | 10        |
|    | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn                           | 44        |
|    | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                                   | 10        |
| 3  | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                                       |           |
|    | Hoa tiêu lên tàu được dẫn và trao đổi với thuyền trưởng                  | 10        |
|    | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo                                           | 30        |
|    | Hoa tiêu dẫn tàu từ P/S Vũng Tàu vào cảng Đồng Nai                       | 570       |
|    | Hoa tiêu điều động tàu cập cầu cảng Đồng Nai                             | 60        |
|    | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng                    | 10        |
| 4  | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                        |           |
|    | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ cầu cảng Đồng Nai về Trụ sở Công ty       | 90        |
| 5  | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>              | 10        |
|    | (Nếu tàu rời cầu từ Đồng Nai đi Vũng Tàu thì ngược lại)                  |           |

T3

| TT | Các bước công việc                                                       | Thời gian |
|----|--------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 1  | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty</b>                         | <b>20</b> |
| 2  | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                         |           |
|    | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến Trạm hoa tiêu Vũng Tàu | 180       |
|    | Hoa tiêu di chuyển từ Trạm hoa tiêu Vũng Tàu đến bến canô                | 15        |
|    | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                            | 10        |
|    | Phương tiện thủy manơ rời bến đỗ                                         | 10        |
|    | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn                           | 44        |
|    | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                                   | 10        |
| 3  | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                                       |           |
|    | Hoa tiêu lên tàu được dẫn, trao đổi với thuyền trưởng                    | 10        |
|    | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo                                           | 30        |
|    | Hoa tiêu dẫn tàu từ P/S Vũng Tàu vào cầu cảng Hiệp Phước                 | 390       |
|    | Hoa tiêu điều động tàu cập cầu cảng Hiệp Phước                           | 90        |
|    | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng                    | 10        |
| 4  | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                        |           |
|    | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ cầu cảng Hiệp Phước về Trụ sở Công ty   | 40        |
| 5  | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>              | <b>10</b> |
|    | (Nếu tàu rời cầu từ Hiệp Phước đi Vũng Tàu thì ngược lại)                |           |

T4

| TT       | Các bước công việc                                                       | Thời gian |
|----------|--------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty</b>                         | <b>20</b> |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                         |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến Trạm hoa tiêu Vũng Tàu | 180       |
|          | Hoa tiêu di chuyển từ Trạm hoa tiêu Vũng Tàu đến bến canô                | 15        |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                            | 10        |
|          | Phương tiện thủy manơ rời bến đỗ                                         | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn                           | 44        |
|          | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                                   | 10        |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                                       |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu được dẫn, trao đổi với thuyền trưởng                    | 10        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo                                           | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ Vũng Tàu vào cầu cảng Long An                        | 690       |
|          | Hoa tiêu điều động tàu cập cầu cảng Long An                              | 60        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng                    | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                        |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ cầu cảng Long An về Trụ sở Công ty        | 90        |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>              | <b>10</b> |
|          | (Nếu tàu rời cầu thì ngược lại)                                          |           |

T5

| TT       | Các bước công việc                                                       | Thời gian |
|----------|--------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty</b>                         | <b>20</b> |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                         |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến Trạm hoa tiêu Vũng Tàu | 180       |
|          | Hoa tiêu di chuyển từ Trạm hoa tiêu Vũng Tàu đến bến canô                | 15        |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                            | 10        |
|          | Phương tiện thủy manơ rời bến đỗ                                         | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn                           | 44        |
|          | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                                   | 10        |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                                       |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu được dẫn trao đổi với thuyền trưởng                     | 10        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo                                           | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ Vũng Tàu đến Mỹ Tho                                  | 540       |
|          | Hoa tiêu điều động tàu thả neo (BĐAT hàng hải không cho tàu chạy đêm)    | 30        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo                                           | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ Mỹ Tho đến cầu cảng Đồng Tháp                        | 540       |
|          | Hoa tiêu điều động tàu cập cầu cảng Đồng Tháp                            | 60        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng                    | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                        |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Đồng Tháp về Trụ sở Công ty               | 390       |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>              | <b>10</b> |
|          | (Nếu tàu rời Cảng Đồng Tháp đi Vũng Tàu thì ngược lại)                   |           |

T6

| <b>TT</b> | <b>Các bước công việc</b>                                                | <b>Thời gian</b> |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------|------------------|
| <b>1</b>  | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty</b>                         | <b>20</b>        |
| <b>2</b>  | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                         |                  |
|           | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến Trạm hoa tiêu Vũng Tàu | 180              |
|           | Hoa tiêu di chuyển từ Trạm hoa tiêu Vũng Tàu đến bến canô                | 15               |
|           | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                            | 10               |
|           | Phương tiện thủy manơ rời bến đỗ                                         | 10               |
|           | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn                           | 44               |
|           | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                                   | 10               |
| <b>3</b>  | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                                       |                  |
|           | Hoa tiêu lên tàu được dẫn, trao đổi với thuyền trưởng                    | 10               |
|           | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo                                           | 30               |
|           | Hoa tiêu dẫn tàu từ Vũng Tàu vào cầu cảng Cát Lở                         | 180              |
|           | Hoa tiêu điều động tàu cập cầu cảng Cát Lở                               | 60               |
|           | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng                    | 10               |
| <b>4</b>  | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trạm Hoa tiêu Vũng Tàu</b>                |                  |
|           | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ cầu cảng Cát Lở về Trạm hoa tiêu Vũng Tàu | 45               |
| <b>5</b>  | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>              | <b>10</b>        |
|           | (Nếu tàu rời cầu từ cảng Cát Lở ra Vũng Tàu thì ngược lại)               |                  |

T7

| TT | Các bước công việc                                                 | Thời gian |
|----|--------------------------------------------------------------------|-----------|
| 1  | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty</b>                   | 20        |
| 2  | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                   |           |
|    | Hoa tiêu lên phương tiện thủy từ Trụ sở Công ty                    | 15        |
|    | Phương tiện thủy manơ rời cầu                                      | 10        |
|    | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ cầu đến tàu được dẫn              | 50        |
|    | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                             | 10        |
| 3  | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                                 |           |
|    | Hoa tiêu lên tàu được dẫn trao đổi với thuyền trưởng               | 10        |
|    | Hoa tiêu điều động tàu rời bến đỗ                                  | 90        |
|    | Hoa tiêu dẫn tàu từ cảng Sài Gòn đến cảng Đồng Nai                 | 240       |
|    | Hoa tiêu điều động tàu cập cầu cảng Đồng Nai                       | 60        |
|    | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng              | 10        |
| 4  | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                  |           |
|    | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ cầu cảng Đồng Nai về Trụ sở Công ty | 90        |
| 5  | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>        | 10        |
|    | (Nếu tàu rời cầu Đồng Nai đến Sài Gòn thì ngược lại)               |           |

T8

| TT       | Các bước công việc                                                                                   | Thời gian |
|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty</b>                                                     | <b>20</b> |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                                                     |           |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy từ Trụ sở Công ty                                                      | 15        |
|          | Phương tiện thủy manơ rời cầu                                                                        | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ cầu đến tàu được dẫn                                                | 50        |
|          | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                                                               | 10        |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                                                                   |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu được dẫn trao đổi với thuyền trưởng                                                 | 10        |
|          | Hoa tiêu manơ tàu rời bến đỗ                                                                         | 60        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ cảng Sài Gòn đến Vũng Tàu                                                        | 450       |
|          | Phương tiện thủy manơ rời cầu cảng Vũng Tàu đưa Hoa tiêu ra tàu được dẫn (đổi Hoa tiêu tại Vũng Tàu) | 10        |
|          | Phương tiện thủy hành trình đưa Hoa tiêu ra tàu được dẫn                                             | 30        |
|          | Phương tiện thủy manơ cập, rời tàu được dẫn                                                          | 10        |
|          | Hoa tiêu trao đổi bàn giao công việc                                                                 | 10        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ Vũng Tàu đến Mỹ Tho                                                              | 540       |
|          | Hoa tiêu điều động tàu thả neo (Quy định của Bảo đảm an toàn hàng hải không cho tàu chạy đêm)        | 30        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo                                                                       | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ Mỹ Tho đến cầu cảng Đồng Tháp                                                    | 540       |
|          | Hoa tiêu điều động tàu cập cầu cảng Đồng Tháp                                                        | 60        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng                                                | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                                                    |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Đồng Tháp về Trụ sở Công ty                                           | 390       |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>                                          | <b>10</b> |
|          | Nếu đi từ cảng Đồng Tháp đến cảng Sài Gòn thì ngược lại                                              |           |

T9

| TT | Các bước công việc                                                | Thời gian |
|----|-------------------------------------------------------------------|-----------|
| 1  | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty</b>                  | 20        |
| 2  | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                  |           |
|    | Hoa tiêu lên phương tiện thủy từ Trụ sở Công ty                   | 15        |
|    | Phương tiện thủy manơ rời cầu                                     | 10        |
|    | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ cầu đến tàu được dẫn             | 50        |
|    | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                            | 10        |
| 3  | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                                |           |
|    | Hoa tiêu lên tàu được dẫn, trao đổi với thuyền trưởng             | 10        |
|    | Hoa tiêu điều động tàu rời bến đỗ                                 | 90        |
|    | Hoa tiêu dẫn tàu từ cảng Sài Gòn đến Long An                      | 570       |
|    | Hoa tiêu điều động tàu cập cầu cảng Long An                       | 60        |
|    | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng             | 10        |
| 4  | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                 |           |
|    | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ cầu cảng Long An về Trụ sở Công ty | 90        |
| 5  | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>       | 10        |
|    | (Nếu tàu rời cầu Long An đến Sài Gòn thì ngược lại)               |           |

T10

| TT       | Các bước công việc                                                       | Thời gian |
|----------|--------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty</b>                         | <b>20</b> |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                         |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến Trạm hoa tiêu Vũng Tàu | 180       |
|          | Hoa tiêu di chuyển từ Trạm hoa tiêu Vũng Tàu đến bến canô                | 15        |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                            | 10        |
|          | Phương tiện thủy manơ rời bến đỗ                                         | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn                           | 44        |
|          | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                                   | 10        |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                                       |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu được dẫn trao đổi với thuyền trưởng                     | 10        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo                                           | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ Vũng Tàu đến Vàm Láng                                | 300       |
|          | Hoa tiêu điều động tàu thả neo (chờ nước, đổi hoa tiêu)                  | 30        |
|          | Hoa tiêu làm thủ tục, bàn giao với cho thuyền trưởng                     | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ Vàm Láng về Trụ sở Công ty              | 182       |
|          | Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành                     | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ Trụ sở đến Vàm Láng lên tàu             | 182       |
|          | Hoa tiêu lên tàu được dẫn trao đổi với thuyền trưởng                     | 10        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo                                           | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ Vàm Láng đến cầu cảng Bến Lức                        | 300       |
|          | Hoa tiêu điều động tàu cập cầu cảng Bến Lức                              | 60        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng                    | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                        |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Bến Lức về Trụ sở Công ty                 | 90        |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>              | <b>10</b> |
|          | (Nếu tàu rời Cảng Bến Lức đi Vũng Tàu thì ngược lại)                     |           |

T11

| TT       | Các bước công việc                                                       | Thời gian |
|----------|--------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty</b>                         | <b>20</b> |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                         |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến Trạm hoa tiêu Vũng Tàu | 180       |
|          | Hoa tiêu di chuyển từ Trạm hoa tiêu Vũng Tàu đến bến canô                | 15        |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                            | 10        |
|          | Phương tiện thủy manơ rời bến đỗ                                         | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn                           | 44        |
|          | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                                   | 10        |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                                       |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu được dẫn, trao đổi với thuyền trưởng                    | 10        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo                                           | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ Vũng Tàu vào cầu cảng Nhơn Trạch                     | 360       |
|          | Hoa tiêu điều động tàu cập cầu cảng Nhơn Trạch                           | 60        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng                    | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                        |           |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ cầu cảng Nhơn Trạch về Trụ sở Công ty   | 90        |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>              | <b>10</b> |
|          | (Nếu tàu rời cầu từ Nhơn Trạch đi Vũng Tàu thì ngược lại)                |           |

T12

| TT       | Các bước công việc                                                       | Thời gian |
|----------|--------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty</b>                         | <b>20</b> |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                         |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến Trạm hoa tiêu Vũng Tàu | 180       |
|          | Hoa tiêu di chuyển từ Trạm hoa tiêu Vũng Tàu đến bến canô                | 15        |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                            | 10        |
|          | Phương tiện thủy manơ rời bến đỗ                                         | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn                           | 44        |
|          | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                                   | 10        |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                                       |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu được dẫn, trao đổi với thuyền trưởng                    | 10        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo                                           | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ Vũng Tàu vào cầu cảng Gò Gia                         | 210       |
|          | Hoa tiêu điều động tàu cập cầu cảng Gò Gia                               | 60        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng                    | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                        |           |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ cầu cảng Gò Gia về bến Canô Vũng Tàu    | 120       |
|          | Hoa tiêu di chuyển từ bến Canô lên Trạm hoa tiêu Vũng Tàu                | 15        |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>              | <b>10</b> |
|          | (Nếu tàu rời cầu từ cảng Gò Gia ra Vũng Tàu thì ngược lại)               |           |

T13

| TT | Các bước công việc                                          | Thời gian |
|----|-------------------------------------------------------------|-----------|
| 1  | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty</b>            | 20        |
| 2  | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>            |           |
|    | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                               | 10        |
|    | Phương tiện thủy manơ rời bến đỗ                            | 10        |
|    | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn              | 50        |
|    | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                      | 10        |
| 3  | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                          |           |
|    | Hoa tiêu lên tàu được dẫn, trao đổi với thuyền trưởng       | 10        |
|    | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo                              | 30        |
|    | Hoa tiêu dẫn tàu di dời                                     | 60        |
|    | Hoa tiêu điều động tàu cập cầu cảng hoặc neo đậu            | 60        |
|    | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng       | 10        |
| 4  | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>           |           |
|    | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ cầu cảng về Trụ sở Công ty | 40        |
| 5  | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b> | 10        |

T13a

| TT | Các bước công việc                                          | Thời gian |
|----|-------------------------------------------------------------|-----------|
| 1  | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty</b>            | 20        |
| 2  | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>            |           |
|    | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến Sa Đéc    | 420       |
|    | Hoa tiêu làm thủ tục lên tàu được dẫn                       | 30        |
| 3  | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                          |           |
|    | Hoa tiêu lên tàu được dẫn, trao đổi với thuyền trưởng       | 10        |
|    | Hoa tiêu manơ tàu rời bến đỗ                                | 30        |
|    | Hoa tiêu dẫn tàu từ Sa Đéc đến Vĩnh Long                    | 120       |
|    | Hoa tiêu manơ tàu cập cầu cảng du lịch Vĩnh Long            | 30        |
|    | Hoa tiêu trao đổi bàn giao công việc với thuyền trưởng      | 10        |
|    | Hoa tiêu chờ tàu ở trên tàu                                 | 240       |
|    | Hoa tiêu làm manơ rời cảng Vĩnh Long                        | 30        |
|    | Hoa tiêu dẫn tàu từ Vĩnh Long đến Mỹ Tho                    | 60        |
|    | Hoa tiêu manơ cập cầu cảng Du lịch Mỹ Tho                   | 30        |
|    | Hoa tiêu chờ ở trên tàu                                     | 300       |
|    | Hoa tiêu manơ tàu rời cảng Mỹ Tho                           | 30        |
|    | Hoa tiêu dẫn tàu từ Mỹ Tho đến Kênh Chợ Gạo                 | 60        |
|    | Hoa tiêu cập bến Kênh Chợ Gạo                               | 30        |
|    | Hoa tiêu trao đổi bàn giao công việc với thuyền trưởng      | 10        |
|    | Hoa tiêu chờ tàu                                            | 720       |
|    | Hoa tiêu manơ rời bến Kênh Chợ Gạo                          | 30        |
|    | Hoa tiêu dẫn tàu từ Kênh Chợ Gạo đến Sài Gòn                | 240       |
|    | Hoa tiêu manơ tàu cập cầu cảng du lịch Sài Gòn              | 30        |
|    | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng       | 10        |
| 4  | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu trụ sở Công ty</b>              |           |
|    | Phương tiện thủy đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty             | 22        |
| 5  | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b> | 10        |
|    | (Nếu đi từ cảng Sài Gòn đến Sa Đéc thì ngược lại)           |           |

T13b

| TT       | Các bước công việc                                                       | Thời gian |
|----------|--------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận lệnh tại Trụ sở Công ty</b>                             | <b>20</b> |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                         |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến Trạm hoa tiêu Vũng Tàu | 180       |
|          | Hoa tiêu di chuyển từ Trạm hoa tiêu đến bến cano                         | 15        |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                            | 10        |
|          | Phương tiện thủy manơ rời cầu                                            | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn                           | 44        |
|          | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                                   | 10        |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                                       |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu, trao đổi với thuyền trưởng                             | 10        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo                                           | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ Vũng Tàu vào Bình Khánh (qua Soài Rạp)               | 360       |
|          | Hoa tiêu điều động tàu cập cầu                                           | 90        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng                    | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                        |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Bình Khánh về Trụ sở Công ty              | 40        |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>              | <b>10</b> |

T13c

| TT       | Các bước công việc                                                       | Thời gian |
|----------|--------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty</b>                         | <b>20</b> |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                         |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến Trạm hoa tiêu Vũng Tàu | 180       |
|          | Hoa tiêu di chuyển từ Trạm hoa tiêu Vũng Tàu đến bến canô                | 15        |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                            | 10        |
|          | Phương tiện thủy manơ rời cầu                                            | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn                           | 44        |
|          | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                                   | 10        |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                                       |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu được dẫn trao đổi với thuyền trưởng                     | 10        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo                                           | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ Vũng Tàu đến Mỹ Tho                                  | 540       |
|          | Hoa tiêu điều động tàu thả neo hoặc cập cầu                              | 60        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng                    | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                        |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Mỹ Tho về Trụ sở Công ty                  | 120       |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>              | <b>10</b> |

T13d

| <b>TT</b> | <b>Các bước công việc</b>                                                                      | <b>Thời gian</b> |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|
| <b>1</b>  | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty</b>                                               | <b>20</b>        |
| <b>2</b>  | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                                               |                  |
|           | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến Mỹ Tho                                       | 120              |
|           | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ cầu đến tàu được dẫn                                          | 15               |
| <b>3</b>  | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                                                             |                  |
|           | Hoa tiêu lên tàu được dẫn trao đổi với thuyền trưởng                                           | 10               |
|           | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo                                                                 | 30               |
|           | Hoa tiêu dẫn tàu từ Mỹ Tho đến Vĩnh Xương                                                      | 720              |
|           | Hoa tiêu điều động tàu thả neo                                                                 | 30               |
|           | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng                                          | 10               |
| <b>4</b>  | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                                              |                  |
|           | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ tàu được dẫn về bờ (Cảng Mỹ Tho - tàu được dẫn - Cảng Mỹ Tho) | 10               |
|           | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Mỹ Tho về Trụ sở Công ty                                        | 390              |
| <b>5</b>  | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>                                    | <b>10</b>        |

| TT       | Các bước công việc                                                           | Thời gian |
|----------|------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty</b>                             | <b>20</b> |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                             |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trạm hoa tiêu Bình Thuận đến cảng Vĩnh Tân    | 30        |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                                | 15        |
|          | Phương tiện thủy manơ rời bến đỗ                                             | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn                               | 51        |
|          | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                                       | 10        |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                                           |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu được dẫn, trao đổi với thuyền trưởng                        | 10        |
|          | Hoa tiêu báo cáo Cảng vụ Bình Thuận về phương án dẫn tàu                     | 15        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo                                               | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ Biển vào cầu cảng Vĩnh Tân                               | 120       |
|          | Hoa tiêu điều động tàu cập cầu cảng Vĩnh Tân                                 | 60        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng                        | 10        |
|          | Hoa tiêu báo cáo Cảng vụ Bình Thuận việc kết thúc dẫn tàu                    | 15        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                            |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ cầu Cảng Vĩnh Tân về Trạm hoa tiêu Bình Thuận | 30        |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>                  | <b>10</b> |
|          | (Nếu tàu rời cầu từ cảng Vĩnh Tân ra Biển thì ngược lại)                     |           |

T13g

| TT | Các bước công việc                                                                              | Thời gian |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 1  | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty</b>                                                | <b>20</b> |
| 2  | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                                                |           |
|    | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến Trạm hoa tiêu Bình Thuận đến cảng LPG Hòa Phú | 60        |
|    | Hoa tiêu di chuyển từ cảng LPG Hòa Phú đến bến canô                                             | 15        |
|    | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                                                   | 15        |
|    | Phương tiện thủy manơ rời bến đỗ                                                                | 10        |
|    | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn                                                  | 51        |
|    | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                                                          | 10        |
| 3  | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                                                              |           |
|    | Hoa tiêu lên tàu được dẫn, trao đổi với thuyền trưởng                                           | 10        |
|    | Hoa tiêu báo cáo Cảng vụ Bình Thuận về phương án dẫn tàu                                        | 15        |
|    | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo                                                                  | 30        |
|    | Hoa tiêu dẫn tàu từ Biển vào cầu cảng LPG Hòa Phú                                               | 90        |
|    | Hoa tiêu điều động tàu cập cầu cảng LPG Hòa Phú                                                 | 60        |
|    | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng                                           | 10        |
|    | Hoa tiêu báo cáo Cảng vụ Bình Thuận về kết thúc dẫn tàu                                         | 15        |
| 4  | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                                               |           |
|    | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ cầu cảng LPG Hòa Phú về Trạm hoa tiêu Bình Thuận                 | 60        |
| 5  | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>                                     | <b>10</b> |
|    | (Nếu tàu rời cầu từ cảng LPG Hòa Phú ra Biển thì ngược lại)                                     |           |

T13h

| TT       | Các bước công việc                                                         | Thời gian |
|----------|----------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty</b>                           | <b>20</b> |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                           |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến Trạm hoa tiêu Lagi       | 300       |
|          | Hoa tiêu di chuyển từ Trạm hoa tiêu Lagi đến bến canô                      | 40        |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                              | 15        |
|          | Phương tiện thủy manơ rời bến đỗ                                           | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn                             | 40        |
|          | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                                     | 10        |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                                         |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu được dẫn, trao đổi với thuyền trưởng                      | 10        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo                                             | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ khu vực chuyển tải ra vùng đón trả Hoa tiêu            | 60        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng                      | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                          |           |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                              | 5         |
|          | Phương tiện thủy manơ rời bến đỗ                                           | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ vùng đón trả Hoa tiêu vào bờ              | 90        |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trạm bờ về Trụ sở Công ty                   | 360       |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>                | <b>10</b> |
|          | (Nếu đưa tàu từ vùng đón trả Hoa tiêu và khu vực chuyển tải thì ngược lại) |           |

| TT       | Các bước công việc                                                        | Thời gian |           |
|----------|---------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------|
|          |                                                                           | Tàu hàng  | Tàu kéo   |
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch từ Trụ sở Công ty</b>                           | <b>20</b> | <b>20</b> |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                          |           |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu đến Trạm Định An                              | 285       | 285       |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                             | 15        | 15        |
|          | Phương tiện thủy ma nơ rời cầu                                            | 10        | 10        |
|          | Phương tiện thủy đón hoa tiêu từ Trạm Định An ra P/S Định An              | 185       | 185       |
|          | Phương tiện thủy ma nơ cập tàu được dẫn                                   | 10        | 10        |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                                        |           |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu được dẫn trao đổi với thuyền trưởng                      | 10        | 10        |
|          | Hoa tiêu điều động kéo neo                                                | 30        | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu (hoặc tàu kéo) từ điểm đón trả Hoa tiêu vào Cảng Mỹ Thới | 600       | 1,020     |
|          | Hoa tiêu điều động tàu cập cầu (hoặc rời cầu)                             | 60        | 60        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao cho thuyền trưởng                     | 10        | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                         |           |           |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                             | 10        | 10        |
|          | Phương tiện thủy ma nơ rời tàu                                            | 15        | 15        |
|          | Phương tiện thủy đón hoa tiêu từ tàu vào bờ                               | 15        | 15        |
|          | Hoa tiêu rời phương tiện thủy về Trạm hoa tiêu                            | 45        | 45        |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>               | <b>10</b> | <b>10</b> |
|          | (Chiều ra từ cảng đến vị trí đón trả Hoa tiêu thì ngược lại)              |           |           |

| TT       | Các bước công việc                                                          | Thời gian |           |
|----------|-----------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------|
|          |                                                                             | Tàu hàng  | Tàu kéo   |
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch từ Trụ sở Công ty</b>                             | <b>20</b> | <b>20</b> |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                            |           |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu đến Trạm Định An                                | 285       | 285       |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                               | 15        | 15        |
|          | Phương tiện thủy ma nơ rời cầu                                              | 10        | 10        |
|          | PTT đón hoa tiêu từ Trạm Định An ra tàu được dẫn                            | 185       | 185       |
|          | Phương tiện thủy ma nơ cập tàu được dẫn                                     | 10        | 10        |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                                          |           |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu được dẫn trao đổi với thuyền trưởng                        | 10        | 10        |
|          | Hoa tiêu điều động kéo neo                                                  | 30        | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu (hoặc tàu kéo) từ vị trí đón trả Hoa tiêu vào Cảng Mỹ Thới | 900       | 1,470     |
|          | Hoa tiêu điều động tàu cập cầu (hoặc rời cầu)                               | 60        | 60        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao cho thuyền trưởng                       | 10        | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                           |           |           |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                               | 10        | 10        |
|          | Phương tiện thủy ma nơ rời tàu                                              | 15        | 15        |
|          | Phương tiện thủy đón hoa tiêu từ tàu vào Cảng                               | 30        | 30        |
|          | Phương tiện thủy ma nơ cập cầu cảng                                         | 10        | 10        |
|          | Phương tiện bộ hoặc thủy đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty                     | 120       | 120       |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>                 | <b>10</b> | <b>10</b> |

T16

| TT       | Các bước công việc                                           | Thời gian |
|----------|--------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch từ Trụ sở Công ty</b>              | <b>20</b> |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>             |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu đến Trạm Định An                 | 285       |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                | 20        |
|          | Phương tiện thủy ma nơ rời cầu                               | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ Trạm Định An ra P/S Định An | 185       |
|          | Phương tiện thủy ma nơ cập tàu được dẫn                      | 10        |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                           |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu trao đổi với thuyền trưởng                  | 10        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo                               | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ điểm đón trả Hoa tiêu vào Cảng           | 1,650     |
|          | Hoa tiêu điều động tàu ma nơ cập cầu (rời cầu)               | 60        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao cho thuyền trưởng        | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>            |           |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                | 10        |
|          | Phương tiện thủy ma nơ rời tàu                               | 15        |
|          | Phương tiện thủy đón Hoa tiêu từ tàu vào Cảng                | 30        |
|          | Phương tiện thủy ma nơ cập cầu cảng                          | 10        |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ cảng về Trụ sở Công ty        | 228       |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>  | <b>10</b> |

T17

| TT       | Các bước công việc                                                         | Thời gian |
|----------|----------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch từ Trụ sở Công ty</b>                            | <b>20</b> |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                           |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến cảng Năm Căn             | 285       |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                              | 15        |
|          | Phương tiện thủy ma nơ rời cầu                                             | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa hoa tiêu từ Cảng ra P/S Bò Đề - Cảng Năm Căn (Cà Mau) | 136       |
|          | Phương tiện thủy ma nơ cập tàu được dẫn                                    | 10        |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                                         |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu, trao đổi với thuyền trưởng                               | 10        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo                                             | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ điểm đón trả Hoa tiêu vào Cảng                         | 240       |
|          | Hoa tiêu điều động tàu ma nơ cập cầu (rời cầu)                             | 60        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao cho thuyền trưởng                      | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                          |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ cảng về Trụ sở Công ty                      | 285       |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>                | <b>10</b> |

| TT | Các bước công việc                                                                | Thời gian |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 1  | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch từ Trụ sở Công ty</b>                                   | 20        |
| 2  | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                                  |           |
|    | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trạm Hòn Chông ra bến ca nô Cảng Hòn Chông         | 40        |
|    | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                                     | 20        |
|    | Phương tiện thủy ma nơ rời cầu                                                    | 10        |
|    | Phương tiện thủy đưa hoa tiêu từ Cảng ra P/S Bình Trị - Cảng Bình Trị (Hòn Chông) | 109       |
|    | Phương tiện thủy ma nơ cập tàu được dẫn                                           | 10        |
| 3  | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                                                |           |
|    | Hoa tiêu lên tàu, trao đổi với thuyền trưởng                                      | 10        |
|    | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo                                                    | 30        |
|    | Hoa tiêu dẫn tàu từ điểm đón trả Hoa tiêu vào Cảng                                | 130       |
|    | Hoa tiêu điều động tàu ma nơ cập cầu (rời cầu)                                    | 60        |
|    | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao cho thuyền trưởng                             | 10        |
| 4  | <b>Phương tiện đón hoa tiêu về Trạm Hòn Chông</b>                                 |           |
|    | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Cảng về Trạm Hòn Chông                             | 40        |
| 5  | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>                       | 10        |
|    | (Chiều ra từ Cảng đến P/S Bình Trị thì ngược lại)                                 |           |

T19

| TT       | Các bước công việc                                                                | Thời gian |
|----------|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty</b>                                  | <b>20</b> |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                                  |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến cầu cảng tàu được dẫn           | 20        |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                                     | 10        |
|          | Phương tiện thủy ma nơ rời bến đỗ                                                 | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ cầu cảng ra đến P/S Quy Nhơn - Cầu cảng Quy Nhơn | 55        |
|          | Phương tiện thủy ma nơ cập tàu được dẫn                                           | 10        |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                                                |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu được dẫn trao đổi với thuyền trưởng                              | 10        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo                                                    | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ điểm đón trả hoa tiêu vào cầu cảng                            | 55        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu cập cầu                                                    | 60        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng                             | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                                 |           |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện bộ                                                       | 5         |
|          | Phương tiện bộ đón Hoa tiêu phương tiện thủy về Trụ sở Công ty                    | 20        |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>                       | <b>10</b> |

T20.

| TT | Các bước công việc                                                                                            | Thời gian |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 1  | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty</b>                                                              | 20        |
| 2  | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                                                              |           |
|    | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến bến phương tiện thủy                                        | 20        |
|    | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                                                                 | 10        |
|    | Phương tiện thủy manơ rời bến đỗ                                                                              | 10        |
|    | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ bến phương tiện thủy đến P/S Quy Nhơn - Cảng dầu, khu neo đậu Cảng Quy Nhơn. | 55        |
|    | Phương tiện thủy manơ cập tàu                                                                                 | 10        |
| 3  | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                                                                            |           |
|    | Hoa tiêu lên tàu, trao đổi với thuyền trưởng                                                                  | 10        |
|    | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo                                                                                | 30        |
|    | Hoa tiêu dẫn tàu từ điểm đón trả Hoa tiêu vào Cảng dầu, khu neo đậu                                           | 65        |
|    | Hoa tiêu điều động tàu cập phao (Cảng dầu)                                                                    | 60        |
|    | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao cho thuyền trưởng và rời tàu                                              | 10        |
| 4  | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                                                             |           |
|    | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                                                                 | 10        |
|    | Phương tiện thủy manơ rời tàu                                                                                 | 10        |
|    | Phương tiện thủy đón Hoa tiêu hành trình về bến phương tiện thủy                                              | 15        |
|    | Phương tiện thủy manơ cập bến phương tiện thủy                                                                | 10        |
|    | Phương tiện bộ đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty                                                                 | 20        |
| 5  | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>                                                   | 10        |

T21

| TT       | Các bước công việc                                                               | Thời gian |
|----------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty</b>                                 | <b>20</b> |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                                 |           |
|          | Phương tiện đưa Hoa tiêu đến Cảng Vũng Rô                                        | 240       |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                                    | 10        |
|          | Phương tiện thủy manơ rời bến                                                    | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ bến đỗ đến P/S (P/S Vũng Rô - Cảng dầu Vũng Rô) | 55        |
|          | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                                           | 10        |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                                               |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu, trao đổi với thuyền trưởng                                     | 10        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo                                                   | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ điểm đón trả Hoa tiêu vào Cảng dầu Vũng Rô                   | 65        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu cập phao                                                  | 60        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao cho thuyền trưởng                            | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                                |           |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                                    | 10        |
|          | Phương tiện thủy manơ rời tàu                                                    | 10        |
|          | Phương tiện thủy đón Hoa tiêu hành trình về bến                                  | 10        |
|          | Phương tiện thủy manơ cập bến                                                    | 10        |
|          | Phương tiện bộ đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty                                    | 240       |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>                      | <b>10</b> |

| TT       | Các bước công việc                                                                    | Thời gian |
|----------|---------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty</b>                                      | <b>20</b> |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                                      |           |
|          | Phương tiện đưa Hoa tiêu đến bến phương tiện thủy                                     | 200       |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                                         | 10        |
|          | Phương tiện thủy manơ rời bến đỗ                                                      | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ bến đỗ đến điểm P/S Đà Diễn - Khu chuyển tải Đà Diễn | 44        |
|          | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                                                | 10        |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                                                    |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu, trao đổi với thuyền trưởng                                          | 10        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo                                                        | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ điểm đón trả Hoa tiêu vào khu chuyển tải                          | 60        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu cập phao                                                       | 60        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao cho thuyền trưởng                                 | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                                     |           |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                                         | 15        |
|          | Phương tiện thủy manơ rời tàu                                                         | 10        |
|          | Phương tiện thủy đón Hoa tiêu hành trình từ khu chuyển tải về bến đỗ                  | 20        |
|          | Phương tiện thủy manơ cập bến đỗ                                                      | 10        |
|          | Phương tiện bộ đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty                                         | 200       |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>                           | <b>10</b> |

| TT       | Các bước công việc                                           | Thời gian |
|----------|--------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty</b>             | 20        |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>             |           |
|          | Phương tiện đưa Hoa tiêu đến bến phương tiện thủy            | 150       |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                | 10        |
|          | Phương tiện thủy manơ rời bến đỗ                             | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ bến đỗ đến P/S Tiên Châu    | 44        |
|          | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                       | 10        |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                           |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu, trao đổi với thuyền trưởng                 | 10        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo                               | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ điểm đón trả Hoa tiêu vào khu chuyển tải | 60        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu cập phao                              | 60        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao cho thuyền trưởng        | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>            |           |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                | 10        |
|          | Phương tiện thủy manơ rời tàu                                | 10        |
|          | Phương tiện thủy đón Hoa tiêu hành trình về bến đỗ           | 20        |
|          | Phương tiện thủy manơ cập bến đỗ                             | 10        |
|          | Phương tiện bộ đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty                | 150       |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>  | 10        |

| TT       | Các bước công việc                                               | Thời gian |
|----------|------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty</b>                 | <b>20</b> |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                 |           |
|          | Phương tiện đưa Hoa tiêu đến bến phương tiện thủy                | 120       |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                    | 10        |
|          | Phương tiện thủy manơ rời bến đỗ                                 | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ bến đỗ đến P/S Đề Gi            | 44        |
|          | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                           | 10        |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                               |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu, trao đổi với thuyền trưởng                     | 10        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo                                   | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ điểm đón trả Hoa tiêu vào khu chuyển tải     | 60        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu cập phao                                  | 60        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao cho thuyền trưởng và rời tàu | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                |           |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                    | 10        |
|          | Phương tiện thủy manơ rời tàu                                    | 10        |
|          | Phương tiện thủy đón Hoa tiêu hành trình về bến đỗ               | 20        |
|          | Phương tiện thủy manơ cập bến đỗ                                 | 10        |
|          | Phương tiện bộ đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty                    | 120       |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>      | <b>10</b> |

T24a

| TT       | Các bước công việc                                                   | Thời gian |
|----------|----------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty</b>                     | <b>20</b> |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                     |           |
|          | Phương tiện đưa Hoa tiêu đến bến phương tiện thủy                    | 210       |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                        | 10        |
|          | Phương tiện thủy manơ rời bến đỗ                                     | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ bến đỗ đến điểm P/S Bàn Thạch       | 60        |
|          | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                               | 10        |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                                   |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu, trao đổi với thuyền trưởng                         | 10        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo                                       | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ điểm đón trả Hoa tiêu vào khu chuyển tải         | 45        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu cập phao                                      | 60        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao cho thuyền trưởng và rời tàu     | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                    |           |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                        | 10        |
|          | Phương tiện thủy manơ rời tàu                                        | 10        |
|          | Phương tiện thủy đón Hoa tiêu hành trình từ khu chuyển tải về bến đỗ | 35        |
|          | Phương tiện thủy manơ cập bến đỗ                                     | 10        |
|          | Phương tiện bộ đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty                        | 210       |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>          | <b>10</b> |

T25

| TT       | Các bước công việc                                          | Thời gian |
|----------|-------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận lệnh tại Trụ sở Công ty</b>                | <b>20</b> |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>            |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến cầu cảng  | 18        |
|          | Hoa tiêu xuống phương tiện thủy                             | 10        |
|          | Phương tiện thủy manơ rời cầu                               | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ cầu ra P/S Nha Trang       | 50        |
|          | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                      | 10        |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                          |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu được dẫn trao đổi với thuyền trưởng        | 10        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo                              | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ điểm đón trả hoa tiêu vào cầu cảng      | 60        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu cập hoặc rời cầu cảng                | 60        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng       | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>           |           |
|          | Hoa tiêu rời tàu về lên ô tô                                | 10        |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ cầu cảng về Trụ sở Công ty   | 18        |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b> | <b>10</b> |
|          | (Nếu tàu rời cầu thì ngược lại)                             |           |

T26

| <b>TT</b> | <b>Các bước công việc</b>                                   | <b>Thời gian</b> |
|-----------|-------------------------------------------------------------|------------------|
| <b>1</b>  | <b>Hoa tiêu nhận lệnh tại Trụ sở Công ty</b>                | <b>20</b>        |
| <b>2</b>  | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>            |                  |
|           | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến cầu cảng  | 125              |
|           | Hoa tiêu xuống phương tiện thủy                             | 10               |
|           | Phương tiện thủy manơ rời cầu                               | 10               |
|           | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ cầu ra P/S Vân Phong       | 80               |
|           | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                      | 10               |
| <b>3</b>  | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                          |                  |
|           | Hoa tiêu lên tàu được dẫn trao đổi với thuyền trưởng        | 10               |
|           | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo                              | 30               |
|           | Hoa tiêu dẫn tàu từ điểm đón trả hoa tiêu vào cầu cảng HVS  | 96               |
|           | Hoa tiêu điều động tàu cập hoặc rời cầu cảng                | 60               |
|           | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng       | 10               |
| <b>4</b>  | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>           |                  |
|           | Hoa tiêu rời tàu về vị trí lên ô tô                         | 10               |
|           | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ cầu cảng về Trụ sở Công ty   | 125              |
| <b>5</b>  | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b> | <b>10</b>        |
|           | (Nếu tàu rời cầu thì ngược lại)                             |                  |

| <b>TT</b> | <b>Các bước công việc</b>                                    | <b>Thời gian</b> |
|-----------|--------------------------------------------------------------|------------------|
| <b>1</b>  | <b>Hoa tiêu nhận lệnh tại Trụ sở Công ty</b>                 | <b>20</b>        |
| <b>2</b>  | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>             |                  |
|           | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến cầu cảng   | 125              |
|           | Hoa tiêu xuống phương tiện thủy                              | 10               |
|           | Phương tiện thủy manơ rời cầu                                | 10               |
|           | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ cầu ra P/S Vân Phong        | 80               |
|           | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                       | 10               |
| <b>3</b>  | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                           |                  |
|           | Hoa tiêu lên tàu được dẫn trao đổi với thuyền trưởng         | 10               |
|           | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo                               | 30               |
|           | Hoa tiêu dẫn tàu từ điểm đón trả hoa tiêu vào khu chuyển tải | 70               |
|           | Hoa tiêu điều động tàu thả neo                               | 60               |
|           | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng        | 10               |
| <b>4</b>  | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>            |                  |
|           | Phương tiện thủy làm manơ cập tàu được dẫn                   | 10               |
|           | Hoa tiêu xuống phương tiện thủy                              | 10               |
|           | Phương tiện thủy manơ rời tàu                                | 10               |
|           | Phương tiện thủy đưa hoa tiêu từ khu chuyển tải vào cầu      | 60               |
|           | Hoa tiêu rời tàu về vị trí lên ô tô                          | 10               |
|           | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ cầu cảng về Trụ sở Công ty    | 125              |
| <b>5</b>  | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>  | <b>10</b>        |
|           | (Nếu tàu rời cầu thì ngược lại)                              |                  |

T28

| <b>TT</b> | <b>Các bước công việc</b>                                   | <b>Thời gian</b> |
|-----------|-------------------------------------------------------------|------------------|
| <b>1</b>  | <b>Hoa tiêu nhận lệnh tại Trụ sở Công ty</b>                | <b>20</b>        |
| <b>2</b>  | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>            |                  |
|           | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến cầu cảng  | 180              |
|           | Hoa tiêu xuống phương tiện thủy                             | 10               |
|           | Phương tiện thủy manơ rời cầu                               | 10               |
|           | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ cầu ra P/S Vân Phong       | 110              |
|           | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                      | 10               |
| <b>3</b>  | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                          |                  |
|           | Hoa tiêu lên tàu được dẫn trao đổi với thuyền trưởng        | 10               |
|           | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo                              | 30               |
|           | Hoa tiêu dẫn tàu từ điểm đón trả hoa tiêu vào cầu cảng      | 132              |
|           | Hoa tiêu điều động tàu cập hoặc rời cầu cảng                | 60               |
|           | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng       | 10               |
| <b>4</b>  | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>           |                  |
|           | Hoa tiêu rời tàu về vị trí lên ô tô                         | 10               |
|           | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ cầu cảng về Trụ sở Công ty   | 180              |
| <b>5</b>  | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b> | <b>10</b>        |
|           | (Nếu tàu rời cầu thì ngược lại)                             |                  |

T29

| TT       | Các bước công việc                                          | Thời gian |
|----------|-------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận lệnh tại Trụ sở Công ty</b>                | <b>20</b> |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>            |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến cầu cảng  | 125       |
|          | Hoa tiêu xuống phương tiện thủy                             | 10        |
|          | Phương tiện thủy manơ rời cầu                               | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ cầu ra P/S Vân Phong       | 100       |
|          | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                      | 10        |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                          |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu được dẫn trao đổi với thuyền trưởng        | 10        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo                              | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ điểm đón trả hoa tiêu vào cầu cảng      | 120       |
|          | Hoa tiêu điều động tàu cập hoặc rời cầu cảng                | 60        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng       | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>           |           |
|          | Hoa tiêu rời tàu về vị trí lên ô tô                         | 10        |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ cầu cảng về Trụ sở Công ty   | 125       |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b> | <b>10</b> |
|          | (Nếu tàu rời cầu thì ngược lại)                             |           |

T30

| TT       | Các bước công việc                                          | Thời gian |
|----------|-------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận lệnh tại Trụ sở Công ty</b>                | <b>20</b> |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>            |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến cầu cảng  | 140       |
|          | Hoa tiêu xuống phương tiện thủy                             | 10        |
|          | Phương tiện thủy manơ rời cầu                               | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ cầu ra P/S Vân Phong       | 80        |
|          | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                      | 10        |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                          |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu được dẫn trao đổi với thuyền trưởng        | 10        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo                              | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ điểm đón trả hoa tiêu vào cầu cảng      | 96        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu cập hoặc rời cầu cảng                | 60        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng       | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>           |           |
|          | Hoa tiêu rời tàu về vị trí lên ô tô                         | 10        |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ cầu cảng về Trụ sở Công ty   | 140       |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b> | <b>10</b> |
|          | (Nếu tàu rời cầu thì ngược lại)                             |           |

T31

| TT       | Các bước công việc                                          | Thời gian |
|----------|-------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty</b>            | <b>20</b> |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>            |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến cầu cảng  | 100       |
|          | Hoa tiêu xuống phương tiện thủy                             | 10        |
|          | Phương tiện thủy manơ rời bến đỗ                            | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa hoa tiêu từ cầu ra P/S Ba Ngòi         | 90        |
|          | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                      | 10        |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                          |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu được dẫn trao đổi với thuyền trưởng        | 10        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo                              | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ điểm đón trả hoa tiêu vào cầu cảng      | 110       |
|          | Hoa tiêu điều động tàu cập hoặc rời cầu                     | 60        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng       | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>           |           |
|          | Hoa tiêu rời tàu về vị trí lên ô tô                         | 10        |
|          | Phương tiện đưa Hoa tiêu về Trụ sở Công ty                  | 100       |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b> | <b>10</b> |

| TT       | Các bước công việc                                            | Thời gian |
|----------|---------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty</b>              | <b>20</b> |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>              |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến cầu cảng    | 120       |
|          | Hoa tiêu xuống phương tiện thủy                               | 10        |
|          | Phương tiện thủy manơ rời bến đỗ                              | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn ra P/S Ba Ngòi | 100       |
|          | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                        | 10        |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                            |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu được dẫn trao đổi với thuyền trưởng          | 10        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo                                | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ điểm đón trả hoa tiêu vào cầu cảng        | 120       |
|          | Hoa tiêu điều động tàu cập hoặc rời cầu                       | 60        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng         | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>             |           |
|          | Hoa tiêu rời tàu về vị trí lên ô tô                           | 10        |
|          | Phương tiện đưa Hoa tiêu về Trụ sở Công ty                    | 120       |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>   | <b>10</b> |

T33

| <b>TT</b> | <b>Các bước công việc</b>                                   | <b>Thời gian</b> |
|-----------|-------------------------------------------------------------|------------------|
| <b>1</b>  | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty</b>            | <b>20</b>        |
| <b>2</b>  | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>            |                  |
|           | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến cầu cảng  | 120              |
|           | Hoa tiêu xuống phương tiện thủy                             | 10               |
|           | Phương tiện thủy manơ rời bến đỗ                            | 10               |
|           | Phương tiện thủy đưa hoa tiêu từ cầu ra P/S Ba Ngòi         | 100              |
|           | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                      | 10               |
| <b>3</b>  | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                          |                  |
|           | Hoa tiêu lên tàu được dẫn trao đổi với thuyền trưởng        | 10               |
|           | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo                              | 30               |
|           | Hoa tiêu dẫn tàu từ điểm đón trả hoa tiêu vào cầu cảng      | 120              |
|           | Hoa tiêu điều động tàu cập hoặc rời cầu                     | 60               |
|           | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng       | 10               |
| <b>4</b>  | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>           |                  |
|           | Phương tiện đưa Hoa tiêu về Trụ sở Công ty                  | 120              |
| <b>5</b>  | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b> | <b>10</b>        |

| TT       | Các bước công việc                                          | Thời gian |
|----------|-------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty</b>            | <b>20</b> |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>            |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến cầu cảng  | 170       |
|          | Hoa tiêu xuống phương tiện thủy                             | 10        |
|          | Phương tiện thủy manơ rời bến đỗ                            | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa hoa tiêu từ cầu ra P/S Ninh Chữ        | 50        |
|          | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                      | 10        |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                          |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu được dẫn trao đổi với thuyền trưởng        | 10        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo                              | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ điểm đón trả hoa tiêu vào khu neo       | 45        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu thả neo (hoặc kéo neo)               | 60        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng       | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>           |           |
|          | Phương tiện thủy làm ma nơ cập tàu dẫn                      | 10        |
|          | Hoa tiêu xuống phương tiện thủy                             | 10        |
|          | Phương tiện thủy manơ rời tàu                               | 10        |
|          | Phương tiện thủy đón Hoa tiêu từ tàu về cầu                 | 30        |
|          | Phương tiện thủy manơ cập cầu                               | 10        |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu về Trụ sở Công ty               | 170       |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b> | <b>10</b> |

T34a

| TT       | Các bước công việc                                          | Thời gian |
|----------|-------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận lệnh tại Trụ sở Công ty</b>                | <b>20</b> |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>            |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến cầu cảng  | 125       |
|          | Hoa tiêu xuống phương tiện thủy                             | 10        |
|          | Phương tiện thủy manơ rời cầu                               | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ cầu ra P/S Vân Phong       | 140       |
|          | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                      | 10        |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                          |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu được dẫn trao đổi với thuyền trưởng        | 10        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo                              | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ điểm đón trả hoa tiêu vào cầu cảng      | 170       |
|          | Hoa tiêu điều động tàu cập hoặc rời cầu cảng                | 60        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng       | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>           |           |
|          | Hoa tiêu rời tàu về vị trí lên ô tô                         | 10        |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ cầu cảng về Trụ sở Công ty   | 125       |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b> | <b>10</b> |
|          | (Nếu tàu rời cầu thì ngược lại)                             |           |

T34b

| <b>TT</b> | <b>Các bước công việc</b>                                   | <b>Thời gian</b> |
|-----------|-------------------------------------------------------------|------------------|
| <b>1</b>  | <b>Hoa tiêu nhận lệnh tại Trụ sở Công ty</b>                | <b>20</b>        |
| <b>2</b>  | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>            |                  |
|           | Phương tiện bộ đưa hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến cầu cảng  | 235              |
|           | Hoa tiêu xuống phương tiện thủy                             | 10               |
|           | Phương tiện thủy làm mạn rời cầu                            | 10               |
|           | Phương tiện thủy đưa hoa tiêu từ cầu ra P/S Cà Ná           | 30               |
|           | Phương tiện thủy mạn cập tàu được dẫn                       | 10               |
| <b>3</b>  | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                          |                  |
|           | Hoa tiêu lên tàu, trao đổi với thuyền trưởng                | 10               |
|           | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo                              | 30               |
|           | Hoa tiêu dẫn tàu từ P/S vào cầu cảng                        | 45               |
|           | Hoa tiêu điều động tàu cập hoặc rời cầu cảng                | 60               |
|           | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng       | 10               |
| <b>4</b>  | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>           |                  |
|           | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu về Trụ sở Công ty               | 235              |
| <b>5</b>  | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b> | <b>10</b>        |

T34c

| TT       | Các bước công việc                                          | Thời gian |
|----------|-------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận lệnh tại Trụ sở Công ty</b>                | <b>20</b> |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>            |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến cầu cảng  | 17        |
|          | Hoa tiêu lên tàu được dẫn                                   | 10        |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                          |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu được dẫn trao đổi với thuyền trưởng        | 10        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu rời cầu                              | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ cầu đến vị trí neo                      | 48        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu thả neo                              | 30        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng       | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>           |           |
|          | Phương tiện thủy ma nơ cập tàu                              | 10        |
|          | Hoa tiêu xuống phương tiện thủy                             | 10        |
|          | Phương tiện thủy ma nơ rời tàu                              | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa hoa tiêu vào cầu cảng                  | 30        |
|          | Hoa tiêu ma nơ cập cầu                                      | 10        |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ cầu cảng về Trụ sở Công ty   | 17        |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b> | <b>10</b> |
|          | (Nếu tàu rời cầu thì ngược lại)                             |           |

T34d

| <b>TT</b> | <b>Các bước công việc</b>                                   | <b>Thời gian</b> |
|-----------|-------------------------------------------------------------|------------------|
| <b>1</b>  | <b>Hoa tiêu nhận lệnh tại Trụ sở Công ty</b>                | <b>20</b>        |
| <b>2</b>  | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>            |                  |
|           | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến cầu cảng  | 140              |
|           | Hoa tiêu lên tàu được dẫn                                   | 10               |
| <b>3</b>  | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                          |                  |
|           | Hoa tiêu lên tàu được dẫn trao đổi với thuyền trưởng        | 10               |
|           | Hoa tiêu điều động tàu rời cầu                              | 30               |
|           | Hoa tiêu dẫn tàu từ cầu đến vị trí neo                      | 48               |
|           | Hoa tiêu điều động tàu thả neo                              | 30               |
|           | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng       | 10               |
| <b>4</b>  | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>           |                  |
|           | Phương tiện thủy ma nơ cập tàu                              | 10               |
|           | Hoa tiêu xuống phương tiện thủy                             | 10               |
|           | Phương tiện thủy ma nơ rời tàu                              | 10               |
|           | Phương tiện thủy đưa hoa tiêu vào cầu cảng                  | 40               |
|           | Hoa tiêu ma nơ cập cầu                                      | 10               |
|           | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ cầu cảng về Trụ sở Công ty   | 140              |
| <b>5</b>  | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b> | <b>10</b>        |
|           | (Nếu tàu rời cầu thì ngược lại)                             |                  |

T34e

| TT       | Các bước công việc                                          | Thời gian |
|----------|-------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận lệnh tại Trụ sở Công ty</b>                | <b>20</b> |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>            |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến cầu cảng  | 100       |
|          | Hoa tiêu lên tàu được dẫn                                   | 10        |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                          |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu được dẫn trao đổi với thuyền trưởng        | 10        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu rời cầu                              | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ cầu đến vị trí neo                      | 48        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu thả neo                              | 30        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng       | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>           |           |
|          | Phương tiện thủy ma nơ cập tàu                              | 10        |
|          | Hoa tiêu xuống Phương tiện thủy                             | 10        |
|          | Phương tiện thủy ma nơ rời tàu                              | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa hoa tiêu vào cầu cảng                  | 40        |
|          | Hoa tiêu ma nơ cập cầu                                      | 10        |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ cầu cảng về Trụ sở Công ty   | 100       |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b> | <b>10</b> |
|          | (Nếu tàu rời cầu thì ngược lại)                             |           |

T34g

| TT       | Các bước công việc                                               | Thời gian |
|----------|------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận lệnh tại Trụ sở Công ty</b>                     | <b>20</b> |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                 |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến cầu cảng HVS   | 125       |
|          | Phương tiện bộ chạy về cảng cá Đại Lãnh chờ đón hoa tiêu         | 94        |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                    | 10        |
|          | Phương tiện thủy manơ rời cầu                                    | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ cầu ra P/S Vân Phong            | 80        |
|          | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                           | 10        |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                               |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu được dẫn trao đổi với thuyền trưởng             | 10        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo                                   | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ điểm đón trả hoa tiêu vào khu chuyển tải cát | 210       |
|          | Hoa tiêu điều động tàu thả neo                                   | 30        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng            | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                |           |
|          | Phương tiện thủy manơ cập tàu                                    | 10        |
|          | Hoa tiêu xuống phương tiện thủy                                  | 10        |
|          | Phương tiện thủy manơ rời tàu                                    | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa hoa tiêu từ khu chuyển tải vào cầu          | 50        |
|          | Hoa tiêu rời tàu về vị trí lên ô tô                              | 25        |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ cầu cảng về Trụ sở Công ty        | 158       |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>      | <b>10</b> |
|          | (Nếu tàu rời cầu thì ngược lại)                                  |           |

(T35-T46b)a

| TT | Các bước công việc                                                                                                                                                                       | Thời gian          |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| 1  | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch từ Trụ sở Công ty</b>                                                                                                                                          | 20                 |
| 2  | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn (Export Tanker)</b>                                                                                                                         |                    |
|    | Hoa tiêu lên phương tiện bộ để đến cảng PTSC Vũng Tàu                                                                                                                                    | 40                 |
|    | Hoa tiêu rời phương tiện bộ, lên phương tiện thủy                                                                                                                                        | 5                  |
|    | Phương tiện thủy điều động rời cảng PTSC Vũng Tàu                                                                                                                                        | 10                 |
| 3  | <b>PTT hành trình đưa Hoa tiêu ra vị trí đón trả Hoa tiêu tại Vũng Tàu</b>                                                                                                               | <b>90</b>          |
|    | Phương tiện thủy điều động cập tàu được dẫn                                                                                                                                              | 10                 |
|    | Hoa tiêu rời phương tiện thủy, lên tàu được dẫn                                                                                                                                          | 20                 |
|    | Hoa tiêu trao đổi với Thuyền trưởng về kế hoạch dẫn tàu và tính năng điều động của tàu                                                                                                   | 20                 |
|    | Hoa tiêu điều động tàu được dẫn kéo neo                                                                                                                                                  | 30                 |
| 4  | <b>Hoa tiêu dẫn tàu được dẫn từ vị trí đón trả Hoa tiêu tại Vũng Tàu hành trình đến mở khai thác dầu</b>                                                                                 | <b>(*) xem PL1</b> |
|    | Hoa tiêu điều động tàu chờ đợi các yếu tố thời tiết thuận lợi: trời sáng, thủy triều, thời tiết xấu, bố trí tàu lai dắt,...(theo số liệu thống kê bình quân tiên tiến của 3 năm liền kề) | 753                |
|    | Hoa tiêu trao đổi với Thuyền trưởng và đại diện Mỏ, thống nhất phương án điều động tàu được dẫn                                                                                          | 30                 |
|    | Hoa tiêu điều động tàu được dẫn từ vị trí đón trả Hoa tiêu của Mỏ di chuyển đến vị trí nhận dây tàu lai                                                                                  | 60                 |
|    | Hoa tiêu điều động hướng dẫn tàu lai buộc dây lai vào tàu được dẫn                                                                                                                       | 30                 |
|    | Hoa tiêu điều động tàu được dẫn cập, buộc vào kho nổi chứa dầu                                                                                                                           | 90                 |
|    | Hoa tiêu điều động tàu được dẫn để nối ống nhận hàng                                                                                                                                     | 120                |
|    | Hoa tiêu điều động tàu được dẫn ổn định vị trí để làm các thủ tục kiểm tra hầm hàng                                                                                                      | 60                 |
|    | Hoa tiêu thường trực điều động tàu được dẫn ổn định vị trí để nhận hàng (theo số liệu thống kê bình quân tiên tiến của 3 năm liền kề)                                                    | 1,457              |

(T35-T46b)b

| TT       | Các bước công việc                                                                                         | Thời gian   |
|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu điều động tàu được dẫn (Export Tanker) rời bến</b>                                             |             |
|          | Hoa tiêu điều động tàu được dẫn để tháo ống bơm dầu                                                        | 90          |
|          | Hoa tiêu điều động tàu được dẫn ổn định vị trí để làm các thủ tục xác định khối lượng, chất lượng hàng hóa | 90          |
|          | Hoa tiêu trao đổi với Thuyền trưởng về phương án đưa tàu được dẫn rời bến                                  | 30          |
|          | Hoa tiêu điều động tàu được dẫn rời kho nổi chứa dầu FSO hoặc FPSO đến vị trí tháo dây lai                 | 60          |
|          | Hoa tiêu điều động hướng dẫn tàu được dẫn tháo dây tàu lai                                                 | 30          |
|          | Hoa tiêu điều động tàu được dẫn di chuyển đến vị trí an toàn                                               | 30          |
|          | Hoa tiêu điều động tàu được dẫn ổn định vị trí để làm các thủ tục xác nhận về hàng hóa và thông quan       | 120         |
| <b>2</b> | <b>Hoa tiêu dẫn tàu được dẫn về vị trí đón trả Hoa tiêu tại Vũng Tàu</b>                                   |             |
|          | Hoa tiêu điều động dẫn tàu được dẫn hành trình từ mỏ khai thác dầu về vị trí đón trả Hoa tiêu tại Vũng Tàu | (*) xem PL1 |
|          | Hoa tiêu hoàn tất công việc và bàn giao tàu được dẫn cho Thuyền trưởng                                     | 20          |
| <b>3</b> | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                                                          |             |
|          | Phương tiện thủy điều động cập tàu đã dẫn                                                                  | 10          |
|          | Hoa tiêu rời tàu đã dẫn lên phương tiện thủy                                                               | 20          |
|          | Phương tiện thủy điều động rời tàu đã dẫn                                                                  | 15          |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu về cảng PTSC Vũng Tàu                                                        | 90          |
|          | Phương tiện thủy điều động cập cảng PTSC Vũng Tàu                                                          | 10          |
|          | Hoa tiêu rời phương tiện thủy lên phương tiện bộ                                                           | 5           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu về Trụ sở Công ty                                                              | 40          |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>                                                | <b>10</b>   |

(T35-T46)c

| TT | Các bước công việc                                                                                                                                                         | Thời gian |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 1  | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch từ Trụ sở Công ty</b>                                                                                                                            | 20        |
| 2  | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn (Export Tanker)</b>                                                                                                           |           |
|    | Hoa tiêu lên phương tiện bộ đến sân bay Vũng Tàu                                                                                                                           | 20        |
|    | Hoa tiêu làm thủ tục an toàn lên máy bay                                                                                                                                   | 60        |
|    | Máy bay đưa Hoa tiêu từ Vũng Tàu ra mỏ khai thác dầu                                                                                                                       | xem PL1   |
|    | Hoa tiêu chờ đợi các yếu tố thời tiết thuận lợi: trời sáng, thủy triều, thời tiết xấu, bố trí tàu lai dắt,...(theo số liệu thống kê bình quân tiên tiến của 3 năm liền kề) | 369       |
|    | Hoa tiêu di chuyển sang tàu lai để đến tàu được dẫn (Export Tanker)                                                                                                        | 20        |
|    | Tàu lai điều động rời kho nổi chứa dầu (FSO hoặc FPSO)                                                                                                                     | 15        |
|    | Tàu lai đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn (tại vị trí đón trả Hoa tiêu của Mỏ)                                                                                                 | 60        |
|    | Tàu lai điều động cập tàu được dẫn                                                                                                                                         | 20        |
|    | Hoa tiêu rời tàu lai lên tàu được dẫn                                                                                                                                      | 20        |
| 3  | <b>Hoa tiêu điều động tàu được dẫn cập bến, buộc và nhận hàng hóa</b>                                                                                                      |           |
|    | Hoa tiêu họp với Thuyền trưởng và đại diện Mỏ, thống nhất phương án cập buộc                                                                                               | 30        |
|    | Hoa tiêu điều động tàu được dẫn kéo neo                                                                                                                                    | 30        |
|    | Hoa tiêu điều động tàu được dẫn từ vị trí đón trả Hoa tiêu của Mỏ di chuyển đến vị trí nhận dây tàu lai                                                                    | 60        |
|    | Hoa tiêu điều động hướng dẫn tàu lai buộc dây lai vào phía lái của tàu được dẫn                                                                                            | 30        |
|    | Hoa tiêu điều động tàu được dẫn cập, buộc vào kho nổi chứa dầu                                                                                                             | 90        |
|    | Hoa tiêu điều động tàu được dẫn ổn định vị trí để nối ống nhận hàng                                                                                                        | 120       |
|    | Hoa tiêu điều động tàu được dẫn ổn định vị trí để làm các thủ tục kiểm tra hàm hàng                                                                                        | 60        |
|    | Hoa tiêu thường trực điều động tàu được dẫn ổn định vị trí để nhận hàng (theo số liệu thống kê bình quân của 3 năm liền kề)                                                | 1,457     |
| 4  | <b>Hoa tiêu điều động tàu được dẫn rời kho nổi chứa dầu FSO (FPSO)</b>                                                                                                     |           |
|    | Hoa tiêu điều động tàu được dẫn ổn định vị trí để tháo ống nhận hàng                                                                                                       | 90        |

|          |                                                                                                             |                |
|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
|          | Hoa tiêu điều động tàu ổn định vị trí để làm các thủ tục xác định khối lượng, chất lượng hàng hóa           | 90             |
|          | Hoa tiêu trao đổi với Thuyền trưởng về phương án đưa tàu được dẫn rời bến                                   | 30             |
|          | Hoa tiêu điều động tàu được dẫn rời kho nổi chứa dầu di chuyển đến vị trí an toàn                           | 60             |
|          | Hoa tiêu điều động hướng dẫn tàu được dẫn tháo dây tàu lai                                                  | 30             |
|          | Hoa tiêu điều động tàu được dẫn ổn định vị trí để làm các thủ tục xác nhận về hàng hóa và thông quan        | 120            |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu dẫn tàu được dẫn về vị trí đón trả Hoa tiêu của Mỏ dầu</b>                                      |                |
|          | Hoa tiêu điều động dẫn tàu được dẫn từ vị trí an toàn về vùng đón trả Hoa tiêu của Mỏ dầu                   | 30             |
|          | Hoa tiêu hoàn tất công việc và bàn giao tàu được dẫn cho Thuyền trưởng                                      | 20             |
| <b>6</b> | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                                                           |                |
|          | Phương tiện thủy điều động cập tàu đã dẫn                                                                   | 10             |
|          | Hoa tiêu rời tàu đã dẫn lên phương tiện thủy                                                                | 20             |
|          | Phương tiện thủy chờ Hoa tiêu rời tàu đã dẫn                                                                | 20             |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu về kho nổi chứa dầu (FSO hoặc FPSO)                                           | 60             |
|          | Phương tiện thủy điều động cập kho nổi chứa dầu                                                             | 20             |
|          | Hoa tiêu rời phương tiện thủy lên kho nổi chứa dầu                                                          | 10             |
|          | Hoa tiêu chờ đợi máy bay tại kho nổi chứa dầu (theo số liệu thống kê bình quân tiên tiến của 3 năm liền kề) | 384            |
|          | Hoa tiêu làm thủ tục lên máy bay về Vũng Tàu                                                                | 60             |
|          | Máy bay đưa Hoa tiêu từ kho nổi chứa dầu của Mỏ về Vũng Tàu                                                 | <b>xem PL1</b> |
|          | Hoa tiêu rời máy bay lên phương tiện bộ                                                                     | 15             |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu về Trụ sở Công ty                                                               | 20             |
| <b>7</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>                                                 | <b>10</b>      |

**PL1. Tổng hợp thời gian công nghệ Hoa tiêu theo các phương án đến các giàn khai thác dầu mỏ**

| TT        | Diễn giải                          | Tổng thời gian công nghệ (Phút) | Thời gian đi theo tàu (Phút) | Thời gian đi máy bay (Phút) | Bảng mức cho từng tuyến                     |                                                |
|-----------|------------------------------------|---------------------------------|------------------------------|-----------------------------|---------------------------------------------|------------------------------------------------|
|           |                                    |                                 |                              |                             | Thời gian công nghệ HT dẫn tàu đến Mỏ (giờ) | Thời gian công nghệ HT đi Máy bay đến Mỏ (giờ) |
| <b>1</b>  | <b>2</b>                           | <b>3</b>                        | <b>4</b>                     | <b>5</b>                    | <b>6</b>                                    | <b>7</b>                                       |
| *         | Hoa tiêu dẫn tàu từ Vũng Tàu       | 3,515                           | 3,515                        |                             |                                             |                                                |
| **        | Hoa tiêu đi máy bay ra Mỏ          | 3,580                           | 3,580                        |                             |                                             |                                                |
| <b>1</b>  | Vũng Tàu - Bạch Hổ                 |                                 | 744                          | 100                         | 70.98                                       | 61.33                                          |
| <b>2</b>  | Vũng Tàu - Rồng                    |                                 | 768                          | 115                         | 71.38                                       | 61.58                                          |
| <b>3</b>  | Vũng Tàu - Đại Hùng                |                                 | 1,752                        | 160                         | 87.78                                       | 62.33                                          |
| <b>4</b>  | Vũng Tàu - Sư Tử Đen               |                                 | 960                          | 100                         | 74.58                                       | 61.33                                          |
| <b>5</b>  | Vũng Tàu - Hồng Ngọc (Ruby)        |                                 | 1,020                        | 105                         | 75.58                                       | 61.42                                          |
| <b>6</b>  | Vũng Tàu - Rạng Đông               |                                 | 840                          | 100                         | 72.58                                       | 61.33                                          |
| <b>7</b>  | Vũng Tàu - Rồng Đôi - Rồng Đôi Tây |                                 | 1,992                        | 170                         | 91.78                                       | 62.50                                          |
| <b>8</b>  | Vũng Tàu - Trường Sơn              |                                 | 3,324                        | 320                         | 113.98                                      | 65.00                                          |
| <b>9</b>  | Vũng Tàu - Sư Tử Vàng              |                                 | 960                          | 100                         | 74.58                                       | 61.33                                          |
| <b>10</b> | Vũng Tàu - Tê Giác Trắng           |                                 | 672                          | 100                         | 69.78                                       | 61.33                                          |
| <b>11</b> | Vũng Tàu - Chim sáo                |                                 | 2,256                        | 210                         | 96.18                                       | 63.17                                          |
| <b>12</b> | Vũng Tàu - Biển Đông               |                                 | 1,880                        | 210                         | 89.92                                       | 63.17                                          |
| <b>13</b> | Vũng Tàu - Thăng Long - Đông Đô    |                                 | 1,104                        | 100                         | 76.98                                       | 61.33                                          |

| TT        | Hạng mục công việc                                                      | Thời gian |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>I</b>  | <b>Hoa tiêu dẫn tàu vào cảng Phú Quý</b>                                |           |
| <b>1</b>  | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch từ Trụ sở Công ty</b>                         | <b>20</b> |
| <b>2</b>  | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                        |           |
|           | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu đến bến tàu khách tại Phan Thiết đi Phú Quý | 210       |
|           | Hoa tiêu lên tàu khách đi Phú Quý                                       | 15        |
|           | Tàu khách hành trình ra đảo Phú Quý                                     | 360       |
|           | Hoa tiêu rời tàu khách lên phương tiện bộ                               | 15        |
|           | Phương tiện đưa Hoa tiêu về trạm Phú Quý liên hệ công tác               | 30        |
|           | Phương tiện đưa Hoa tiêu ra cảng Phú Quý                                | 15        |
|           | Hoa tiêu rời phương tiện bộ xuống phương tiện thủy                      | 15        |
|           | Phương tiện thủy điều động rời cảng Phú Quý                             | 10        |
|           | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu ra vị trí đón trả Hoa tiêu tại Phú Quý    | 20        |
|           | Phương tiện thủy điều động cập tàu được dẫn                             | 10        |
| <b>3</b>  | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                                      |           |
|           | Hoa tiêu lên tàu được dẫn, trao đổi với thuyền trưởng                   | 10        |
|           | Hoa tiêu điều động kéo neo                                              | 30        |
|           | Hoa tiêu dẫn tàu từ vị trí đón trả Hoa tiêu vào Cảng Phú Quý            | 45        |
|           | Hoa tiêu điều động tàu cập Cảng Phú Quý                                 | 60        |
|           | Hoa tiêu hoàn tất công việc và bàn giao tàu cho thuyền trưởng           | 10        |
| <b>4</b>  | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                       |           |
|           | Hoa tiêu rời tàu được dẫn lên phương tiện bộ                            | 15        |
|           | Phương tiện đưa Hoa tiêu về trạm Phú Quý chờ tàu khách về Phan Thiết    | 855       |
|           | Phương tiện đưa Hoa tiêu ra bến tàu khách tại Phú Quý                   | 15        |
|           | Hoa tiêu rời phương tiện bộ lên tàu khách tại Phú Quý về Phan Thiết     | 15        |
|           | Tàu khách hành trình từ đảo Phú Quý về Phan Thiết                       | 360       |
|           | Hoa tiêu rời tàu khách lên phương tiện bộ                               | 15        |
|           | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu về Trụ sở Công ty                           | 210       |
| <b>II</b> | <b>Hoa tiêu đưa tàu rời cảng Phú Quý:</b>                               |           |

|          |                                                                                      |           |
|----------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch từ Trụ sở Công ty</b>                                      | <b>20</b> |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                                     |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu đến bến tàu khách tại Phan Thiết đi Phú Quý              | 210       |
|          | Hoa tiêu lên tàu khách đi Phú Quý                                                    | 15        |
|          | Tàu khách hành trình ra đảo Phú Quý                                                  | 360       |
|          | Hoa tiêu rời tàu khách lên phương tiện bộ                                            | 15        |
|          | Phương tiện đưa Hoa tiêu về trạm Phú Quý liên hệ công tác                            | 30        |
|          | Phương tiện đưa Hoa tiêu ra cảng Phú Quý                                             | 15        |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                                                   |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu được dẫn, trao đổi với thuyền trưởng                                | 10        |
|          | Hoa tiêu điều động rời cầu                                                           | 60        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ cảng Phú Quý ra vị trí đón trả Hoa tiêu tại Phú Quý              | 45        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất công việc và bàn giao cho thuyền trưởng                            | 30        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                                    |           |
|          | Phương tiện thủy điều động cập tàu được dẫn                                          | 10        |
|          | Hoa tiêu rời tàu được dẫn lên phương tiện thủy                                       | 10        |
|          | Phương tiện thủy điều động rời tàu được dẫn                                          | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ vị trí đón trả Hoa tiêu tại Phú Quý về Cảng Phú Quý | 20        |
|          | Phương tiện thủy điều động cập Cảng Phú Quý                                          | 10        |
|          | Hoa tiêu rời phương tiện thủy lên phương tiện bộ                                     | 10        |
|          | Phương tiện đưa Hoa tiêu về trạm Phú Quý chờ tàu khách về Phan Thiết                 | 855       |
|          | Phương tiện đưa Hoa tiêu ra bến tàu khách tại Phú Quý                                | 15        |
|          | Hoa tiêu lên tàu khách tại Phú Quý                                                   | 15        |
|          | Tàu khách hành trình từ đảo Phú Quý về Phan Thiết                                    | 360       |
|          | Hoa tiêu rời tàu khách lên phương tiện bộ                                            | 5         |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu về Trụ sở Công ty                                        | 210       |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>                          | <b>10</b> |

T47

| <b>TT</b> | <b>Các bước công việc</b>                                                                  | <b>Thời gian</b> |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|
| <b>1</b>  | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty</b>                                           | <b>20</b>        |
| <b>2</b>  | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                                           |                  |
|           | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty ra Trạm hoa tiêu Đồ Sơn                      | 40               |
|           | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu ra vị trí neo (điểm tập kết) của phương tiện thủy tại Đồ Sơn | 15               |
|           | Phương tiện thủy manơ rời vị trí tập kết tại Đồ Sơn                                        | 10               |
|           | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn                                             | 76               |
|           | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                                                     | 10               |
| <b>3</b>  | <b>Quy trình Hoa tiêu dẫn tàu</b>                                                          |                  |
|           | Hoa tiêu lên tàu được dẫn, trao đổi với thuyền trưởng                                      | 10               |
|           | Hoa tiêu manơ tàu được dẫn kéo neo                                                         | 30               |
|           | Hoa tiêu dẫn tàu từ P/S Hải Phòng vào các bến cảng khu vực Hải Phòng                       | 260              |
|           | Hoa tiêu manơ tàu cập cầu                                                                  | 60               |
|           | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng                                      | 10               |
| <b>4</b>  | <b>Phương tiện bộ đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                                       |                  |
|           | Phương tiện bộ đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty                                              | 30               |
| <b>5</b>  | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>                                | <b>10</b>        |

T48

| <b>TT</b> | <b>Các bước công việc</b>                                                           | <b>Thời gian</b> |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------|
| <b>1</b>  | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty</b>                                    | <b>20</b>        |
| <b>2</b>  | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                                    |                  |
|           | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty ra Trạm hoa tiêu Đồ Sơn               | 40               |
|           | Xuồng máy đưa Hoa tiêu ra vị trí neo (điểm tập kết) của phương tiện thủy tại Đồ Sơn | 15               |
|           | Phương tiện thủy manơ rời vị trí tập kết tại Đồ Sơn                                 | 10               |
|           | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn                                      | 76               |
|           | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                                              | 10               |
| <b>3</b>  | <b>Quy trình Hoa tiêu dẫn tàu</b>                                                   |                  |
|           | Hoa tiêu lên tàu được dẫn, trao đổi với thuyền trưởng                               | 10               |
|           | Hoa tiêu manơ tàu được dẫn kéo neo                                                  | 30               |
|           | Hoa tiêu dẫn tàu từ P/S Hải Phòng vào các bến cảng thuộc Khu công nghiệp            | 270              |
|           | Hoa tiêu manơ tàu cập cầu cảng thuộc Khu công nghiệp                                | 60               |
|           | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng và rời tàu được dẫn           | 10               |
| <b>4</b>  | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                                   |                  |
|           | Phương tiện thủy đón Hoa tiêu từ khu công nghiệp về cầu cảng Hải Phòng              | 40               |
|           | Phương tiện thủy manơ cập cầu cảng                                                  | 5                |
|           | Phương tiện bộ đón Hoa tiêu từ cảng về Trụ sở Công ty                               | 10               |
| <b>5</b>  | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>                         | <b>10</b>        |

T49

| TT       | Các bước công việc                                                                  | Thời gian |
|----------|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty</b>                                    | <b>20</b> |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được</b>                                        |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty ra Trạm hoa tiêu Đồ Sơn               | 40        |
|          | Xuồng máy đưa Hoa tiêu ra vị trí neo (điểm tập kết) của phương tiện thủy tại Đồ Sơn | 15        |
|          | Phương tiện thủy manơ rời vị trí tập kết tại Đồ Sơn                                 | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn                                      | 76        |
|          | Phương tiện thủy manơ cập tàu dẫn                                                   | 10        |
|          | <b>Quy trình Hoa tiêu dẫn tàu</b>                                                   |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu được dẫn, trao đổi với thuyền trưởng                               | 10        |
|          | Hoa tiêu manơ tàu được dẫn kéo neo                                                  | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ P/S Hải Phòng vào khu vực neo đậu                               | 185       |
|          | Hoa tiêu manơ tàu được dẫn thả neo                                                  | 30        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng và rời tàu được dẫn           | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                                   |           |
|          | Phương tiện thủy đón hoa tiêu và manơ rời tàu được dẫn                              | 5         |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ vị trí neo đậu về cảng Hải Phòng                   | 157       |
|          | Phương tiện thủy manơ cập bến đỗ                                                    | 5         |
|          | Phương tiện bộ đón Hoa tiêu từ cảng về Trụ sở Công ty                               | 10        |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>                         | <b>10</b> |

T49a

| TT       | Các bước công việc                                                                  | Thời gian |
|----------|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty</b>                                    | <b>20</b> |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                                    |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty ra Trạm hoa tiêu Đồ Sơn               | 40        |
|          | Xuồng máy đưa Hoa tiêu ra vị trí neo (điểm tập kết) của phương tiện thủy tại Đồ Sơn | 15        |
|          | Phương tiện thủy manơ rời vị trí tập kết tại Đồ Sơn                                 | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn                                      | 76        |
|          | Phương tiện thủy manơ cập tàu dẫn                                                   | 10        |
| <b>3</b> | <b>Quy trình Hoa tiêu dẫn tàu</b>                                                   |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu được dẫn, trao đổi với thuyền trưởng                               | 10        |
|          | Hoa tiêu manơ tàu được dẫn kéo neo                                                  | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ P/S Hải Phòng vào khu vực neo đậu Lan Hạ                        | 120       |
|          | Hoa tiêu manơ tàu được dẫn thả neo                                                  | 30        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng và rời tàu được dẫn           | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                                   |           |
|          | Phương tiện thủy đón Hoa tiêu và manơ rời tàu được                                  | 5         |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ vị trí neo đậu về cảng Hải Phòng                   | 233       |
|          | Phương tiện thủy manơ cập bến đỗ                                                    | 5         |
|          | Phương tiện bộ đón Hoa tiêu từ cảng về Trụ sở Công ty                               | 10        |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>                         | <b>10</b> |

T50

| TT       | Các bước công việc                                                                  | Thời gian |
|----------|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty Hoa tiêu</b>                           | <b>20</b> |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                                    |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty ra Trạm hoa tiêu Đồ Sơn               | 40        |
|          | Xuồng máy đưa Hoa tiêu ra vị trí neo (điểm tập kết) của phương tiện thủy tại Đồ Sơn | 15        |
|          | Phương tiện thủy manơ rời vị trí tập kết tại Đồ Sơn                                 | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn                                      | 76        |
|          | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                                              | 10        |
| <b>3</b> | <b>Quy trình Hoa tiêu dẫn tàu</b>                                                   |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu được dẫn, trao đổi với thuyền trưởng                               | 10        |
|          | Hoa tiêu manơ tàu được dẫn kéo neo                                                  | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ P/S Hải Phòng vào khu vực neo, buộc phao                        | 200       |
|          | Hoa tiêu manơ tàu thả neo hoặc buộc phao                                            | 45        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng và rời tàu được dẫn           | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                                   |           |
|          | Phương tiện thủy đón Hoa tiêu và manơ rời tàu được dẫn                              | 5         |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ vị trí neo đậu về cảng Hải Phòng                   | 84        |
|          | Phương tiện thủy manơ cập bến đỗ                                                    | 5         |
|          | Phương tiện bộ đón Hoa tiêu từ cảng về Trụ sở Công ty                               | 10        |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>                         | <b>10</b> |

T51

| TT       | Các bước công việc                                                        | Thời gian |
|----------|---------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty</b>                          | <b>20</b> |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                          |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty ra cầu cảng Hải Phòng       | 10        |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                             | 5         |
|          | Phương tiện thủy manơ rời cầu cảng Hải Phòng                              | 5         |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu ra vùng neo, nơi tàu được dẫn neo đậu       | 84        |
|          | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                                    | 5         |
| <b>3</b> | <b>Quy trình Hoa tiêu dẫn tàu</b>                                         |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu được dẫn, trao đổi với thuyền trưởng                     | 10        |
|          | Hoa tiêu manơ tàu được dẫn kéo neo, hoặc rời phao buộc                    | 45        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ vùng neo vào cảng                                     | 150       |
|          | Hoa tiêu manơ tàu được dẫn cập cầu cảng                                   | 60        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng và rời tàu được dẫn | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                         |           |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện bộ                                               | 5         |
|          | Phương tiện bộ đón Hoa tiêu từ cảng về Trụ sở Công ty                     | 30        |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>               | <b>10</b> |

| TT       | Các bước công việc                                                            | Thời gian |
|----------|-------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty</b>                              | <b>20</b> |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                              |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty ra cầu cảng Hải Phòng           | 10        |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                                 | 5         |
|          | Phương tiện thủy manơ rời cầu cảng Hải Phòng                                  | 5         |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu ra vùng neo, nơi tàu được dẫn neo đậu           | 157       |
|          | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                                        | 5         |
| <b>3</b> | <b>Quy trình Hoa tiêu dẫn tàu</b>                                             |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu được dẫn, trao đổi với thuyền trưởng                         | 10        |
|          | Hoa tiêu manơ tàu được dẫn kéo neo                                            | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ vùng neo vào cảng                                         | 450       |
|          | Hoa tiêu manơ tàu cập cầu cảng                                                | 60        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng tàu được dẫn và rời tàu | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                             |           |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện bộ                                                   | 5         |
|          | Phương tiện bộ đón Hoa tiêu từ cảng về Trụ sở Công ty                         | 30        |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>                   | <b>10</b> |

T52a

| TT       | Các bước công việc                                                        | Thời gian |
|----------|---------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty</b>                          | <b>20</b> |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                          |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ trụ ở Trụ sở Công ty ra cầu cảng Hải Phòng | 10        |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                             | 5         |
|          | Phương tiện thủy manơ rời cầu cảng Hải Phòng                              | 5         |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu ra vùng neo, nơi tàu được dẫn neo đậu       | 157       |
|          | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                                    | 5         |
| <b>3</b> | <b>Quy trình Hoa tiêu dẫn tàu</b>                                         |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu được dẫn, trao đổi với thuyền trưởng                     | 10        |
|          | Hoa tiêu manơ tàu được dẫn kéo neo                                        | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ vùng neo vào cảng                                     | 400       |
|          | Hoa tiêu manơ tàu cập cầu cảng                                            | 60        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng                     | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                         |           |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện bộ                                               | 5         |
|          | Phương tiện bộ đón Hoa tiêu từ cảng về Trụ sở Công ty                     | 30        |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>               | <b>10</b> |

| TT       | Các bước công việc                                                                                         | Thời gian |
|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty</b>                                                           | <b>20</b> |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                                                           |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty ra cầu cảng Hải Phòng                                        | 10        |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                                                              | 5         |
|          | Phương tiện thủy manơ rời cầu cảng Hải Phòng                                                               | 5         |
|          | Phương tiện thủy hành trình đưa Hoa tiêu lên tàu được dẫn tại khu vực neo Lan Hạ, nơi tàu được dẫn neo đậu | 180       |
|          | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                                                                     | 5         |
| <b>3</b> | <b>Quy trình Hoa tiêu dẫn tàu</b>                                                                          |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu được dẫn, trao đổi với thuyền trưởng                                                      | 10        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu được dẫn kéo neo                                                                    | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ khu vực neo Hạ Long đến khu vực neo Lan Hạ                                             | 80        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu được dẫn thả neo                                                                    | 30        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng tàu                                                  | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                                                          |           |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                                                              | 5         |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ vùng neo Lan Hạ về cảng Hải Phòng                                         | 180       |
|          | Phương tiện thủy manơ cập cầu cảng                                                                         | 5         |
|          | Phương tiện bộ đón Hoa tiêu từ cảng về Trụ sở Công ty                                                      | 10        |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>                                                | <b>10</b> |

| TT       | Các bước công việc                                                                               | Thời gian |
|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty</b>                                                 | <b>20</b> |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                                                 |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến cầu cảng hoặc vị trí tàu được dẫn tại cầu cảng | 10        |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy (nếu tàu được dẫn neo đậu)                                         | 5         |
|          | Phương tiện thủy manơ rời cầu (nếu tàu được dẫn neo đậu)                                         | 5         |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ cầu cảng đến vị trí neo đậu của tàu được dẫn                    | 34        |
|          | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                                                           | 5         |
| <b>3</b> | <b>Quy trình Hoa tiêu dẫn tàu</b>                                                                |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu được dẫn, trao đổi với thuyền trưởng                                            | 10        |
|          | Hoa tiêu manơ tàu được dẫn kéo neo hoặc rời cầu                                                  | 45        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu đến vị trí mới                                                                  | 60        |
|          | Hoa tiêu manơ tàu cập cầu hoặc thả neo                                                           | 45        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng và rời tàu được dẫn                        | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                                                |           |
|          | Hoa tiêu xuống phương tiện thủy (nếu tàu được dẫn neo)                                           | 5         |
|          | Phương tiện thủy manơ rời cầu (nếu tàu được dẫn neo đậu)                                         | 5         |
|          | Phương tiện thủy manơ rời tàu được dẫn và hành trình về cảng                                     | 10        |
|          | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                                                           | 5         |
|          | Phương tiện bộ đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty                                                    | 10        |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>                                      | <b>10</b> |

T54a

| TT       | Các bước công việc                                                                               | Thời gian |
|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty</b>                                                 | <b>20</b> |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                                                 |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến cầu cảng hoặc vị trí tàu được dẫn tại cầu cảng | 120       |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy (nếu tàu được dẫn neo đậu)                                         | 5         |
|          | Phương tiện thủy manơ rời cầu (nếu tàu được dẫn neo đậu)                                         | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ cầu cảng đến vị trí neo đậu của tàu được dẫn                    | 34        |
|          | Phương tiện thủy àm manơ cập tàu được dẫn                                                        | 10        |
| <b>3</b> | <b>Quy trình Hoa tiêu dẫn tàu</b>                                                                |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu được dẫn, trao đổi với thuyền trưởng                                            | 10        |
|          | Hoa tiêu manơ tàu được dẫn kéo neo hoặc rời cầu                                                  | 45        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu đến vị trí mới                                                                  | 60        |
|          | Hoa tiêu manơ tàu cập cầu hoặc thả neo                                                           | 45        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng                                            | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                                                |           |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện bộ                                                                      | 5         |
|          | Phương tiện bộ đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty                                                    | 120       |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>                                      | <b>10</b> |

T54b

| TT | Các bước công việc                                                                 | Thời gian |
|----|------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 1  | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty</b>                                   | 20        |
| 2  | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                                   |           |
|    | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến vị trí tàu được dẫn tại Nam Định | 180       |
|    | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                                      | 5         |
|    | Phương tiện thủy manơ rời cầu                                                      | 10        |
|    | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ cầu cảng đến vị trí neo đậu của tàu được dẫn      | 34        |
|    | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                                             | 10        |
| 3  | <b>Quy trình Hoa tiêu dẫn tàu</b>                                                  |           |
|    | Hoa tiêu lên tàu được dẫn, trao đổi với thuyền trưởng                              | 10        |
|    | Hoa tiêu manơ tàu được dẫn kéo neo                                                 | 30        |
|    | Hoa tiêu dẫn tàu từ khu vực neo đậu của tàu được dẫn vào cảng                      | 60        |
|    | Hoa tiêu manơ tàu cập cầu                                                          | 60        |
|    | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng và rời tàu được dẫn          | 10        |
| 4  | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                                  |           |
|    | Hoa tiêu lên phương tiện bộ                                                        | 5         |
|    | Phương tiện bộ đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty                                      | 180       |
| 5  | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>                        | 10        |

| TT       | Các bước công việc                                                        | Thời gian |
|----------|---------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty</b>                          | <b>20</b> |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                          |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty ra cầu cảng Hải Phòng       | 10        |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                             | 5         |
|          | Phương tiện thủy manơ rời cầu cảng Hải Phòng                              | 5         |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu ra vùng neo, nơi tàu được dẫn neo đậu       | 73        |
|          | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                                    | 5         |
| <b>3</b> | <b>Quy trình Hoa tiêu dẫn tàu</b>                                         |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu được dẫn, trao đổi với thuyền trưởng                     | 10        |
|          | Hoa tiêu manơ tàu được dẫn kéo neo, hoặc rời phao buộc                    | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ vùng neo vào cảng                                     | 180       |
|          | Hoa tiêu manơ tàu được dẫn cập cầu cảng                                   | 60        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng và rời tàu được dẫn | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                         |           |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện bộ                                               | 5         |
|          | Phương tiện bộ đón Hoa tiêu từ cảng về Trụ sở Công ty                     | 30        |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>               | <b>10</b> |

T56

| TT | Các bước công việc                                                  | Thời gian |
|----|---------------------------------------------------------------------|-----------|
| 1  | Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty                           | 20        |
| 2  | Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn                           |           |
|    | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty ra cầu cảng Hải Phòng | 10        |
|    | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                       | 5         |
|    | Phương tiện thủy manơ rời cầu cảng Hải Phòng                        | 5         |
|    | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu ra vùng neo, nơi tàu được dẫn neo đậu | 157       |
|    | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                              | 5         |
| 3  | Quy trình Hoa tiêu dẫn tàu                                          |           |
|    | Hoa tiêu lên tàu được dẫn, trao đổi với thuyền trưởng               | 10        |
|    | Hoa tiêu manơ tàu được dẫn kéo neo                                  | 30        |
|    | Hoa tiêu dẫn tàu từ vùng neo vào cảng                               | 400       |
|    | Hoa tiêu manơ tàu được dẫn thả neo, hoặc buộc phao buộc             | 45        |
|    | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng               | 10        |
| 4  | Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty                          |           |
|    | Hoa tiêu lên phương tiện bộ                                         | 5         |
|    | Phương tiện bộ đón Hoa tiêu từ cảng về Trụ sở Công ty               | 30        |
| 5  | Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành                | 10        |

T56a

| <b>TT</b> | <b>Các bước công việc</b>                                           | <b>Thời gian</b> |
|-----------|---------------------------------------------------------------------|------------------|
| <b>1</b>  | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty</b>                    | <b>20</b>        |
| <b>2</b>  | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                    |                  |
|           | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty ra cầu cảng Hải Phòng | 10               |
|           | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                       | 5                |
|           | Phương tiện thủy manơ rời cầu cảng Hải Phòng                        | 5                |
|           | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu ra vùng neo, nơi tàu được dẫn neo đậu | 157              |
|           | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                              | 5                |
| <b>3</b>  | <b>Quy trình Hoa tiêu dẫn tàu</b>                                   |                  |
|           | Hoa tiêu lên tàu được dẫn, trao đổi với thuyền trưởng               | 10               |
|           | Hoa tiêu manơ tàu được dẫn kéo neo                                  | 30               |
|           | Hoa tiêu dẫn tàu từ vùng neo vào cảng                               | 340              |
|           | Hoa tiêu manơ tàu được dẫn thả neo, hoặc buộc phao buộc             | 45               |
|           | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng tàu           | 10               |
| <b>4</b>  | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                   |                  |
|           | Hoa tiêu lên phương tiện bộ                                         | 5                |
|           | Phương tiện bộ đón Hoa tiêu từ cảng về Trụ sở Công ty               | 30               |
| <b>5</b>  | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>         | <b>10</b>        |

T57.

| TT       | Các bước công việc                                             | Thời gian |
|----------|----------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch từ Trụ sở Công ty</b>                | <b>20</b> |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>               |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến bến canô     | 5         |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                  | 5         |
|          | Phương tiện thủy manơ rời cầu                                  | 10        |
|          | Phương tiện thủy đón Hoa tiêu từ cầu Hòn Gai ra P/S Hòn Cam    | 111       |
|          | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                         | 10        |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                             |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu và trao đổi với thuyền trưởng                 | 10        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo                                 | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ P/S Hòn Cam về vùng neo Hạ Long            | 120       |
|          | Hoa tiêu điều động tàu thả neo                                 | 30        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục bàn giao với thuyền trưởng           | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở</b>                      |           |
|          | Phương tiện thủy cập và rời mạn tàu được dẫn                   | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa hoa tiêu từ vùng neo Hạ Long vào bến canô | 49        |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu về Trụ sở Công ty                  | 5         |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>    | <b>10</b> |
|          | (Nếu tàu rời cầu thì ngược lại)                                |           |

| TT       | Các bước công việc                                                | Thời gian |
|----------|-------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch từ Trụ sở Công ty</b>                   | 20        |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                  |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty ra bến canô Hòn Gai | 5         |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                     | 5         |
|          | Phương tiện thủy manơ rời cầu                                     | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu Hòn Gai ra vùng neo Hạ Long         | 49        |
|          | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                            | 10        |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                                |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu trao đổi với thuyền trưởng                       | 10        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo                                    | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ vùng neo Hạ Long về cảng Dầu B12              | 100       |
|          | Hoa tiêu điều động tàu cập cầu (hoặc rời cầu)                     | 60        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng và rời tàu  | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                 |           |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu về bến canô                         | 30        |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu về Trụ sở Công ty                     | 5         |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>       | 10        |
|          | (Nếu tàu rời cầu thì ngược lại)                                   |           |

T59

| <b>TT</b> | <b>Các bước công việc</b>                                   | <b>Thời gian</b> |
|-----------|-------------------------------------------------------------|------------------|
| <b>1</b>  | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch từ Trụ sở Công ty</b>             | <b>20</b>        |
| <b>2</b>  | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>            |                  |
|           | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến bến canô  | 5                |
|           | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                               | 5                |
|           | Phương tiện thủy manơ rời cầu                               | 10               |
|           | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ cầu Hòn Gai ra P/S Hòn Cam | 111              |
|           | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                      | 10               |
| <b>3</b>  | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                          |                  |
|           | Hoa tiêu rời canô lên tàu và trao đổi với thuyền trưởng     | 10               |
|           | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo                              | 30               |
|           | Hoa tiêu dẫn tàu từ P/S Hòn Cam về vùng neo Hòn Gai         | 210              |
|           | Hoa tiêu điều động tàu thả neo                              | 30               |
|           | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục bàn giao với thuyền trưởng        | 10               |
| <b>4</b>  | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>           |                  |
|           | Phương tiện thủy đưa hoa tiêu về bến canô                   | 15               |
|           | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu về Trụ sở Công ty               | 5                |
| <b>5</b>  | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b> | <b>10</b>        |
|           | (Nếu tàu rời cầu thì ngược lại)                             |                  |

T60

| <b>TT</b> | <b>Các bước công việc</b>                                         | <b>Thời gian</b> |
|-----------|-------------------------------------------------------------------|------------------|
| <b>1</b>  | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch từ Trụ sở Công ty</b>                   | <b>20</b>        |
| <b>2</b>  | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                  |                  |
|           | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty ra bến canô Hòn Gai | 5                |
|           | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                     | 5                |
|           | Phương tiện thủy manơ rời cầu                                     | 10               |
|           | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu Hòn Gai ra P/S Hòn Cam              | 111              |
|           | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                            | 10               |
| <b>3</b>  | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                                |                  |
|           | Hoa tiêu lên tàu trao đổi và với thuyền trưởng                    | 10               |
|           | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo                                    | 30               |
|           | Hoa tiêu dẫn tàu từ P/S Hòn Cam vào cảng Cái Lân                  | 345              |
|           | Hoa tiêu điều động tàu cập cầu (hoặc rời cầu)                     | 60               |
|           | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng             | 10               |
| <b>4</b>  | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                 |                  |
|           | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu về Trụ sở Công ty                     | 36               |
| <b>5</b>  | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>       | <b>10</b>        |
|           | (Nếu tàu rời cầu thì ngược lại)                                   |                  |

T61

| TT       | Các bước công việc                                                | Thời gian |
|----------|-------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận lệnh kế hoạch từ Trụ sở Công ty</b>              | 20        |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                  |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty ra bến canô Hòn Gai | 5         |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                     | 5         |
|          | Phương tiện thủy manơ rời cầu                                     | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu Hòn Gai ra P/S Hòn Cam              | 129       |
|          | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                            | 10        |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                                |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu và trao đổi với thuyền trưởng                    | 10        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo                                    | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ P/S Hòn Cam vào cầu xi măng Thăng Long        | 315       |
|          | Hoa tiêu điều động tàu cập cầu (hoặc rời cầu)                     | 60        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng             | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                 |           |
|          | Phương tiện thủy đưa hoa tiêu về bến canô                         | 31        |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu về Trụ sở Công ty                     | 5         |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>       | 10        |
|          | (Nếu tàu rời cầu thì ngược lại)                                   |           |

| TT       | Các bước công việc                                                 | Thời gian |
|----------|--------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch từ Trụ sở Công ty</b>                    | 20        |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                   |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến Nhà máy Đóng tàu | 60        |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                                 |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu trao đổi với thuyền trưởng                        | 10        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu rời cầu                                     | 60        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ Nhà máy đóng tàu ra P/S Hòn Cam                | 345       |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ P/S Hòn Cam đến vùng neo Hòn Gai               | 210       |
|          | Hoa tiêu điều động tàu thả neo                                     | 30        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng              | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                  |           |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                      | 5         |
|          | Phương tiện thủy manơ rời tàu                                      | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu về bến canô                          | 12        |
|          | Phương tiện thủy manơ cập cầu                                      | 10        |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu về Trụ sở Công ty                      | 5         |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>        | 10        |

| TT       | Các bước công việc                                                   | Thời gian |
|----------|----------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch từ Trụ sở Công ty</b>                      | 20        |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                     |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty ra bến ca nô           | 5         |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                        | 5         |
|          | Phương tiện thủy manơ rời cầu                                        | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu ca nô ra P/S Hòn Cam                   | 111       |
|          | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                               | 10        |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                                   |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu, trao đổi với thuyền trưởng                         | 10        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo                                       | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ P/S Hòn Cam đến cầu xi măng Cẩm Phả              | 390       |
|          | Hoa tiêu điều động tàu cập cầu (hoặc rời cầu)                        | 60        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất công việc, bàn giao với thuyền trưởng              | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                    |           |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                        | 5         |
|          | Phương tiện thủy manơ rời tàu được dẫn                               | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa hoa tiêu từ cầu xi măng Cẩm Phả về cầu Vũng Đục | 12        |
|          | Phương tiện thủy manơ cập cầu Vũng Đục                               | 10        |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu Vũng Đục về Trụ sở Công ty               | 90        |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>          | 10        |
|          | (Nếu tàu rời cầu thì ngược lại)                                      |           |

T64\*

| TT       | Các bước công việc                                                                    | Thời gian |
|----------|---------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch từ Trụ sở Công ty</b>                                       | <b>20</b> |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                                      |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến bến canô (Cửa Ông)                  | 120       |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                                         | 5         |
|          | Phương tiện thủy manơ rời bến đỗ                                                      | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu ca nô Cửa Ông ra P/S Hòn Cam                            | 165       |
|          | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                                                | 10        |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                                                    |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu và trao đổi với thuyền trưởng                                        | 10        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo                                                        | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ P/S Hòn Cam về Cầu cảng xi măng                                   | 390       |
|          | Hoa tiêu điều động tàu cập cầu                                                        | 60        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất công việc, bàn giao với thuyền trưởng                               | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                                     |           |
|          | Phương tiện thủy manơ cập cầu đón hoa tiêu                                            | 10        |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                                         | 10        |
|          | Phương tiện thủy manơ rời cầu                                                         | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa hoa tiêu từ cầu xi măng Cẩm Phả về bến đỗ ca nô hoa tiêu Cửa Ông | 45        |
|          | Phương tiện thủy cập bến đỗ                                                           | 15        |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu ca nô về Trụ sở Công ty                                   | 120       |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>                           | <b>10</b> |
|          | (Nếu tàu rời cầu thì ngược lại)                                                       |           |

*T\* là các tuyến dẫn tàu có Bến xuất phát đưa, đón hoa tiêu khác nhau*

| TT | Các bước công việc                                                   | Thời gian |
|----|----------------------------------------------------------------------|-----------|
| 1  | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch từ Trụ sở Công ty</b>                      | 20        |
| 2  | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                     |           |
|    | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty ra bến ca nô           | 5         |
|    | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                        | 5         |
|    | Phương tiện thủy manơ rời cầu                                        | 10        |
|    | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu ca nô ra P/S Hòn Cam                   | 111       |
|    | Phương tiện thủy manơ cập tàu cần dẫn                                | 10        |
|    | Phương tiện thủy manơ rời tàu cần dẫn                                | 10        |
|    | Phương tiện thủy từ P/S Hòn Cam về cầu Hòn Gai                       | 111       |
|    | Phương tiện thủy manơ cập cầu Hòn Gai                                | 10        |
| 3  | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                                   |           |
|    | Hoa tiêu lên tàu, trao đổi với thuyền trưởng                         | 10        |
|    | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo                                       | 30        |
|    | Hoa tiêu dẫn tàu từ P/S Hòn Cam về khu chuyển tải Abei-Hòn Nét       | 300       |
|    | Hoa tiêu điều động tàu thả neo                                       | 3060      |
|    | Hoa tiêu hoàn tất công việc, bàn giao với thuyền trưởng và rời tàu   | 10        |
| 4  | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                    |           |
|    | Phương tiện thủy manơ rời cầu bến Vũng Đục                           | 10        |
|    | Phương tiện thủy từ bến Vũng Đục ra khu chuyển tải Abei đón hoa tiêu | 60        |
|    | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                        | 5         |
|    | Phương tiện thủy manơ rời tàu cần dẫn                                | 10        |
|    | Phương tiện thủy đưa hoa tiêu từ khu chuyển tải Abei về bến Vũng Đục | 60        |
|    | Phương tiện thủy manơ cập cầu bến Vũng Đục                           | 10        |
|    | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu Vũng Đục về Trụ sở Công ty               | 90        |
| 5  | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>          | 10        |
|    | (Nếu tàu rời cầu thì ngược lại)                                      |           |

T65\*

| TT       | Các bước công việc                                                                 | Thời gian |
|----------|------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch từ Trụ sở Công ty</b>                                    | <b>20</b> |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                                   |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến bến canô (Trạm Cửa Ông)          | 120       |
|          | Hoa tiêu xuống phương tiện thủy                                                    | 5         |
|          | Phương tiện thủy manơ rời bến đỗ                                                   | 10        |
|          | PTT đưa Hoa tiêu ca nô Cửa Ông ra P/S Hòn Cam                                      | 165       |
|          | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                                             | 10        |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                                                 |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu và trao đổi với thuyền trưởng                                     | 10        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo                                                     | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ P/S Hòn Cam về vùng neo ABei                                   | 260       |
|          | Hoa tiêu điều động tàu thả neo                                                     | 60        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục bàn giao với thuyền trưởng                               | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                                  |           |
|          | Phương tiện thủy manơ cập tàu đón hoa tiêu                                         | 10        |
|          | Hoa tiêu xuống phương tiện thủy                                                    | 10        |
|          | Phương tiện thủy manơ rời tàu                                                      | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa hoa tiêu từ vùng neo ABei về bến đỗ của trạm hoa tiêu Cẩm Phả | 75        |
|          | Phương tiện thủy manơ cập bến đỗ                                                   | 10        |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ bến đỗ ca nô Cửa Ông về Trụ sở Công ty              | 120       |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>                        | <b>10</b> |
|          | (Nếu tàu chạy từ ABei – P/S thì ngược lại)                                         |           |

*T\* là các tuyến dẫn tàu có Bến xuất phát đưa, đón hoa tiêu khác nhau*

| <b>TT</b> | <b>Các bước công việc</b>                                        | <b>Thời gian</b> |
|-----------|------------------------------------------------------------------|------------------|
| <b>1</b>  | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch từ Trụ sở Công ty</b>                  | 20               |
| <b>2</b>  | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                 |                  |
|           | Phương tiện bộ đón Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến cầu Mũi Ngọc   | 360              |
|           | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                    | 5                |
|           | Phương tiện thủy manơ rời cầu                                    | 10               |
|           | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ cầu Mũi Ngọc ra P/S Vạn Gia     | 86               |
|           | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                           | 10               |
| <b>3</b>  | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                               |                  |
|           | Hoa tiêu lên tàu, trao đổi với thuyền trưởng                     | 10               |
|           | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo                                   | 30               |
|           | Hoa tiêu dẫn tàu từ P/S Vạn Gia vào cảng Vạn Gia                 | 90               |
|           | Hoa tiêu điều động tàu thả neo                                   | 30               |
|           | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng và rời tàu | 10               |
| <b>4</b>  | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                |                  |
|           | Phương tiện thủy manơ cập tàu đón hoa tiêu                       | 10               |
|           | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                    | 5                |
|           | Phương tiện thủy manơ rời tàu                                    | 10               |
|           | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ cảng Vạn Gia về cầu Mũi Ngọc    | 30               |
|           | Phương tiện thủy manơ cập cầu Mũi Ngọc                           | 10               |
|           | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ cầu Mũi Ngọc về Trụ sở Công ty    | 360              |
| <b>5</b>  | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>      | <b>10</b>        |
|           | (Nếu tàu rời cầu thì ngược lại)                                  |                  |

T66a

| TT       | Các bước công việc                                               | Thời gian |
|----------|------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch từ Trụ sở Công ty</b>                  | 20        |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                 |           |
|          | Phương tiện bộ đón Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến cầu Mũi Ngọc   | 360       |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                    | 5         |
|          | Phương tiện thủy manơ rời cầu                                    | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ cầu Mũi Ngọc ra Cảng Vạn Gia    | 30        |
|          | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                           | 10        |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                               |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu, trao đổi với thuyền trưởng                     | 10        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo                                   | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ cảng Vạn Gia về cảng khách Hòn Gai           | 630       |
|          | Hoa tiêu điều động tàu cập cầu cảng khách Hòn Gai                | 60        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng và rời tàu | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                |           |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ vùng neo Hòn Gai về cầu Hòn Gai | 30        |
|          | Phương tiện thủy manơ cập cầu Hòn Gai                            | 10        |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ cầu Hòn Gai về Trụ sở Công ty     | 5         |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>      | 10        |
|          | (Nếu tàu rời cầu thì ngược lại)                                  |           |

T66b

| TT       | Các bước công việc                                                | Thời gian |
|----------|-------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch từ Trụ sở Công ty</b>                   | 20        |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                  |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty ra bến canô Hòn Gai | 5         |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                     | 5         |
|          | Phương tiện thủy manơ rời cầu                                     | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu Hòn Gai ra P/S Hòn Cam              | 111       |
|          | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                            | 10        |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                                |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu trao đổi với thuyền trưởng                       | 10        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo                                    | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ P/S Hòn Cam vào cảng dầu PV.Oil               | 375       |
|          | Hoa tiêu điều động tàu cập cầu (hoặc rời cầu)                     | 60        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng             | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                 |           |
|          | Phương tiện thủy manơ cập tàu đón hoa tiêu                        | 10        |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                     | 5         |
|          | Phương tiện thủy manơ rời cầu                                     | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu về bến ca nô                        | 30        |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu cảng về Trụ sở Công ty                | 5         |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>       | <b>10</b> |
|          | (Nếu tàu rời cầu thì ngược lại)                                   |           |

T67

| TT       | Các bước công việc                                                   | Thời gian |
|----------|----------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty</b>                     | <b>20</b> |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                     |           |
|          | Hoa tiêu đi bộ đến cầu 6 cảng Sông Hàn                               | 10        |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy tại cầu 6 cảng Sông Hàn                | 5         |
|          | Phương tiện thủy manơ rời cầu                                        | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ cầu 6 cảng Sông Hàn ra P/S Đà Nẵng  | 62        |
|          | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                               | 10        |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                                   |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu trao đổi với thuyền trưởng                          | 10        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo                                       | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ P/S Đà Nẵng vào cập cảng Tiên Sa                 | 75        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu cập cầu (hoặc rời cầu)                        | 60        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng                | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                    |           |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                        | 5         |
|          | Phương tiện thủy manơ rời cầu Tiên Sa                                | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ cảng Tiên Sa về cầu 6 cảng Sông Hàn | 18        |
|          | Phương tiện thủy manơ cập cầu cảng Sông Hàn                          | 10        |
|          | Hoa tiêu đi bộ về Trụ sở Công ty                                     | 10        |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>          | <b>10</b> |
|          | (Chiều ra từ cảng Tiên Sa đến P/S Đà Nẵng thì ngược lại)             |           |

| TT       | Các bước công việc                                                  | Thời gian |
|----------|---------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty</b>                    | <b>20</b> |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                    |           |
|          | Hoa tiêu đi bộ đến cầu 6 cảng Sông Hàn.                             | 10        |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                       | 5         |
|          | Phương tiện thủy manơ rời cầu                                       | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ cầu 6 cảng Sông Hàn ra P/S Đà Nẵng | 62        |
|          | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                              | 10        |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                                  |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu trao đổi với thuyền trưởng                         | 10        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo                                      | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ P/S Đà Nẵng (P/S Đà Nẵng) vào cập cảng X50      | 120       |
|          | Hoa tiêu điều động tàu cập cầu (hoặc rời cầu)                       | 60        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao cho thuyền trưởng               | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                   |           |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                       | 5         |
|          | Phương tiện thủy manơ rời cầu cảng X50                              | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ cảng X50 về cầu 6 cảng Sông Hàn    | 36        |
|          | Phương tiện thủy manơ cập cầu cảng Sông Hàn                         | 10        |
|          | Hoa tiêu đi bộ về Trụ sở Công ty                                    | 10        |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>         | <b>10</b> |
|          | (Chiều ra từ cảng X50 đến P/S Đà Nẵng thì ngược lại)                |           |

T69

| TT       | Các bước công việc                                                  | Thời gian |
|----------|---------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty</b>                    | <b>20</b> |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                    |           |
|          | Hoa tiêu đi bộ đến cầu 6 cảng Sông Hàn.                             | 10        |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                       | 5         |
|          | Phương tiện thủy manơ rời cầu                                       | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ cầu 6 cảng Sông Hàn ra P/S Đà Nẵng | 62        |
|          | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                              | 10        |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                                  |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu trao đổi với thuyền trưởng                         | 10        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo                                      | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ P/S Đà Nẵng (P/S Đà Nẵng) vào cập cảng Sông Hàn | 140       |
|          | Hoa tiêu điều động tàu cập cầu (hoặc rời cầu)                       | 60        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao cho thuyền trưởng               | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                   |           |
|          | Hoa tiêu đi bộ về Trụ sở Công ty                                    | 10        |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>         | <b>10</b> |

| <b>TT</b> | <b>Các bước công việc</b>                                               | <b>Thời gian</b> |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------|------------------|
| <b>1</b>  | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty</b>                        | <b>20</b>        |
| <b>2</b>  | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                        |                  |
|           | Hoa tiêu đi bộ đến cầu 6 cảng Sông Hàn.                                 | 10               |
|           | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                           | 5                |
|           | Phương tiện thủy manơ rời cầu                                           | 10               |
|           | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ cầu 6 cảng Sông Hàn ra P/S Đà Nẵng     | 62               |
|           | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                                  | 10               |
| <b>3</b>  | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                                      |                  |
|           | Hoa tiêu lên tàu trao đổi với thuyền trưởng                             | 10               |
|           | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo                                          | 30               |
|           | Hoa tiêu dẫn tàu từ P/S Đà Nẵng (P/S Đà Nẵng) vào cập cảng Liên Chiểu   | 75               |
|           | Hoa tiêu điều động tàu cập cầu, bến phao (hoặc rời cầu, bến phao)       | 60               |
|           | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao cho thuyền trưởng                   | 10               |
| <b>4</b>  | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                       |                  |
|           | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                           | 5                |
|           | Phương tiện thủy manơ rời cầu cảng Liên Chiểu                           | 10               |
|           | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ cảng Liên Chiểu về cầu 6 cảng Sông Hàn | 89               |
|           | Phương tiện thủy manơ cập cầu cảng Sông Hàn                             | 10               |
|           | Hoa tiêu đi bộ về lại Trụ sở Công ty                                    | 10               |
| <b>5</b>  | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>             | <b>10</b>        |

| <b>TT</b> | <b>Các bước công việc</b>                                           | <b>Thời gian</b> |
|-----------|---------------------------------------------------------------------|------------------|
| <b>1</b>  | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty</b>                    | <b>20</b>        |
| <b>2</b>  | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                    |                  |
|           | Hoa tiêu đi bộ đến cầu 6 cảng Sông Hàn.                             | 10               |
|           | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                       | 5                |
|           | Phương tiện thủy manơ rời cầu                                       | 10               |
|           | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ cầu 6 cảng Sông Hàn ra P/S Mỹ Khê  | 213              |
|           | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                              | 10               |
| <b>3</b>  | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                                  |                  |
|           | Hoa tiêu lên tàu trao đổi với thuyền trưởng                         | 10               |
|           | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo                                      | 30               |
|           | Hoa tiêu dẫn tàu từ P/S Mỹ Khê vào Phao Mỹ Khê                      | 60               |
|           | Hoa tiêu điều động tàu cập phao (hoặc rời phao)                     | 60               |
|           | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao cho thuyền trưởng               | 10               |
| <b>4</b>  | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                   |                  |
|           | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                       | 5                |
|           | Phương tiện thủy manơ rời phao Mỹ Khê                               | 10               |
|           | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ Phao Mỹ Khê về cầu 6 cảng Sông Hàn | 222              |
|           | Phương tiện thủy manơ cập cầu cảng Sông Hàn                         | 10               |
|           | Hoa tiêu về Trụ sở Công ty                                          | 10               |
| <b>5</b>  | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>         | <b>10</b>        |
|           | (Chiều ra từ cảng Mỹ Khê đến P/S Mỹ Khê thì ngược lại)              |                  |

| TT       | Các bước công việc                                              | Thời gian |
|----------|-----------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty</b>                | <b>20</b> |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến cảng Chân Mây | 120       |
|          | Hoa tiêu lên Phương tiện thủy tại Chân Mây                      | 5         |
|          | Phương tiện thủy làm manơ rời cảng Chân Mây                     | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ cảng Chân Mây ra P/S Chân Mây  | 44        |
|          | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                          | 10        |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                              |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu trao đổi với thuyền trưởng                     | 10        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo                                  | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ Phao “0” (P/S Chân Mây) vào cảng Chân Mây   | 100       |
|          | Hoa tiêu điều động tàu cập cầu (hoặc rời cầu).                  | 60        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao cho thuyền trưởng.          | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>               |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ cảng Chân Mây về Trụ sở Công ty  | 120       |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>     | <b>10</b> |
|          | (Chiều ra từ cảng Chân Mây đến P/S Đà Nẵng thì ngược lại)       |           |

T74

| TT       | Các bước công việc                                           | Thời gian |
|----------|--------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty.</b>            | <b>20</b> |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>             |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến cảng Kỳ Hà | 153       |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                | 5         |
|          | Phương tiện thủy manơ rời cầu                                | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ cảng Kỳ Hà ra P/S Kỳ Hà     | 44        |
|          | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                       | 10        |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                           |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu trao đổi với thuyền trưởng                  | 10        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo                               | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ P/S Kỳ Hà vào cập cảng Kỳ Hà             | 100       |
|          | Hoa tiêu điều động tàu cập cầu (hoặc rời cầu)                | 60        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao cho thuyền trưởng        | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>            |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu về Trụ sở Công ty                | 153       |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>  | <b>10</b> |
|          | (Chiều ra từ cảng Kỳ Hà đến P/S Kỳ Hà thì ngược lại)         |           |

| TT       | Các bước công việc                                                        | Thời gian |
|----------|---------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty</b>                          | <b>20</b> |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                          |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến Trạm                    | 184       |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trạm đến cảng tổng hợp Dung Quất           | 10        |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                             | 5         |
|          | Phương tiện thủy làm manơ rời cầu                                         | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ cảng tổng hợp Dung Quất ra P/S Dung Quất | 44        |
|          | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                                    | 10        |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                                        |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu trao đổi với thuyền trưởng                               | 10        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo                                            | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ P/S Dung Quất vào cập cảng tổng hợp Dung Quất         | 100       |
|          | Hoa tiêu điều động tàu ma nơ cập cầu (hoặc rời cầu)                       | 60        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao cho thuyền trưởng                     | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                         |           |
|          | Phương tiện đưa Hoa tiêu về Trạm                                          | 10        |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trạm về Trụ sở Công ty                     | 184       |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>               | <b>10</b> |

| TT       | Các bước công việc                                                                                                                            | Thời gian |
|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty</b>                                                                                              | <b>20</b> |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                                                                                              |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến cảng tổng hợp Dung Quất                                                                     | 184       |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                                                                                                 | 5         |
|          | Phương tiện thủy manơ rời cầu                                                                                                                 | 10        |
|          | PTT đưa Hoa tiêu từ cảng tổng hợp Dung Quất ra P/S Dung Quất                                                                                  | 44        |
|          | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                                                                                                        | 10        |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                                                                                                            |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu trao đổi với thuyền trưởng                                                                                                   | 10        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo.                                                                                                               | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ P/S Dung Quất vào Phao SPM Việt Thanh, Dung Quất                                                                          | 200       |
|          | Hoa tiêu điều động tàu cập phao (hoặc rời phao).                                                                                              | 60        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao cho thuyền trưởng.                                                                                        | 10        |
|          | Hoa tiêu ở lại thường trực làm việc tại tàu trong thời gian bơm dầu thô cho Nhà máy lọc dầu Dung Quất theo yêu cầu của PVT                    | 2,880     |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                                                                                             |           |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                                                                                                 | 5         |
|          | Phương tiện thủy manơ rời phao SPM                                                                                                            | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ Phao SPM Việt Thanh, Dung Quất về cảng tổng hợp Dung Quất                                                    | 133       |
|          | Phương tiện thủy manơ cập cầu cảng Dung Quất                                                                                                  | 10        |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu về Trụ sở Công ty                                                                                                 | 184       |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>                                                                                   | <b>10</b> |
|          | (Chiều ra từ Phao SPM đến P/S Dung Quất thì tính ngược lại nhưng không tính thời gian hoa tiêu ở lại thường trực làm việc tại tàu 2.880 phút) |           |

T77

| TT       | Các bước công việc                                              | Thời gian |
|----------|-----------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty.</b>               | <b>20</b> |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến Cảng Sa Kỳ    | 240       |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                   | 5         |
|          | Phương tiện thủy manơ rời cầu                                   | 10        |
|          | Phương tiện thủy (thuê) đưa Hoa tiêu từ cảng Sa Kỳ ra P/S Sa Kỳ | 27        |
|          | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                          | 10        |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                              |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu trao đổi với thuyền trưởng                     | 10        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo.                                 | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ P/S Sa Kỳ vào cập cảng Sa Kỳ                | 60        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu cập cầu (hoặc rời cầu).                  | 60        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao cho thuyền trưởng.          | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>               |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Cảng về Trụ sở Công ty           | 240       |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>     | <b>10</b> |

T78

| TT       | Các bước công việc                                                        | Thời gian |
|----------|---------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty.</b>                         | <b>20</b> |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                          |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến Trạm hoa tiêu Dung Quất | 240       |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy (thuê) tại Cửa Lở, Sông Vệ                  | 5         |
|          | Phương tiện thủy manơ rời cầu                                             | 10        |
|          | Phương tiện thủy (thuê) đưa Hoa tiêu từ Cửa Lở, Sông Vệ ra P/S Cửa Lở     | 27        |
|          | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                                    | 10        |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                                        |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu, trao đổi với thuyền trưởng                              | 10        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo.                                           | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ P/S Đà Nẵng vào khu chuyển tải Cửa Lở, Sông Vệ        | 60        |
|          | Hoa tiêu điều động thả neo                                                | 30        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao cho thuyền trưởng.                    | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                         |           |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy tại khu chuyển tải Cửa Lở, Sông Vệ          | 5         |
|          | Phương tiện thủy manơ rời tàu                                             | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ khu chuyển tải về Cửa Lở, Sông Vệ        | 27        |
|          | Phương tiện thủy manơ cập cầu Cửa Lở, Sông Vệ                             | 10        |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu về Trụ sở Công ty                             | 240       |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>               | <b>10</b> |

T79a

| TT | Các bước công việc                                                                                     | Thời gian |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 1  | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở của Trụ sở Công ty</b>                                            | <b>20</b> |
| 2  | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                                                       |           |
|    | Hoa tiêu đi bộ hoặc Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến vị trí phương tiện thủy neo đậu  | S/V       |
|    | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                                                          | 5         |
|    | Phương tiện thủy manơ rời cầu                                                                          | 10        |
|    | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu ra vị trí tàu được dẫn neo đậu                                           | S/V       |
|    | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                                                                 | 10        |
| 3  | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                                                                     |           |
|    | Hoa tiêu lên tàu, trao đổi với thuyền trưởng                                                           | 10        |
|    | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo                                                                         | 30        |
|    | Hoa tiêu dẫn tàu từ vị trí neo đậu vào cảng, phao hoặc khu chuyển tải                                  | 100       |
|    | Hoa tiêu điều động thả neo                                                                             | 30        |
|    | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao cho thuyền trưởng                                                  | 10        |
| 4  | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở</b>                                                              |           |
|    | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                                                          | 5         |
|    | Phương tiện thủy manơ rời cầu                                                                          | 10        |
|    | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ cảng, bến phao hoặc khu chuyển tải về vị trí phương tiện thủy neo đậu | S/V       |
|    | Phương tiện thủy manơ cập cầu hoặc vị trí neo đậu                                                      | 10        |
|    | Phương tiện đưa Hoa tiêu về Trụ sở Công ty                                                             | S/V       |
| 5  | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>                                            | <b>10</b> |

T79b

| TT | Các bước công việc                                                                     | Thời gian |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 1  | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty.</b>                                      | 20        |
| 2  | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                                       |           |
|    | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến cảng tàu được dẫn neo đậu            | S/V       |
| 3  | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                                                     |           |
|    | Hoa tiêu lên tàu, trao đổi với thuyền trưởng                                           | 10        |
|    | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo                                                         | 30        |
|    | Hoa tiêu dẫn tàu di chuyển từ cảng tàu được dẫn neo đậu vào cảng trong cùng 1 cụm cảng | 100       |
|    | Hoa tiêu điều động thả neo                                                             | 30        |
|    | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao cho thuyền trưởng                                  | 10        |
| 4  | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về tại Trụ sở Công ty</b>                                  |           |
|    | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu về Trụ sở Công ty                                          | S/V       |
| 5  | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>                            | 10        |

T80

| TT | Các bước công việc                                                        | Thời gian |
|----|---------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 1  | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty</b>                          | <b>20</b> |
| 2  | <b>Phương tiện đưa hoa tiêu ra tàu được dẫn</b>                           |           |
|    | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trạm hoa tiêu ra đến bến đò Nghi Sơn       | 30        |
|    | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                             | 10        |
|    | Phương tiện thủy manơ rời vị trí                                          | 10        |
|    | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu đò Nghi Sơn ra tàu được dẫn                 | 56        |
|    | Phương tiện thủy manơ cập mạn tàu được dẫn                                | 10        |
| 3  | <b>Quy trình hoa tiêu dẫn tàu</b>                                         |           |
|    | Hoa tiêu lên tàu được dẫn, trao đổi với thuyền trưởng                     | 10        |
|    | Hoa tiêu manơ tàu được dẫn kéo neo                                        | 30        |
|    | Hoa tiêu dẫn tàu từ vị trí đón trả hoa tiêu vào cảng                      | 60        |
|    | Hoa tiêu manơ tàu cập cầu                                                 | 60        |
|    | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng và rời tàu được dẫn | 10        |
| 4  | <b>Phương tiện đón hoa tiêu về Trạm hoa tiêu Thanh Hóa</b>                |           |
|    | Đò biển đón hoa tiêu từ tàu được dẫn về bến Nghi Sơn                      | 30        |
|    | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu về Trạm                                       | 30        |
| 5  | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>               | <b>10</b> |
|    | (Chiều ra tương tự nhưng theo quy trình ngược lại)                        |           |

T81

| TT       | Các bước công việc                                                        | Thời gian |
|----------|---------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty</b>                          | <b>20</b> |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa hoa tiêu ra tàu được dẫn</b>                           |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trạm đến cảng Tổng hợp Nghi Sơn            | 30        |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                             | 10        |
|          | Phương tiện thủy manơ rời cảng                                            | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa hoa tiêu ra tàu được dẫn                             | 56        |
|          | Phương tiện thủy manơ cập mạn tàu được dẫn                                | 10        |
| <b>3</b> | <b>Quy trình hoa tiêu dẫn tàu</b>                                         |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu được dẫn, trao đổi với thuyền trưởng                     | 10        |
|          | Hoa tiêu manơ tàu được dẫn kéo neo                                        | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ vị trí đón trả hoa tiêu vào cảng                      | 60        |
|          | Hoa tiêu manơ tàu cập cầu                                                 | 60        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng và rời tàu được dẫn | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón hoa tiêu về Trạm hoa tiêu Thanh Hóa</b>                |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu về Trạm                                       | 30        |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>               | <b>10</b> |
|          | (Chiều ra tương tự nhưng theo quy trình ngược lại)                        |           |

| TT       | Các bước công việc                                            | Thời gian |
|----------|---------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty</b>              | <b>20</b> |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu ra tàu được dẫn</b>               |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến cảng Cửa Lò | 60        |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                 | 10        |
|          | Phương tiện thủy manơ rời cảng                                | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa hoa tiêu ra tàu được dẫn                 | 56        |
|          | Phương tiện thủy manơ cập mạn tàu được dẫn                    | 10        |
| <b>3</b> | <b>Quy trình hoa tiêu dẫn tàu</b>                             |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu được dẫn, trao đổi với thuyền trưởng         | 10        |
|          | Hoa tiêu manơ tàu được dẫn kéo neo                            | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ vị trí đón trả hoa tiêu vào cảng          | 60        |
|          | Hoa tiêu manơ tàu cập cầu                                     | 60        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng         | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>             |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu về Trụ sở Công ty                 | 60        |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>   | <b>10</b> |
|          | (Chiều ra tương tự nhưng theo quy trình ngược lại)            |           |

T83

| TT       | Các bước công việc                                                        | Thời gian |
|----------|---------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty</b>                          | <b>20</b> |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu ra tàu được dẫn</b>                           |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến cảng Vũng Áng           | 180       |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                             | 10        |
|          | Phương tiện thủy manơ rời cảng                                            | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa hoa tiêu ra tàu được dẫn                             | 47        |
|          | Phương tiện thủy manơ cập mạn tàu được dẫn                                | 10        |
| <b>3</b> | <b>Quy trình hoa tiêu dẫn tàu</b>                                         |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu được dẫn, trao đổi với thuyền trưởng                     | 10        |
|          | Hoa tiêu manơ tàu được dẫn kéo neo                                        | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ vị trí đón trả hoa tiêu vào cảng                      | 60        |
|          | Hoa tiêu manơ tàu cập cầu                                                 | 60        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng và rời tàu được dẫn | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                         |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu về Trụ sở Công ty                             | 180       |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>               | <b>10</b> |
|          | (Chiều ra tương tự nhưng theo quy trình ngược lại)                        |           |

| TT       | Các bước công việc                                            | Thời gian |
|----------|---------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty</b>              | <b>20</b> |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu ra tàu được dẫn</b>               |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến cảng Hòn La | 240       |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                 | 10        |
|          | Phương tiện thủy manơ rời cảng                                | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa hoa tiêu ra tàu được dẫn                 | 38        |
|          | Phương tiện thủy manơ cập mạn tàu được dẫn                    | 10        |
| <b>3</b> | <b>Quy trình hoa tiêu dẫn tàu</b>                             |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu được dẫn, trao đổi với thuyền trưởng         | 10        |
|          | Hoa tiêu manơ tàu được dẫn kéo neo                            | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ vị trí đón trả hoa tiêu vào cảng          | 60        |
|          | Hoa tiêu manơ tàu cập cầu                                     | 60        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng         | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>             |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu về Trụ sở Công ty                 | 240       |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>   | <b>10</b> |
|          | (Chiều ra tương tự nhưng theo quy trình ngược lại)            |           |

T84a

| TT       | Các bước công việc                                             | Thời gian |
|----------|----------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty</b>               | <b>20</b> |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu ra tàu được dẫn</b>                |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trạm đến cảng Tổng hợp Nghi Sơn | 30        |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                  | 10        |
|          | Phương tiện thủy manơ rời cảng                                 | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa hoa tiêu ra tàu được dẫn                  | 56        |
|          | Phương tiện thủy manơ cập mạn tàu được dẫn                     | 10        |
| <b>3</b> | <b>Quy trình hoa tiêu dẫn tàu</b>                              |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu được dẫn, trao đổi với thuyền trưởng          | 10        |
|          | Hoa tiêu manơ tàu được dẫn kéo neo                             | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ P/S Nghi Sơn vào cảng                      | 70        |
|          | Hoa tiêu manơ tàu cập cầu                                      | 60        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng          | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón hoa tiêu về Trạm hoa tiêu Thanh Hóa</b>     |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu về Trạm hoa tiêu Thanh Hóa         | 30        |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>    | <b>10</b> |

T84b

| TT       | Các bước công việc                                               | Thời gian |
|----------|------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận lệnh tại Trụ sở Công ty</b>                     | <b>20</b> |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                 |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu di chuyển ra phương tiện thủy        | 180       |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                    | 10        |
|          | Phương tiện thủy manơ rời cầu                                    | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa hoa tiêu từ cầu ra tàu được dẫn             | 85        |
|          | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                           | 10        |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                               |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu, trao đổi với thuyền trưởng                     | 10        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo                                   | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ điểm đón trả hoa tiêu vào cầu cảng Sơn Dương | 80        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu cập cầu                                   | 60        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng            | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu về Trụ sở Công ty                    | 180       |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>      | <b>10</b> |

T84c

| TT       | Các bước công việc                                               | Thời gian |
|----------|------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận lệnh tại Trụ sở Công ty</b>                     | <b>20</b> |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                 |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu di chuyển ra phương tiện thủy        | 390       |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                    | 10        |
|          | Phương tiện thủy manơ rời cầu                                    | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa hoa tiêu từ cầu ra tàu được dẫn             | 38        |
|          | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                           | 10        |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                               |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu, trao đổi với thuyền trưởng                     | 10        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo                                   | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ điểm đón trả hoa tiêu vào cầu cảng Sơn Dương | 60        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu cập cầu                                   | 60        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng            | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu về Trụ sở Công ty                    | 390       |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>      | <b>10</b> |

| TT       | Các bước công việc                                                                    | Thời gian |
|----------|---------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch từ Trụ sở Công ty</b>                                       | <b>20</b> |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                                      |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến bến canô (Cửa Ông)                  | 120       |
|          | Hoa tiêu xuống phương tiện thủy                                                       | 5         |
|          | Phương tiện thủy manơ rời bến đỗ                                                      | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ bến ca nô Cửa Ông ra P/S Hòn Cam                     | 165       |
|          | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                                                | 10        |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                                                    |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu và trao đổi với thuyền trưởng                                        | 10        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo                                                        | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ P/S Hòn Cam về vùng neo Hòn Nét                                   | 260       |
|          | Hoa tiêu điều động tàu thả neo                                                        | 60        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục bàn giao với thuyền trưởng                                  | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                                     |           |
|          | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                                                | 10        |
|          | Hoa tiêu xuống phương tiện thủy                                                       | 10        |
|          | Phương tiện thủy manơ rời tàu                                                         | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa hoa tiêu từ vùng neo Hòn Nét về bến đỗ của Trạm hoa tiêu Cẩm Phả | 63        |
|          | Phương tiện thủy manơ cập bến đỗ                                                      | 10        |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu đỗ ca nô về Trụ sở Công ty                                | 120       |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>                           | <b>10</b> |
|          | (Nếu tàu chạy từ Hòn Nét – P/S thì ngược lại)                                         |           |

T86

| <b>TT</b> | <b>Các bước công việc</b>                                            | <b>Thời gian</b> |
|-----------|----------------------------------------------------------------------|------------------|
| <b>1</b>  | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch từ Trụ sở Công ty</b>                      | <b>20</b>        |
| <b>2</b>  | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                     |                  |
|           | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến bến canô (Cửa Ông) | 120              |
|           | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                        | 5                |
|           | Phương tiện thủy manơ rời cầu                                        | 10               |
|           | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ bến ca nô Cửa Ông ra P/S Hòn Cam    | 165              |
|           | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                               | 10               |
| <b>3</b>  | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                                   |                  |
|           | Hoa tiêu lên tàu và trao đổi với thuyền trưởng                       | 10               |
|           | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo                                       | 30               |
|           | Hoa tiêu dẫn tàu từ P/S về Cảng Cẩm Phả                              | 390              |
|           | Hoa tiêu điều động tàu cập cầu                                       | 60               |
|           | Hoa tiêu hoàn tất công việc, bàn giao với thuyền trưởng và rời tàu   | 10               |
| <b>4</b>  | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                    |                  |
|           | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ cảng Cẩm Phả về Trụ sở Công ty        | 120              |
| <b>5</b>  | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>          | <b>10</b>        |
|           | (Nếu tàu rời cầu thì ngược lại)                                      |                  |

| TT       | Các bước công việc                                                       | Thời gian |
|----------|--------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch từ Trụ sở Công ty</b>                          | <b>20</b> |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                         |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến bến canô Cửa Ông       | 120       |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                            | 5         |
|          | Phương tiện thủy manơ rời bến đỗ                                         | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ bến ca nô Cửa Ông ra P/S Hòn Cam        | 165       |
|          | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                                   | 10        |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                                       |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu và trao đổi với thuyền trưởng                           | 10        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo                                           | 30        |
|          | HT dẫn tàu từ P/S về khu neo Hòn Ót                                      | 390       |
|          | Hoa tiêu điều động tàu thả neo                                           | 60        |
|          | HT hoàn tất thủ tục bàn giao với thuyền trưởng                           | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                        |           |
|          | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                                   | 10        |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                            | 10        |
|          | Phương tiện thủy manơ rời tàu                                            | 15        |
|          | Phương tiện thủy đưa hoa tiêu từ vùng neo Hòn Ót vào bến đỗ canô Cửa Ông | 75        |
|          | Phương tiện thủy cập bến đỗ                                              | 15        |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu ca nô Cửa Ông về Trụ sở Công ty              | 120       |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>              | <b>10</b> |
|          | (Nếu tàu rời từ Hòn Ót – P/S thì ngược lại)                              |           |

T89

| TT | Các bước công việc                                                   | Thời gian |
|----|----------------------------------------------------------------------|-----------|
| 1  | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch từ Trụ sở Công ty</b>                      | 20        |
| 2  | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                     |           |
|    | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến bến canô (Cửa Ông) | 120       |
|    | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                        | 5         |
|    | Phương tiện thủy manơ rời cầu                                        | 10        |
|    | Phương tiện đưa Hoa tiêu từ bến ca nô Cửa Ông ra vùng neo Hòn Nét    | 63        |
|    | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                               | 10        |
| 3  | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                                   |           |
|    | Hoa tiêu lên tàu và trao đổi với thuyền trưởng                       | 10        |
|    | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo                                       | 30        |
|    | Hoa tiêu dẫn tàu từ vùng neo Hòn Nét- về cầu cảng Cẩm Phả            | 140       |
|    | Hoa tiêu điều động tàu cập cầu                                       | 60        |
|    | Hoa tiêu hoàn tất công việc, bàn giao với thuyền trưởng rời tàu      | 10        |
| 4  | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                    |           |
|    | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ cầu cảng Cẩm Phả về Trụ sở Công ty    | 120       |
| 5  | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>          | 10        |
|    | (Nếu tàu rời cầu - Hòn Nét thì ngược lại)                            |           |

| <b>TT</b> | <b>Các bước công việc</b>                                            | <b>Thời gian</b> |
|-----------|----------------------------------------------------------------------|------------------|
| <b>1</b>  | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch từ Trụ sở Công ty</b>                      | <b>20</b>        |
| <b>2</b>  | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                     |                  |
|           | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến bến canô (Cửa Ông) | 120              |
|           | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                        | 5                |
|           | Phương tiện thủy manơ rời bến đỗ                                     | 10               |
|           | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ bến ca nô Cửa Ông ra vùng neo Abei  | 45               |
|           | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                               | 10               |
| <b>3</b>  | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                                   |                  |
|           | Hoa tiêu lên tàu và trao đổi với thuyền trưởng                       | 10               |
|           | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo                                       | 30               |
|           | Hoa tiêu dẫn tàu từ vùng neo Abei - cập cầu cảng Cẩm Phả             | 90               |
|           | Hoa tiêu điều động tàu cập cầu                                       | 60               |
|           | Hoa tiêu hoàn tất công việc, bàn giao với thuyền trưởng, rời tàu     | 10               |
| <b>4</b>  | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                    |                  |
|           | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ cảng Cẩm Phả về Trụ sở Công ty        | 120              |
| <b>5</b>  | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>          | <b>10</b>        |
|           | (Nếu tàu rời cầu - Abei thì ngược lại)                               |                  |

T91

| TT       | Các bước công việc                                                     | Thời gian |
|----------|------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch từ Trụ sở Công ty</b>                        | <b>20</b> |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                       |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến bến canô (Cửa Ông)   | 120       |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                          | 5         |
|          | Phương tiện thủy manơ rời cầu                                          | 10        |
|          | Phương tiện thủy đón Hoa tiêu từ bến ca nô Cửa Ông ra vùng neo Hòn Ót  | 75        |
|          | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                                 | 10        |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                                     |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu và trao đổi với thuyền trưởng                         | 10        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo                                         | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ vùng neo Hòn Ót - về cầu cảng Xi măng Cẩm Phả      | 80        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu cập cầu                                         | 60        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất công việc, bàn giao với thuyền trưởng rời tàu        | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                      |           |
|          | Phương tiện thủy manơ cập mạn tàu đón hoa tiêu                         | 10        |
|          | Hoa tiêu xuống phương tiện thủy                                        | 10        |
|          | Phương tiện thủy manơ rời tàu                                          | 15        |
|          | Phương tiện thủy đưa hoa tiêu từ cầu Cảng Xi măng về bến ca nô Cửa Ông | 45        |
|          | Phương tiện thủy cập bến ca nô                                         | 15        |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu về Trụ sở Công ty                          | 120       |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>            | <b>10</b> |
|          | (Nếu tàu rời cầu Xi măng - Hòn Ót thì ngược lại)                       |           |

T92

| TT       | Các bước công việc                                                       | Thời gian |
|----------|--------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty</b>                         | <b>20</b> |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                         |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến Trạm hoa tiêu Vũng Tàu | 180       |
|          | Hoa tiêu di chuyển từ Trạm hoa tiêu Vũng Tàu đến bến ca nô               | 20        |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                            | 5         |
|          | Phương tiện thủy manơ rời bến đỗ                                         | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn                           | 44        |
|          | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                                   | 10        |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                                       |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu được dẫn trao đổi với thuyền trưởng                     | 10        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo                                           | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ Vũng Tàu vào cầu cảng Cát Lái                        | 420       |
|          | Hoa tiêu điều động tàu cập cầu cảng Cát Lái                              | 90        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng                    | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                        |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ cầu cảng Cát Lái về Tân cảng              | 60        |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>              | <b>10</b> |

| TT       | Các bước công việc                                                                  | Thời gian |
|----------|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty</b>                                    | <b>20</b> |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                                    |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến Trạm hoa tiêu Vũng Tàu            | 180       |
|          | Hoa tiêu di chuyển từ Trạm hoa tiêu Vũng Tàu đến bến ca nô                          | 20        |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                                       | 5         |
|          | Phương tiện thủy manơ rời bến đỗ                                                    | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn                                      | 44        |
|          | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                                              | 10        |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                                                  |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu được dẫn trao đổi với thuyền trưởng                                | 10        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo                                                      | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ Vũng Tàu vào cảng Cái Mép                                       | 200       |
|          | Hoa tiêu điều động tàu cập cầu cảng Cái Mép                                         | 90        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng                               | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                                   |           |
|          | Phương tiện đưa Hoa tiêu về Trạm hoa tiêu Vũng Tàu                                  | 60        |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trạm hoa tiêu Vũng Tàu về Trụ sở Công ty tại Sài Gòn | 180       |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>                         | <b>10</b> |

| TT | Các bước công việc                                                                    | Thời gian |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 1  | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty</b>                                      | 20        |
| 2  | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                                      |           |
|    | Phương tiện bộ đưa hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến Cảng Cái Mép tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu | 120       |
| 3  | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                                                    |           |
|    | Hoa tiêu lên tàu được dẫn trao đổi với thuyền trưởng                                  | 10        |
|    | Hoa tiêu điều động tàu rời cảng Cái Mép                                               | 90        |
|    | Hoa tiêu dẫn tàu từ cảng Cái Mép về cảng Cát Lái                                      | 500       |
|    | Hoa tiêu điều động tàu cập cầu cảng Cát Lái                                           | 90        |
|    | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng                                 | 10        |
| 4  | <b>Phương tiện đón hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                                     |           |
|    | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ cầu cảng Cát Lái về Tân Cảng                           | 60        |
| 5  | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>                           | 10        |

T95

| TT | Các bước công việc                                             | Thời gian |
|----|----------------------------------------------------------------|-----------|
| 1  | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty</b>               | 20        |
| 2  | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>               |           |
|    | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến Cảng Cát Lái | 60        |
| 3  | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                             |           |
|    | Hoa tiêu lên tàu trao đổi với thuyền trưởng                    | 10        |
|    | Hoa tiêu điều động tàu rời cầu                                 | 60        |
|    | Hoa tiêu dẫn tàu di dời                                        | 60        |
|    | Hoa tiêu điều động tàu cập cầu                                 | 60        |
|    | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng          | 10        |
| 4  | <b>Phương tiện đón hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>              |           |
|    | Phương tiện bộ đưa hoa tiêu từ cầu, bến cảng về Trụ sở Công ty | 60        |
| 5  | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>    | 10        |

| TT | Các bước công việc                                             | Thời gian |
|----|----------------------------------------------------------------|-----------|
| 1  | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty</b>               | <b>20</b> |
| 2  | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>               |           |
|    | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến cảng Cái Mép | 120       |
| 3  | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                             |           |
|    | Hoa tiêu lên tàu được dẫn, trao đổi với thuyền trưởng          | 10        |
|    | Hoa tiêu điều động tàu rời cầu                                 | 90        |
|    | Hoa tiêu dẫn tàu đi dời                                        | 60        |
|    | Hoa tiêu điều động tàu cập cầu                                 | 60        |
|    | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng          | 10        |
| 4  | <b>Phương tiện đón hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>              |           |
|    | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ cầu, bến cảng về Trụ sở Công ty | 120       |
| 5  | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>    | <b>10</b> |

T96a

| TT       | Các bước công việc                                                                   | Thời gian |
|----------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty</b>                                     | <b>20</b> |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                                     |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến Trạm hoa tiêu Vũng Tàu             | 180       |
|          | Hoa tiêu di chuyển từ Trạm hoa tiêu Vũng Tàu đến bến ca nô                           | 20        |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                                        | 5         |
|          | Phương tiện thủy manơ rời bến đỗ                                                     | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn                                       | 44        |
|          | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                                               | 10        |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                                                   |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu được dẫn trao đổi với thuyền trưởng                                 | 10        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo                                                       | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ Vũng Tàu vào cảng Cái Mép                                        | 180       |
|          | Hoa tiêu điều động tàu cập cầu cảng Cái Mép                                          | 60        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng                                | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                                    |           |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu về Trạm hoa tiêu Vũng Tàu                              | 60        |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trạm hoa tiêu Vũng Tàu về Trụ sở Công ty tại Sài Gòn. | 180       |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>                          | <b>10</b> |

T96b

| TT | Các bước công việc                                                                    | Thời gian |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 1  | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty</b>                                      | 20        |
| 2  | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                                      |           |
|    | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến Cảng Cái Mép tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu | 120       |
| 3  | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                                                    |           |
|    | Hoa tiêu lên tàu được dẫn trao đổi với thuyền trưởng                                  | 10        |
|    | Hoa tiêu điều động tàu tàu được dẫn rời cảng Cái Mép                                  | 90        |
|    | Hoa tiêu dẫn tàu từ cảng Cái Mép vào cảng Cái Lái                                     | 480       |
|    | Hoa tiêu điều động tàu tàu được dẫn cập cảng Cái Lái                                  | 60        |
|    | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng                                 | 10        |
| 4  | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                                     |           |
|    | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu về Trụ sở Công ty                                         | 60        |
| 5  | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>                           | 10        |

T96c

| TT | Các bước công việc                                                       | Thời gian |
|----|--------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 1  | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty Hoa tiêu</b>                | <b>20</b> |
| 2  | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                         |           |
|    | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến Trạm hoa tiêu Vũng Tàu | 180       |
|    | Hoa tiêu di chuyển từ Trạm hoa tiêu Vũng Tàu đến bến canô                | 20        |
|    | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                            | 5         |
|    | Phương tiện thủy manơ rời bến đỗ                                         | 10        |
|    | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn                           | 44        |
|    | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                                   | 10        |
| 3  | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                                       |           |
|    | Hoa tiêu lên tàu được dẫn, trao đổi kế hoạch với thuyền trưởng           | 10        |
|    | Hoa tiêu điều động tàu được dẫn kéo neo                                  | 30        |
|    | Hoa tiêu dẫn tàu từ Vũng Tàu vào cầu Cảng Cát Lái                        | 530       |
|    | Hoa tiêu điều động tàu cập cầu cảng Cát Lái                              | 60        |
|    | Hoa tiêu bàn giao công việc cho thuyền trưởng và rời tàu được dẫn        | 10        |
| 4  | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                        |           |
|    | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ cầu cảng Cát Lái về Trụ sở Công ty        | 60        |
| 5  | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>              | <b>10</b> |
|    | (Nếu tàu rời cầu từ Cát Lái ra Vũng Tàu thì ngược lại)                   |           |

T97

| TT       | Các bước công việc                                             | Thời gian |
|----------|----------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch từ Trụ sở Công ty</b>                | <b>20</b> |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>               |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến cảng Cần Thơ | 20        |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                             |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu được dẫn trao đổi với thuyền trưởng           | 10        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu rời cầu                                 | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ Cần Thơ đến cảng Cái Cui                   | 90        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu cập cầu ( hoặc rời cầu )                | 60        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao cho thuyền trưởng          | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>              |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu về Trụ sở Công ty                  | 30        |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>    | <b>10</b> |

T98

| <b>TT</b> | <b>Các bước công việc</b>                                            | <b>Thời gian</b> |
|-----------|----------------------------------------------------------------------|------------------|
| <b>1</b>  | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch từ Trụ sở Công ty</b>                      | <b>20</b>        |
| <b>2</b>  | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                     |                  |
|           | Hoa tiêu lên phương tiện thủy tại Trạm canô tại Trụ sở Công ty       | 15               |
|           | Phương tiện thủy manơ rời cầu                                        | 10               |
|           | Phương tiện thủy đưa hoa tiêu đến tàu được dẫn                       | 22               |
|           | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                               | 10               |
| <b>3</b>  | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                                   |                  |
|           | Hoa tiêu lên tàu được dẫn trao đổi với thuyền trưởng                 | 10               |
|           | Hoa tiêu điều động tàu dời bến đỗ                                    | 60               |
|           | Hoa tiêu điều động tàu cập cầu (hoặc rời cầu)                        | 60               |
|           | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao cho thuyền trưởng                | 10               |
| <b>4</b>  | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                    |                  |
|           | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                        | 10               |
|           | Phương tiện thủy manơ rời tàu                                        | 10               |
|           | Phương tiện thủy đón hoa tiêu từ tàu về Trạm cano tại Trụ sở Công ty | 30               |
|           | Phương tiện thủy manơ cập cầu                                        | 10               |
| <b>5</b>  | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>          | <b>10</b>        |

T98a

| <b>TT</b> | <b>Các bước công việc</b>                                      | <b>Thời gian</b> |
|-----------|----------------------------------------------------------------|------------------|
| <b>1</b>  | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch từ Trụ sở Công ty</b>                | <b>20</b>        |
| <b>2</b>  | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>               |                  |
|           | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến Trạm Định An | 285              |
|           | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                  | 15               |
|           | Phương tiện thủy manơ rời cầu                                  | 10               |
|           | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ Trạm Định An ra P/S Định An   | 185              |
|           | Phương tiện thủy ma nơ cập tàu được dẫn                        | 10               |
| <b>3</b>  | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                             |                  |
|           | Hoa tiêu lên tàu được dẫn trao đổi với thuyền trưởng           | 10               |
|           | Hoa tiêu điều động kéo neo                                     | 30               |
|           | Hoa tiêu dẫn tàu từ điểm đón trả hoa tiêu về cảng              | 1,590            |
|           | Hoa tiêu điều động tàu thả neo                                 | 30               |
|           | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao cho thuyền trưởng          | 10               |
| <b>4</b>  | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>              |                  |
|           | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                  | 10               |
|           | Phương tiện thủy manơ rời tàu                                  | 10               |
|           | Phương tiện thủy đón Hoa tiêu từ tàu vào cảng                  | 30               |
|           | Phương tiện thủy manơ cập cầu cảng                             | 10               |
|           | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ cảng về Trụ sở Công ty          | 285              |
| <b>5</b>  | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>    | <b>10</b>        |

T98b

| TT       | Các bước công việc                                             | Thời gian |
|----------|----------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch từ Trụ sở Công ty</b>                | <b>20</b> |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>               |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến Trạm Định An | 285       |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                  | 15        |
|          | Phương tiện thủy manơ rời cầu                                  | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa hoa tiêu từ Trạm Định An ra P/S Định An   | 185       |
|          | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                         | 10        |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                             |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu được dẫn trao đổi với thuyền trưởng           | 10        |
|          | Hoa tiêu điều động kéo neo                                     | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ điểm đón trả hoa tiêu về Trạm Định An      | 200       |
|          | Hoa tiêu điều động tàu thả neo (hoặc kéo neo)                  | 30        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao cho thuyền trưởng          | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>              |           |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                  | 10        |
|          | Phương tiện thủy manơ rời tàu                                  | 10        |
|          | Phương tiện thủy đón hoa tiêu từ tàu vào Trạm Định An          | 30        |
|          | Phương tiện thủy manơ cập cầu cảng                             | 10        |
|          | Phương tiện bộ đưa hoa tiêu từ Trạm Định An về Trụ sở Công ty  | 285       |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>    | <b>10</b> |

T98c

| TT       | Các bước công việc                                              | Thời gian |
|----------|-----------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch từ Trụ sở Công ty</b>                 | <b>20</b> |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến Rạch Giá      | 180       |
|          | Hoa tiêu lên tàu khách đi Phú Quốc                              | 20        |
|          | Tàu khách hành trình đi Phú Quốc                                | 180       |
|          | Hoa tiêu rời tàu khách lên phương tiện bộ                       | 20        |
|          | Phương tiện đưa Hoa tiêu tàu ra bến cảng Dương Đông             | 30        |
|          | Hoa tiêu xuống phương tiện thủy tại Dương Đông                  | 10        |
|          | Phương tiện thủy manơ rời cầu Dương Đông                        | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ cảng ra P/S Dương Đông         | 44        |
|          | Phương tiện thủy cập tàu được dẫn                               | 10        |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                              |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu được dẫn trao đổi với thuyền trưởng            | 10        |
|          | Hoa tiêu điều động kéo neo                                      | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ điểm đón trả Hoa tiêu về cảng               | 180       |
|          | Hoa tiêu điều động tàu cập cầu (hoặc rời cầu)                   | 60        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao cho thuyền trưởng           | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>               |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ cảng An Thới về bến tàu Phú Quốc | 30        |
|          | Hoa tiêu lên tàu khách đi Rạch giá                              | 20        |
|          | Tàu khách hành trình về Rạch Giá                                | 180       |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Rạch Giá về trụ sở               | 180       |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>     | <b>10</b> |

T98d

| TT       | Các bước công việc                                                 | Thời gian |
|----------|--------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch từ Trụ sở Công ty</b>                    | <b>20</b> |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                   |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến Rạch Giá         | 180       |
|          | Hoa tiêu lên tàu khách đi Phú Quốc                                 | 20        |
|          | Tàu khách hành trình đi Phú Quốc                                   | 180       |
|          | Hoa tiêu rời tàu khách lên phương tiện bộ                          | 20        |
|          | Phương tiện đưa Hoa tiêu tàu ra bến cảng Dương Đông                | 30        |
|          | Hoa tiêu xuống phương tiện thủy tại Dương Đông                     | 10        |
|          | Phương tiện thủy manơ rời cầu Dương Đông                           | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ cảng ra P/S Dương Đông            | 44        |
|          | Phương tiện thủy cập tàu được dẫn                                  | 10        |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                                 |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu được dẫn trao đổi với thuyền trưởng               | 10        |
|          | Hoa tiêu điều động kéo neo                                         | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ điểm đón trả Hoa tiêu về cảng                  | 60        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu cập cầu (hoặc rời cầu)                      | 60        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao cho thuyền trưởng              | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                  |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ cảng Dương Đông về bến tàu Phú Quốc | 30        |
|          | Hoa tiêu lên tàu khách đi Rạch giá                                 | 20        |
|          | Tàu khách hành trình về Rạch Giá                                   | 180       |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Rạch Giá về Trụ sở Công ty          | 180       |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>        | <b>10</b> |

| TT       | Các bước công việc                                              | Thời gian |
|----------|-----------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch từ Trụ sở Công ty</b>                 | <b>20</b> |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến Rạch Giá      | 180       |
|          | Hoa tiêu lên tàu khách đi Phú Quốc                              | 20        |
|          | Tàu khách hành trình đi Phú Quốc                                | 180       |
|          | Hoa tiêu rời tàu khách lên phương tiện bộ                       | 20        |
|          | Phương tiện đưa Hoa tiêu tàu ra bến cảng An Thới                | 45        |
|          | Hoa tiêu xuống phương tiện thủy tại An Thới                     | 10        |
|          | Phương tiện thủy manô rời cầu An Thới                           | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ cảng ra P/S Định An            | 44        |
|          | Phương tiện thủy cập tàu được dẫn                               | 10        |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                              |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu được dẫn trao đổi với thuyền trưởng            | 10        |
|          | Hoa tiêu điều động kéo neo                                      | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ điểm đón trả Hoa tiêu về cảng An Thới       | 60        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu cập cầu (hoặc rời cầu)                   | 60        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao cho thuyền trưởng           | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>               |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ cảng An Thới về bến tàu Phú Quốc | 45        |
|          | Hoa tiêu lên tàu khách đi Rạch giá                              | 20        |
|          | Tàu khách hành trình về Rạch Giá                                | 180       |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Rạch Giá về Trụ sở Công ty       | 180       |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>     | <b>10</b> |

T98g

| TT       | Các bước công việc                                                 | Thời gian |
|----------|--------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch từ Trụ sở Công ty</b>                    | <b>20</b> |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                   |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến Rạch Giá         | 180       |
|          | Hoa tiêu lên tàu khách đi Phú Quốc                                 | 20        |
|          | Tàu khách hành trình đi Phú Quốc                                   | 180       |
|          | Hoa tiêu rời tàu khách lên phương tiện bộ                          | 20        |
|          | Phương tiện đưa Hoa tiêu tàu ra bến cảng An Thới                   | 45        |
|          | Hoa tiêu xuống phương tiện thủy tại An Thới                        | 10        |
|          | Phương tiện thủy manơ rời cầu An Thới                              | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ cảng ra P/S An Thới               | 44        |
|          | Phương tiện thủy cập tàu được dẫn                                  | 10        |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                                 |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu được dẫn trao đổi với thuyền trưởng               | 10        |
|          | Hoa tiêu điều động kéo neo                                         | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ điểm đón trả Hoa tiêu về cảng Dương Đông       | 180       |
|          | Hoa tiêu điều động tàu cập cầu (hoặc rời cầu)                      | 60        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao cho thuyền trưởng              | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                  |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ cảng Dương Đông về bến tàu Phú Quốc | 30        |
|          | Hoa tiêu lên tàu khách đi Rạch giá                                 | 20        |
|          | Tàu khách hành trình về Rạch Giá                                   | 180       |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Rạch Giá về Trụ sở Công ty          | 180       |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>        | <b>10</b> |

T98h

| TT       | Các bước công việc                                          | Thời gian |
|----------|-------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch từ Trụ sở Công ty</b>             | <b>20</b> |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>            |           |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                               | 10        |
|          | Phương tiện thủy ma nơ rời trạm                             | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ Trạm canô đến tàu          | 22        |
|          | Phương tiện thủy ma nơ cập tàu                              | 10        |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                          |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu được dẫn trao đổi với thuyền trưởng        | 10        |
|          | Hoa tiêu điều động kéo neo                                  | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ Cần Thơ tới cảng (Đồng Tháp)            | 990       |
|          | Hoa tiêu điều động tàu thả neo                              | 30        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao cho thuyền trưởng       | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>           |           |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                               | 10        |
|          | Phương tiện thủy ma nơ rời tàu                              | 10        |
|          | Phương tiện thủy đón Hoa tiêu từ tàu vào cảng               | 11        |
|          | Phương tiện thủy ma nơ cập cầu cảng                         | 10        |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ cảng về Trụ sở Công ty       | 228       |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b> | <b>10</b> |

T98i

| TT       | Các bước công việc                                          | Thời gian |
|----------|-------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch từ Trụ sở Công ty</b>             | <b>20</b> |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>            |           |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                               | 10        |
|          | Phương tiện thủy manơ rời Trạm cano tại Trụ sở Công ty      | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ Trạm cano đến tàu          | 22        |
|          | Phương tiện thủy manơ cập tàu                               | 10        |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                          |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu được dẫn trao đổi với thuyền trưởng        | 10        |
|          | Hoa tiêu điều động kéo neo                                  | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ Cần Thơ tới cảng (Vĩnh Xương)           | 930       |
|          | Hoa tiêu điều động tàu thả neo                              | 30        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao cho thuyền trưởng       | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>           |           |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                               | 10        |
|          | Phương tiện thủy manơ rời tàu                               | 10        |
|          | Phương tiện thủy đón Hoa tiêu từ tàu vào cảng               | 11        |
|          | Phương tiện thủy manơ cập cầu cảng                          | 10        |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ cảng về Trụ sở Công ty       | 285       |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b> | <b>10</b> |

T98k

| TT       | Các bước công việc                                            | Thời gian |
|----------|---------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch từ Trụ sở Công ty</b>               | <b>20</b> |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>              |           |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                 | 10        |
|          | Phương tiện thủy manơ rời Trạm canô tại Trụ sở Công ty        | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa hoa tiêu từ Trạm canô đến tàu            | 22        |
|          | Phương tiện thủy manơ cập tàu                                 | 10        |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                            |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu được dẫn trao đổi với thuyền trưởng          | 10        |
|          | Hoa tiêu điều động kéo neo                                    | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ Cần Thơ tới cảng Mỹ Thới                  | 300       |
|          | Hoa tiêu điều động tàu thả neo                                | 30        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao cho thuyền trưởng         | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>             |           |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                 | 10        |
|          | Phương tiện thủy manơ rời tàu                                 | 10        |
|          | Phương tiện thủy đón hoa tiêu từ tàu vào cảng                 | 11        |
|          | Phương tiện thủy manơ cập cầu cảng                            | 10        |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ cảng Mỹ Thới về Trụ sở Công ty | 120       |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>   | <b>10</b> |

T981

| TT       | Các bước công việc                                                           | Thời gian |
|----------|------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch từ Trụ sở Công ty</b>                              | <b>20</b> |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                             |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến Trạm Định An               | 285       |
|          | Hoa tiêu lên Phương tiện thủy                                                | 20        |
|          | Phương tiện thủy manơ rời cầu                                                | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa hoa tiêu từ Trạm Định An ra P/S Quan Chánh Bố           | 218       |
|          | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                                       | 10        |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                                           |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu được dẫn trao đổi với thuyền trưởng                         | 10        |
|          | Hoa tiêu điều động kéo neo                                                   | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ điểm đón trả Hoa tiêu về nhà máy nhiệt điện Trà Vinh     | 90        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu cặp cầu (hoặc rời cầu)                                | 60        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao cho thuyền trưởng                        | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                            |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ nhà máy nhiệt điện Trà Vinh về Trụ sở Công ty | 285       |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>                  | <b>10</b> |

| TT       | Các bước công việc                                                                | Thời gian<br>(P/S 3) |
|----------|-----------------------------------------------------------------------------------|----------------------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty</b>                                  | <b>20</b>            |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                                  |                      |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu ra cầu tàu                                            | 15                   |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                                     | 10                   |
|          | Phương tiện thủy manơ rời bến xuất phát                                           | 10                   |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu xuất phát đến tàu                                   | 47                   |
|          | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                                            | 10                   |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                                                |                      |
|          | Hoa tiêu lên tàu được dẫn trao đổi với thuyền trưởng                              | 10                   |
|          | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo hoặc cời dây (nếu tàu neo, buộc phao)              | 30                   |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ P/S Vũng Tàu vào cầu cảng Vietsovpetro, PTSC                  | 180                  |
|          | Hoa tiêu điều động tàu cập cảng Vietsovpetro, PTSC                                | 60                   |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng                             | 10                   |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đưa, đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                            |                      |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ cảng Vietsovpetro, PTSC về Trụ sở Công ty          | 22                   |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu làm báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>                   | <b>10</b>            |
|          | ( Nếu tàu rời cảng Vietsovpetro, PTSC đi P/S 3 (P/S 1, 2) Vũng Tàu thì ngược lại) |                      |

T100

| TT       | Các bước công việc                                                                      | Thời gian<br>(P/S 3) |
|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty</b>                                        | <b>20</b>            |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                                        |                      |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu ra cầu tàu                                                  | 15                   |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                                           | 10                   |
|          | Phương tiện thủy manơ rời bến xuất phát                                                 | 10                   |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu xuất phát đến tàu                                         | 47                   |
|          | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                                                  | 10                   |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                                                      |                      |
|          | Hoa tiêu lên tàu được dẫn trao đổi với thuyền trưởng                                    | 10                   |
|          | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo hoặc còi dây (nếu tàu neo, buộc phao)                    | 30                   |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ P/S Vũng Tàu vào cầu cảng Cát Lở, Đông Xuyên, Shipyard              | 225                  |
|          | Hoa tiêu điều động tàu cập cảng Cát Lở, Đông Xuyên, Shipyard                            | 60                   |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng                                   | 10                   |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đưa, đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                                  |                      |
|          | Xe ô tô đưa Hoa tiêu từ cảng Hà Lộc, Cát Lở, Đông xuyên, Shipyard về Trụ sở Công ty     | 41                   |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu làm báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>                         | <b>10</b>            |
|          | (Nếu tàu rời cảng Cát Lở, Đông xuyên, Shipyard đi P/S 3(P/S 1,2)Vũng Tàu thì ngược lại) |                      |

| TT       | Các bước công việc                                                      | Thời gian<br>(P/S 3) |
|----------|-------------------------------------------------------------------------|----------------------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty</b>                        | <b>20</b>            |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                        |                      |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu ra cầu tàu                                  | 15                   |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                           | 10                   |
|          | Phương tiện thủy manơ rời bến xuất phát                                 | 10                   |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu xuất phát đến tàu được dẫn                | 47                   |
|          | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                                  | 10                   |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                                      |                      |
|          | Hoa tiêu lên tàu được dẫn trao đổi với thuyền trưởng                    | 10                   |
|          | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo hoặc cời dây (nếu tàu neo, buộc phao)    | 30                   |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ P/S vào Khu vực Gành Rái                            | 120                  |
|          | Hoa tiêu điều động tàu neo (buộc phao)                                  | 60                   |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng                   | 10                   |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đưa, đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty Hoa tiêu</b>         |                      |
|          | Phương tiện thủy manơ cập tàu đón Hoa tiêu về cảng Cầu đá               | 47                   |
|          | Phương tiện thủy manơ cập cảng Cầu đá                                   | 10                   |
|          | Hoa tiêu từ phương tiện thủy lên phương tiện bộ                         | 10                   |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu về Trụ sở Công ty                           | 15                   |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu làm báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>         | <b>10</b>            |
|          | (Hoa tiêu dẫn tàu từ Gành Rái ra P/S 3; P/S 1,2 Vũng Tàu thì ngược lại) |                      |

T102

| TT | Các bước công việc                                                         | Thời gian |
|----|----------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 1  | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty</b>                           | 20        |
| 2  | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                           |           |
|    | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu đến cầu cảng tàu được dẫn đang cập             | 41        |
| 3  | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                                         |           |
|    | Hoa tiêu lên tàu được dẫn trao đổi với thuyền trưởng                       | 10        |
|    | Hoa tiêu điều động tàu rời cầu                                             | 60        |
|    | Hoa tiêu dẫn tàu chuyển cảng                                               | 75        |
|    | Hoa tiêu điều động tàu cập cầu                                             | 60        |
|    | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng                      | 10        |
| 4  | <b>Phương tiện đưa, đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                     |           |
|    | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ cảng trên luồng Sông Dinh về Trụ sở Công ty | 41        |
| 5  | <b>Hoa tiêu làm báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>            | 10        |

T103

| TT       | Các bước công việc                                                              | Thời gian<br>(P/S 3) |
|----------|---------------------------------------------------------------------------------|----------------------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty</b>                                | <b>20</b>            |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                                |                      |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu ra cầu tàu                                          | 15                   |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                                   | 10                   |
|          | Phương tiện thủy manơ rời bến xuất phát                                         | 10                   |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu xuất phát đến tàu                                 | 47                   |
|          | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                                          | 10                   |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                                              |                      |
|          | Hoa tiêu lên tàu được dẫn trao đổi với thuyền trưởng                            | 10                   |
|          | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo hoặc còi dây (nếu tàu neo, buộc phao)            | 30                   |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ Vũng Tàu vào cầu cảng VeDan..., Cẩm Phả.                    | 327                  |
|          | Hoa tiêu điều động tàu cập cảng VeDan..., Cẩm Phả                               | 60                   |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng                           | 10                   |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đưa, đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                          |                      |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ cảng VeDan..., Gò Dầu B về Trụ sở Công ty        | 96                   |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu làm báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>                 | <b>10</b>            |
|          | ( Nếu tàu rời cảng VeDan...,Gò Dầu B đi P/S 3 (P/S 1,2) Vũng Tàu thì ngược lại) |                      |

T104

| TT       | Các bước công việc                                                                                      | Thời gian<br>(P/S 3) |
|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty</b>                                                        | <b>20</b>            |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                                                        |                      |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu ra cầu tàu                                                                  | 15                   |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                                                           | 10                   |
|          | Phương tiện thủy manơ rời bến xuất phát                                                                 | 10                   |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu xuất phát đến tàu                                                         | 47                   |
|          | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                                                                  | 10                   |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                                                                      |                      |
|          | Hoa tiêu lên tàu được dẫn trao đổi với thuyền trưởng                                                    | 10                   |
|          | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo hoặc cởi dây (nếu tàu neo, buộc phao)                                    | 30                   |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ Vũng tàu vào cầu cảng Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ..., SP-PSA, Posco                   | 251                  |
|          | Hoa tiêu điều động tàu cập cảng Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ..., Posco                                     | 60                   |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng                                                   | 10                   |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đưa, đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty Hoa tiêu</b>                                         |                      |
|          | Xe ô tô đưa Hoa tiêu từ cảng Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ..., SP-PSA, Posco về Trụ sở Công ty hoa tiêu     | 88                   |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu làm báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>                                         | <b>10</b>            |
|          | ( Nếu tàu rời cảng Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ...,SP-PSA, Posco đi P/S 3, P/S 1,2 Vũng Tàu thì ngược lại) |                      |

T105

| TT       | Các bước công việc                                                         | Thời gian<br>(P/S 3) |
|----------|----------------------------------------------------------------------------|----------------------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty</b>                           | <b>20</b>            |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                           |                      |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu ra cầu tàu để phương tiện thủy đưa ra tàu      | 15                   |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                              | 10                   |
|          | Phương tiện thủy ma nơ rời bến xuất phát                                   | 10                   |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu xuất phát đến tàu                            | 47                   |
|          | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                                     | 10                   |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                                         |                      |
|          | Hoa tiêu lên tàu được dẫn trao đổi với thuyền trưởng                       | 10                   |
|          | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo hoặc cời dây (nếu tàu neo, buộc phao)       | 30                   |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ Vũng Tàu vào cầu cảng Interflour..., petec.            | 230                  |
|          | Hoa tiêu điều động tàu cập cảng Interflour..., Petec.                      | 60                   |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng                      | 10                   |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đưa, đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                     |                      |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ cảng Interflour..., Petec về Trụ sở Công ty | 85                   |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu làm báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>            | <b>10</b>            |
|          | ( Nếu tàu rời Posco..., Petec đi P/S 3, P/S 1,2 Vũng Tàu thì ngược lại)    |                      |

T106

| TT       | Các bước công việc                                                                                               | Thời gian<br>(P/S 3) |
|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty</b>                                                                 | <b>20</b>            |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                                                                 |                      |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu ra cầu tàu                                                                           | 15                   |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                                                                    | 10                   |
|          | Phương tiện thủy manơ rời bến xuất phát                                                                          | 10                   |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu xuất phát đến tàu được dẫn                                                         | 47                   |
|          | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                                                                           | 10                   |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                                                                               |                      |
|          | Hoa tiêu lên tàu được dẫn trao đổi với thuyền trưởng                                                             | 10                   |
|          | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo hoặc cởi dây (nếu tàu neo, buộc phao)                                             | 30                   |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ Vũng Tàu vào cầu cảng Xăng dầu..., SSIT                                                      | 210                  |
|          | Hoa tiêu điều động tàu cập cảng Xăng dầu..., SSIT.                                                               | 60                   |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng                                                            | 10                   |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đưa, đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                                                           |                      |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ cảng Xăng dầu..., SSIT về Trụ sở Công ty                                          | 80                   |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu làm báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>                                                  | <b>10</b>            |
|          | ( Nếu tàu rời cảng Xăng dầu, Hưng thái, Quốc tế Cái mép ( CMIT), SSIT đi P/S 3; P/S 1,2 Vũng Tàu thì ngược lại). |                      |

T107

| TT       | Các bước công việc                                                          | Thời gian<br>(P/S 3) |
|----------|-----------------------------------------------------------------------------|----------------------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty</b>                            | <b>20</b>            |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                            |                      |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu ra cầu tàu để phương tiện thủy đưa ra tàu       | 15                   |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                               | 10                   |
|          | Phương tiện thủy ma-nơ rời bến xuất phát                                    | 10                   |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu xuất phát đến tàu được dẫn                    | 47                   |
|          | Phương tiện thủy ma-nơ cập tàu được dẫn                                     | 10                   |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                                          |                      |
|          | Hoa tiêu lên tàu được dẫn trao đổi với thuyền trưởng                        | 10                   |
|          | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo hoặc cởi dây (nếu tàu neo, buộc phao)        | 30                   |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ Vũng Tàu vào Khu vực Gò Da                              | 240                  |
|          | Hoa tiêu điều động tàu neo (buộc phao)                                      | 60                   |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng                       | 10                   |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đưa, đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                      |                      |
|          | Phương tiện thủy ma-nơ cập tàu đón Hoa tiêu về cảng Cầu Đá                  | 146                  |
|          | Phương tiện thủy ma-nơ cập cảng Cầu Đá                                      | 10                   |
|          | Hoa tiêu từ phương tiện thủy lên phương tiện bộ                             | 10                   |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu về Trụ sở Công ty                               | 15                   |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu làm báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>             | <b>10</b>            |
|          | ( Nếu tàu rời Khu neo, buộc phao Gò Da đi P/S 1,2,3 Vũng Tàu thì ngược lại) |                      |

T108

| TT       | Các bước công việc                                                                 | Thời gian<br>(P/S 3) |
|----------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty</b>                                   | <b>20</b>            |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                                   |                      |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu đến cầu cảng tàu được dẫn đang cập                     | 96                   |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                                                 |                      |
|          | Hoa tiêu lên tàu được dẫn trao đổi với thuyền trưởng                               | 10                   |
|          | Hoa tiêu điều động tàu rời cầu                                                     | 60                   |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu chuyển cảng                                                       | 102                  |
|          | Hoa tiêu điều động tàu cập cầu                                                     | 60                   |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng                              | 10                   |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đưa, đón Hoa tiêu Trụ sở Công ty</b>                                |                      |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ cảng trên luồng Cái Mép - Thị Vải về Trụ sở Công ty | 96                   |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu làm báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>                    | <b>10</b>            |

| TT       | Các bước công việc                                                   | Thời gian |
|----------|----------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty</b>                     | <b>20</b> |
| <b>2</b> | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                     |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu đi sân bay Tân Sơn Nhất                  | 180       |
|          | Hoa tiêu chờ làm thủ tục tại sân bay Tân Sơn Nhất                    | 60        |
|          | Thời gian bay từ Tân Sơn Nhất- Côn Đảo                               | 60        |
|          | Hoa tiêu làm thủ tục tại sân bay Côn Đảo                             | 30        |
|          | Xe ô tô đón Hoa tiêu đến cầu cảng                                    | 60        |
|          | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                        | 10        |
|          | Phương tiện thủy manơ rời bến xuất phát                              | 10        |
|          | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu ra tàu được dẫn                        | 31        |
|          | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                               | 10        |
| <b>3</b> | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                                   |           |
|          | Hoa tiêu lên tàu được dẫn trao đổi với thuyền trưởng                 | 10        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo hoặc cõi dây (nếu tàu neo, buộc phao) | 30        |
|          | Hoa tiêu dẫn tàu từ P/S vào Cảng Bến Đầm Côn đảo                     | 40        |
|          | Hoa tiêu điều động tàu cập cầu cảng                                  | 60        |
|          | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng                | 10        |
| <b>4</b> | <b>Phương tiện đưa, đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>               |           |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Cảng về Trạm Hoa tiêu Côn Đảo         | 30        |
|          | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu ra sân bay Côn Đảo                       | 40        |
|          | Hoa tiêu làm thủ tục tại sân bay Côn Đảo                             | 60        |
|          | Thời gian bay từ Côn Đảo - Sân bay Tân Sơn Nhất                      | 60        |
|          | Hoa tiêu làm thủ tục tại sân bay Tân Sơn Nhất                        | 30        |
|          | Xe ô tô đưa Hoa tiêu về Trụ sở Công ty                               | 180       |
| <b>5</b> | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>          | <b>10</b> |
|          | ( Hoa tiêu dẫn tàu từ P/S vào cảng Bến Đầm Côn đảo thì ngược lại)    |           |

T110

| TT | Các bước công việc**                                                                         | Thời gian |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 1  | <b>Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty</b>                                             | 20        |
| 2  | <b>Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn</b>                                             |           |
|    | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu ra cầu tàu để phương tiện thủy đưa ra tàu                        | 15        |
|    | Hoa tiêu lên phương tiện thủy                                                                | 10        |
|    | Phương tiện thủy manơ rời bến xuất phát                                                      | 10        |
|    | Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu xuất phát đến tàu được dẫn                                     | 47        |
|    | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                                                       | 10        |
| 3  | <b>Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu</b>                                                           |           |
|    | Hoa tiêu lên tàu được dẫn trao đổi với thuyền trưởng                                         | 10        |
|    | Hoa tiêu điều động tàu kéo neo hoặc cời dây (nếu tàu neo, buộc phao)                         | 30        |
|    | Hoa tiêu dẫn tàu từ Vùng neo Gành Rái Vũng Tàu đi Biên giới Vĩnh Xương (Campuchia- Việt Nam) | 1,500     |
|    | Hoa tiêu điều động tàu thả neo                                                               | 60        |
|    | Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng                                        | 10        |
| 4  | <b>Phương tiện đưa, đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty</b>                                       |           |
|    | Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn                                                       | 10        |
|    | Phương tiện thủy đón Hoa tiêu vào Trạm hoa tiêu Vĩnh Xương                                   | 16        |
|    | Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trạm hoa tiêu Vĩnh Xương - An Giang về Trụ sở Công ty         | 612       |
| 5  | <b>Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành</b>                                  | 10        |
|    | (Nếu tàu được dẫn rời Vĩnh Xương- An Giang đi Vũng Tàu thì ngược lại)                        |           |